

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH TÂY NINH

LỚP 10



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN VĂN PHƯỚC – TRẦN THỊ KIM NHUNG (đồng Tổng Chủ biên)

HỒ HẢI THỌ – NGUYỄN THỊ HIỂN (đồng Chủ biên)

TRẦN THANH BÌNH – TRẦN THỊ MỸ KIỀU – TRẦN THỊ HẠNH LỢI

HOÀNG THỊ KIỀU OANH – HOÀNG MINH PHÚC – NGUYỄN QUỐC TOÀN

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH
TÂY NINH **LỚP 10**

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU	4
Chuyên đề 1	
BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở TỈNH TÂY NINH	5
Chuyên đề 2	
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỈNH TÂY NINH.....	28
Chuyên đề 3	
VĂN HỌC DÂN GIAN TÂY NINH	38
Chuyên đề 4	
CHÂN DUNG CÁC NHẠC SĨ TIÊU BIỂU Ở TỈNH TÂY NINH.....	60
Chuyên đề 5	
CHÂN DUNG HOẠ SĨ Ở TỈNH TÂY NINH	74
Chuyên đề 6	
KINH TẾ TỈNH TÂY NINH	86
BẢNG THUẬT NGỮ	98

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Nhằm đáp ứng yêu cầu nội dung giáo dục địa phương của Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tổ chức biên soạn *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Tây Ninh – Lớp 10*. Tài liệu gồm các chuyên đề về *Lịch sử, Địa lí, Văn học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Kinh tế và pháp luật*. Mỗi chuyên đề được thiết kế thành các hoạt động: Khởi động, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng nhằm tạo điều kiện giúp học sinh phát huy tính tích cực học tập, khả năng sáng tạo, đồng thời hỗ trợ các em phát triển năng lực tự học cũng như định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Với tính chất đồng hành, hỗ trợ, chúng tôi hi vọng *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Tây Ninh – Lớp 10* sẽ là cầu nối tri thức giúp các em hiểu biết về nơi mình sinh ra và lớn lên, bồi dưỡng tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

Chúc các em có những trải nghiệm bổ ích cùng *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Tây Ninh – Lớp 10*.

BAN BIÊN SOẠN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU



Mục tiêu

Những kiến thức, phẩm chất, năng lực, thái độ mà các em cần đạt được sau mỗi chuyên đề.



Khởi động

Tạo được tình huống mâu thuẫn trong tư duy và sự hứng thú trong tìm hiểu kiến thức mới.



Khám phá

Giúp các em tự lĩnh hội kiến thức thông qua các chuỗi hoạt động giáo dục.



Luyện tập

Giúp các em tập làm và hiểu rõ hơn những điều vừa khám phá được.



Vận dụng

Giúp các em vận dụng những nội dung đã học vào thực tiễn.



Em có biết?

Giúp các em tiếp cận một số thông tin mở rộng về nội dung đang tìm hiểu.

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở TỈNH TÂY NINH

BÀI 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DI SẢN VĂN HOÁ Ở TỈNH TÂY NINH



Mục tiêu

- Nắm được những khái niệm cơ bản về di sản văn hoá.
- Phân loại được các loại di sản văn hoá.
- Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá.
- Lập được bảng xếp loại di sản văn hoá ở tỉnh Tây Ninh.



Khởi động

Trong bảng các di sản văn hoá dưới đây, em hãy xác định di sản nào của tỉnh Tây Ninh.

Bảng danh mục một số di sản văn hoá Việt Nam

STT	TÊN DI SẢN	NĂM CÔNG NHẬN
1	Múa trống Chhay-dăm	2014
2	Lễ hội Vía Bà Ngũ Hành	2014
3	Lễ hội Ok Om Bok của người Khmer	2014
4	Di tích khảo cổ học Gò Cổ Lâm	1994
5	Di tích lịch sử đình An Tịnh	1994



Khám phá

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DI SẢN

1. Khái niệm và phân loại

Di sản văn hoá là những sản phẩm tinh thần, vật chất do người dân tạo ra, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Di sản văn hoá Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đồng thời là một bộ phận của di sản văn hoá nhân loại. Nó có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân từ xưa tới nay.

Di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá phi vật thể và di sản văn hoá vật thể.

2. Di sản văn hoá vật thể

Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia⁽¹⁾. Ví dụ: Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Khu Di tích lịch sử văn hoá – danh thắng và du lịch núi Bà Đen, Di tích khảo cổ học Gò Cổ Lâm, Di tích đình Long Thành,...



Hình 1. Đình Long Thành, thị xã Hoà Thành

(Nguồn: Hạnh Lợi)



Em có biết?

Đình Long Thành tọa lạc ở ấp Bến Kéo, xã Long Thành Nam, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh, là nơi thờ cụ Trần Văn Thiện, người đã có công lớn trong việc khai phá vùng đất này trong những năm giữa thế kỷ XIX. Năm 1883, đình được xây cất và được tu sửa vào các năm 1929, 1938. Trong giai đoạn 1957 – 1963, đình được đại tu và giữ nguyên đến ngày nay. Hằng năm, vào các ngày 17 – 18 tháng 3 âm lịch, tại đình đã diễn ra lễ Kỳ yên. Năm 1993, đình Long Thành được Nhà nước công nhận là Di tích lịch sử – văn hoá cấp quốc gia.

⁽¹⁾ Trích Mục 2, Điều 4, Luật di sản văn hoá.

3. Di sản văn hoá phi vật thể

Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác⁽¹⁾. Di sản văn hoá phi vật thể bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác. Ví dụ: Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ, Lễ Kỳ yên Đình Gia Lộc, Múa trống Chhay-dăm, Nghề làm bánh trắng phơi sương Trảng Bàng, Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu – núi Bà Đen,...



Hình 2. Lễ hội Kỳ yên đình Gia Lộc

(Nguồn: tayninh.city)



Em có biết?

Lễ hội Kỳ yên ở đình Gia Lộc (thị xã Trảng Bàng) là một trong những lễ hội tế thần cầu an lớn nhất ở miền Nam. Lễ Kỳ yên là lễ hội mang ý nghĩa tâm linh, cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, dân giàu nước mạnh. Lễ cũng là ngày hội tôn vinh những nét đẹp văn hoá truyền thống của nhân dân Nam Bộ. Hằng năm, lễ diễn ra từ ngày 14 đến 16 tháng 3 âm lịch. Lễ hội Kỳ yên ở đình Gia Lộc là nét văn hoá tín ngưỡng có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân tỉnh Tây Ninh. Năm 2012, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã quyết định đưa Lễ hội Kỳ yên ở đình Gia Lộc vào Danh mục Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia, loại hình lễ hội truyền thống.

⁽¹⁾ Trích Mục 1, Điều 4, Luật di sản văn hoá.

4. Ý nghĩa của di sản

Những năm qua, các di sản văn hoá được nhận diện giá trị, bảo tồn và phát huy, đã góp phần không nhỏ vào việc giáo dục lịch sử, vun đắp truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Di sản cũng đã và đang giữ vai trò quan trọng trong việc lưu giữ các giá trị vật chất, tinh thần của đất nước; góp phần làm phong phú thêm các sản phẩm văn hoá du lịch; tôn vinh, quảng bá các giá trị lịch sử, khoa học, thẩm mỹ quốc gia; thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Đồng thời, nó là cơ sở để con người tiếp tục sáng tạo những giá trị văn hoá mới, mở rộng và giao lưu văn hoá quốc tế.

Như vậy, di sản văn hoá Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển toàn diện về con người, cũng như các hoạt động khác trong quá trình phát triển của quốc gia.



Em có biết?

Linh Sơn Thánh Mẫu là tín ngưỡng thờ Thánh có nguồn gốc tại Tây Ninh. Đây là hình tượng vị nữ thần được xây dựng từ truyền thuyết của các dân tộc ở xung quanh núi Bà Đen (Tây Ninh). Vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu là một trong những biểu tượng thờ Mẫu điển hình ở Nam Bộ. Nghi thức lễ hội là sự kết hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian. Năm 2018, Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu được công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

Hình 3. Du khách tham gia Lễ vía bà
Linh Sơn Thánh Mẫu

(Nguồn: Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch tỉnh
Tây Ninh)



- Trình bày khái niệm và phân loại di sản văn hoá.
- Vì sao di sản có ý nghĩa quan trọng trong xã hội ngày nay?

II. TỔNG QUAN VỀ DI SẢN VĂN HOÁ Ở TỈNH TÂY NINH

Tỉnh Tây Ninh là vùng đất thuộc Đông Nam Bộ. Nhờ có sông Sài Gòn ở phía đông và sông Vàm Cỏ Đông ở phía tây, cùng với nhiều sông rạch nhỏ nên vùng đất Tây Ninh rất thuận lợi cho cuộc sống của cộng đồng dân cư từ thời xưa đến nay. Tỉnh Tây Ninh cũng là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, là nơi đóng căn cứ của Trung ương Cục miền Nam, là thủ đô của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, cũng là nơi đứng chân của các lực lượng vũ trang cách mạng. Vì vậy, cho đến nay trên địa bàn tỉnh có nhiều di tích lịch sử được công nhận là Di sản văn hoá.



Em có biết?

Căn cứ cách mạng Dương Minh Châu được thành lập vào đầu năm 1951, là nơi hoạt động của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, các đơn vị vũ trang của tỉnh Tây Ninh, Khu 7, Phân liên khu miền Đông Nam Bộ, Xứ uỷ, Trung ương Cục miền Nam, Uỷ ban kháng chiến hành chính và Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Nơi đây cũng đã ghi dấu nhiều chiến công hiển hách của quân dân Tây Ninh.



Hình 4. Di tích Căn cứ Dương Minh Châu
(Nguồn: Hạnh Lợi)

1. Về di sản văn hoá vật thể

Tỉnh Tây Ninh là một trong số ít các tỉnh phía nam có số lượng di tích lịch sử – văn hoá “đồ sộ” bao gồm các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo; các di tích khảo cổ, di tích lịch sử cách mạng,... Trong số các di tích đã được đưa vào danh mục kiểm kê có 95 di tích đã được xếp hạng, bao gồm: 1 di tích cấp quốc gia đặc biệt (Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam); 26 di tích cấp quốc gia và 68 di tích lịch sử – văn hoá cấp tỉnh (tính đến tháng 2 – 2022). Ngoài ra, còn hàng trăm di tích chưa được hoặc đang trong quá trình đề nghị xếp hạng.

Với chiều dài lịch sử của mình, tỉnh Tây Ninh hiện nay có nhiều di tích gắn liền với cuộc kháng chiến giải phóng miền Nam và hàng trăm di tích khảo cổ học, đình, chùa với những điểm nổi bật của kiến trúc mang nét đặc trưng vùng Nam Bộ được phát hiện và lưu giữ. Đó chính là các di sản quý giá mà người Tây Ninh luôn trân trọng và gìn giữ cho mai sau.



Em có biết?



Hình 5. Di tích lịch sử – văn hoá chùa
Bửu Long
(Nguồn: baotayninh.vn)

Chùa Bửu Long, hay còn gọi chùa Bàu Tượng, là một ngôi chùa cổ, tọa lạc trên một gò đất rộng, thuộc ấp Xóm Khách, xã Long Giang, huyện Bến Cầu. Ngôi chùa được xây dựng dưới thời vua Minh Mạng. Trải qua thời gian, chiến tranh, ngôi chùa bị hư hỏng nặng. Qua 4 lần trùng tu ngôi chùa trở nên khang trang hơn. Ngoài kiến trúc chùa, trong khuôn viên còn có nhiều cây cổ thụ tạo nên không gian yên bình pha nét cổ kính. Chùa Bửu Long đã được công nhận là Di tích lịch sử – văn hoá cấp tỉnh tại Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 22 – 11 – 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2. Về di sản văn hoá phi vật thể

Hệ thống di sản văn hoá phi vật thể ở tỉnh Tây Ninh cũng vô cùng phong phú. Với 7 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia, tỉnh Tây Ninh đã góp một phần không nhỏ vào việc gìn giữ và làm phong phú hơn cho nền văn hoá Việt Nam. Các di sản văn hoá phi vật thể quốc gia của tỉnh Tây Ninh gồm: “Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; “Múa trống Chhay-dăm” của dân tộc Khmer ở xã Trường Tây, thị xã Hoà Thành; “Lễ hội Kỳ yên đình Gia Lộc” và “Nghề làm bánh tráng phơi sương” ở thị xã Trảng Bàng; “Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu” ở thành phố Tây Ninh, “Lễ hội Quan lớn Trà Vong Tân Biên” và “Nghệ thuật chế biến món chay” ở tỉnh Tây Ninh.



Em có biết?

Nghệ thuật ẩm thực chay là một trong những nét văn hoá đặc sắc ở tỉnh Tây Ninh. Nó gắn liền với yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng của người dân, tạo nên sự độc đáo trong văn hoá ẩm thực. Nguyên liệu tạo nên món ăn chay khá phong phú, gồm các loại rau củ được trồng hoặc có sẵn trong tự nhiên. Các món chay thường xuyên xuất hiện trong bữa ăn của người dân tỉnh Tây Ninh, nhưng phổ biến nhất là vào dịp lễ, tết. Mâm chay cúng lễ được chuẩn bị công phu, trang trí bắt mắt thể hiện sự tinh tế trong nghệ thuật ẩm thực. Với các giá trị tiêu biểu về tâm linh, tín ngưỡng, sức khỏe, Nghệ thuật chế biến món ăn chay ở tỉnh Tây Ninh đã được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 75/QĐ-BVHTTDL ngày 12 – 1 – 2022.



Hình 6. Một số món chay của người Tây Ninh
(Nguồn: baotayninh.vn)

Ngoài ra, nghệ thuật trình diễn dân gian, ngữ văn dân gian, tập quán các dân tộc, lễ hội truyền thống và ngành nghề thủ công truyền thống,... tại tỉnh Tây Ninh cũng tạo cho tỉnh một khối lượng di sản văn hoá phi vật thể lớn, là tiềm năng quan trọng trong khai thác phát triển du lịch nói riêng, kinh tế tỉnh Tây Ninh nói chung.



- Nhận xét về hệ thống di sản văn hoá ở tỉnh Tây Ninh.
- Việc tỉnh Tây Ninh có nhiều di sản văn hoá chứng tỏ điều gì?



Luyện tập

1. Phát biểu cảm nghĩ của em về một di sản văn hoá tiêu biểu ở tỉnh Tây Ninh.
2. Hoàn thành bảng thống kê danh mục các di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia của tỉnh Tây Ninh theo mẫu:

STT	TÊN DI SẢN	LOẠI HÌNH	ĐỊA BÀN	NĂM CÔNG NHẬN
1	Múa trống Chhay-dăm	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thị xã Hoà Thành	2014
2	?	?	?	
3	?	?	?	
4	?	?	?	
5	?	?	?	



Vận dụng

Theo em, vì sao Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu được công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể của quốc gia?

BÀI 2

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH



Mục tiêu

- Hiểu được giá trị của các di sản văn hoá trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục, du lịch tại tỉnh Tây Ninh.
- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn trong việc bảo tồn các di sản văn hoá tại tỉnh Tây Ninh.
- Biết phát huy giá trị các di sản văn hoá tại tỉnh Tây Ninh.



Khởi động

Em hãy đọc thông tin, quan sát hình ảnh sau và cho biết: Thông tin này đề cập đến di tích lịch sử nào? Ở đâu?

“Năm 1946, lực lượng kháng chiến Tây Ninh rút ra rừng xây dựng căn cứ, Chi đội 11 sau là Trung đoàn 311 đóng ở Đồng Rùm, lập công binh xưởng sản xuất vũ khí. Năm 1951, Xứ uỷ chọn nơi đây làm căn cứ, gọi là X40 hay là căn cứ Lê Duẩn”⁽¹⁾.



Nhà Bia tưởng niệm liệt sĩ tại Đồng Rùm
(Nguồn: baotayninh.vn)

⁽¹⁾ Nguồn: baotayninh.vn.



I. MỘT SỐ DI SẢN VĂN HOÁ TIÊU BIỂU Ở TỈNH TÂY NINH

Với chiều dài lịch sử của mảnh đất Tây Ninh, cư dân sống ở vùng đất này đã tạo dựng nên được những di sản văn hoá vượt thời gian, được công nhận cấp địa phương và quốc gia.

1. Di tích lịch sử – văn hoá, danh thắng và du lịch núi Bà Đen

Khu di tích lịch sử văn hoá – danh thắng và du lịch núi Bà Đen là quần thể di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh nổi tiếng không chỉ của riêng tỉnh Tây Ninh mà của cả Nam Bộ. Quần thể di tích này cách thành phố Tây Ninh 11 km về hướng đông bắc. Núi cao 986 m, là ngọn núi cao nhất Nam Bộ, với những hang động hoang sơ, thảm thực vật phong phú.



Hình 1. Kiến trúc chùa trên núi Bà Đen

(Nguồn: Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch tỉnh Tây Ninh)



Hình 2. Cảnh quan trên núi Bà Đen

(Nguồn: Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch tỉnh Tây Ninh)

Bên cạnh vẻ đẹp tự nhiên, quần thể di tích này còn là một tổ hợp gồm các công trình kiến trúc tôn giáo: điện thờ, chùa, miếu, tháp... trong đó nổi bật nhất là chùa Bà Đen. Sự kết hợp của các loại hình kiến trúc này phản ánh nét đặc trưng, hoà quyện giữa tôn giáo và tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của nhân dân ta.



Em có biết?

Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1099/QĐ-TTg về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035. Theo đó, quy hoạch Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen với 2 903,79 ha, phạm vi nghiên cứu mở rộng bao gồm các khu vực lân cận trong vùng ảnh hưởng của khu du lịch gồm các khu vực hồ Dầu Tiếng; Toà thánh Cao Đài; Khu di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam; Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát; cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, Xa Mát kết nối các tuyến du lịch quốc tế đi Cam-pu-chia và các nước láng giềng khác.



Hình 3. Tượng Phật Bà Tây Bồ Đà Sơn trên đỉnh núi Bà Đen

(Nguồn: baotintuc.vn và thegioicombo.vn)

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, núi Bà Đen đã từng là nơi diễn ra nhiều trận đánh ác liệt của quân và dân Việt Nam. Chính vì vậy, bên cạnh các cảnh quan tự nhiên và kiến trúc chùa, đền, tỉnh Tây Ninh cũng đã tiến hành trùng tu và xây dựng 2 địa điểm trưng bày một số hiện vật và hình ảnh về các cán bộ, chiến sĩ quân giải phóng ở động Kim Quang và bảo tàng dưới chân núi.

Khu di tích lịch sử và thắng cảnh núi Bà Đen được công nhận là Di tích lịch sử – văn hoá và danh lam thắng cảnh cấp quốc gia tại Quyết định số 100-VH/QĐ ngày 21 – 1 – 1989. Hiện nay, tỉnh Tây Ninh đang xây dựng và phát triển di tích này trở thành khu du lịch với các chức năng thương mại, du lịch; văn hoá, thể thao; vui chơi giải trí tổng hợp; dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng cao cấp; phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, thiên nhiên, môi trường sinh thái,... phù hợp yêu cầu phát triển, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Di tích Địa điểm thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Tây Ninh tại Giồng Nần

Di tích Địa điểm thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Tây Ninh tại Giồng Nần thuộc tổng Hàm Ninh, phủ Tây Ninh (nay là ấp Long Đại, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh).

Giồng Nần vào thời điểm đó là một khu rừng rậm, điểm đến sinh sống của nhiều người dân, trong đó có ông Võ Văn Lợi. Ông Lợi là một thanh niên yêu nước ở Bà Điểm, Hóc Môn (tỉnh Gia Định, nay là Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng bị bắt đi lính cho Pháp. Do không chịu theo Pháp, ông đã bỏ trốn và tìm đến Giồng Nần vừa làm ăn sinh sống, vừa tuyên truyền cách mạng, giác ngộ quần chúng nơi đây tham gia chống Pháp.

Bốn thanh niên tích cực người địa phương được ông giác ngộ đầu tiên là Trương Văn Chẩn, Trương Văn Phú, Trần Văn Luông và Nguyễn Văn Viết. Họ đã hợp thành một nhóm, chia nhau đi vận động quần chúng trong vùng. Năm 1930, ông Lợi được kết nạp Đảng cộng sản Đồng Dương tại Bà Điểm, Hóc Môn. Sau khi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản, ông trở lại Giồng Nần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền và gây dựng phong trào cách mạng.

Sau khi ông Võ Văn Lợi bị thực dân Pháp bắt, kết án tù chung thân và đày ra Côn Đảo, những người còn lại đã phải chuyển sang biên giới Cam-pu-chia để sinh sống nhằm tránh bị khủng bố. Tại đây, họ bắt được liên lạc với tổ chức Đảng ở Ba Ty. Sau khi được kết nạp vào đảng, họ trở về tiếp tục hoạt động ở các xã thuộc huyện Châu Thành. Với những hoạt động tích cực của những đảng viên này, tổ chức Nông hội đỏ của Tây Ninh đã được thành lập.



Em có biết?

Nông hội đỏ là tổ chức của nông dân được hình thành trên cơ sở các hội văn công cấy gặt, các hội ái hữu tương tế. Tổ chức này được thành lập để lãnh đạo nông dân đòi dân sinh dân chủ, chống sưu cao thuế nặng, chống áp bức bóc lột.

Nhà lưu niệm Nông hội đỏ là công trình được khởi công xây dựng trong đợt nâng cấp, trùng tu Khu di tích Địa điểm thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Tây Ninh tại Giồng Nần (2012). Công trình hoàn thành năm 2013, trở thành nơi lưu giữ dấu ấn lịch sử của tổ chức Nông hội đỏ Tây Ninh.



Hình 4. Nhà lưu niệm Nông hội đỏ
(Nguồn: baotayninh.vn)

Tại Giồng Nần, nhóm đảng viên đầu tiên đã tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền giác ngộ cho quần chúng, kêu gọi họ tham gia cách mạng. Từ những hạt giống đỏ của phong trào cách mạng Tây Ninh ở Giồng Nần, các cơ sở đảng đã nhanh chóng ra đời và ngày càng mở rộng ảnh hưởng, góp phần quan trọng vào sự thành công của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.



Hình 5. Bia ghi danh 8 đảng viên đầu tiên của cơ sở đảng ở Giồng Nần
(Nguồn: baotayninh.vn)

Năm 2002, trên vùng đất Giồng Nần, nhân dân địa phương đã xây dựng một nhà bia tường niệm với tên gọi: Bia Kỷ niệm nhóm đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2005, Tỉnh ủy tỉnh Tây Ninh cho xây dựng lại với tên gọi là: Khu lưu niệm cơ sở Đảng đầu tiên tỉnh Tây Ninh tại Giồng Nần. Năm 2012, Tỉnh ủy tỉnh Tây Ninh tiếp tục nâng cấp và cho xây dựng thêm nhà lưu niệm Nông hội đỏ trong khu di tích.



Hình 6. Di tích địa điểm thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Tây Ninh tại Giồng Nần
(Nguồn: baotayninh.vn)

Sau khi được xây dựng, di tích Địa điểm thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Tây Ninh tại Giồng Nần đã trở thành địa chỉ đỏ cho các hoạt động về nguồn của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh. Đồng thời, đây còn là điểm tham quan, tưởng niệm rất ý nghĩa của du khách thập phương khi đến tỉnh Tây Ninh.

Với những giá trị về mặt lịch sử, di tích Địa điểm thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Tây Ninh tại Giồng Nần đã được xếp hạng là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 3991/QĐ-BVHTTDL ngày 12 – 11 – 2013 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.



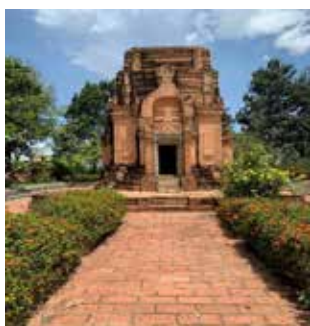
Em có biết?

Di tích Địa điểm thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Tây Ninh tại Giồng Nần là một trong những nơi được đầu tư để mở rộng thêm diện tích, xây mới nhà tiếp khách và tu bổ các hạng mục khác trong đề án tu bổ, tôn tạo di tích của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2025.

3. Di tích tháp cổ Chót Mạt

Tháp Chót Mạt tọa lạc giữa cánh đồng thuộc ấp Xóm Mới, xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Cùng với tháp Bình Thạnh ở Trảng Bàng, tháp Chót Mạt là một trong hai công trình kiến trúc tháp cổ còn tương đối nguyên vẹn ở Tây Ninh⁽¹⁾.

Tháp Chót Mạt được xác định xây dựng vào đầu thế kỉ VIII, thuộc nền văn hoá Óc Eo. Tháp được xây dựng bằng gạch, có bình diện vuông 5 m x 5 m với chiều cao 10 m. Để xây dựng tháp, người thợ đã sử dụng chất kết dính ô dước – một loại vật liệu đặc biệt trong nghệ thuật xây dựng của người Nam Bộ. Tháp có mặt theo cả 4 hướng: đông, tây, nam, bắc, trong đó mặt chính hướng đông. Ba mặt còn lại của tháp đều có phần “cửa giả” nhô ra phía ngoài tường. Thiết kế tháp gồm 3 tầng giạt cấp, nhỏ dần lên phía trên. Trên bề mặt của tháp đều chạm nổi hình người, hoa lá cách điệu và những hoạ tiết trang trí tinh xảo, do bàn tay khéo léo của các nghệ nhân tạo nên.



Hình 7. Tháp Chót Mạt nhìn từ cửa chính (hướng đông)
(Nguồn: Hạnh Lợi)



Hình 8. Tháp Chót Mạt nhìn từ cửa phụ (hướng tây)
(Nguồn: Hạnh Lợi)

⁽¹⁾ Ở Nam Bộ còn có tháp cổ Vĩnh Hưng (Bạc Liêu) có cùng loại hình kiến trúc, cùng thời với tháp Chót Mạt và Bình Thạnh.

Kiến trúc tháp Chót Mạt mang nét tương đồng với các công trình tháp Chăm ở miền Trung Việt Nam. Mặc dù qua thời gian, tháp bị bào mòn, hư hại nhiều, song về cơ bản tường tháp vẫn còn giữ được các nét hoa văn được chạm nổi dưới lớp rêu phong. Điều đó đã làm cho công trình tháp cổ này vừa có giá trị kiến trúc vừa mang tính thẩm mỹ. Tháp Chót Mạt không chỉ là biểu tượng văn hoá tâm linh của người xưa mà đây còn là ngôi tháp mang giá trị lịch sử. Do vậy, tháp Chót Mạt trở thành công trình kiến trúc có giá trị lịch sử văn hoá đặc biệt và quý giá trong di sản kiến trúc Việt Nam.

Năm 1993, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã công nhận tháp cổ Chót Mạt là Di tích lịch sử – văn hoá cấp quốc gia.

Để các giá trị của tháp được bảo tồn và phát huy, trong những năm qua, huyện Tân Biên cũng như tỉnh Tây Ninh đã cố gắng để thực hiện trùng tu di tích. Tuy nhiên, việc trùng tu đã làm cho một phần hoa văn trên tường bị thay đổi, không như nét ban đầu. Do vị trí di tích tháp Chót Mạt nằm giữa cánh đồng, cách xa dân cư nên việc phát huy giá trị di tích cũng như giữ gìn khuôn viên, kiến trúc tháp gặp nhiều khó khăn. Đây cũng là thách thức đặt ra cho các nhà làm công tác bảo tồn di sản ở tỉnh Tây Ninh.



Em có biết?

Tháp Chót Mạt không phải là một tháp đơn lẻ mà là một cụm tháp. Khi các nhà khảo cổ học phát hiện vào năm 1866 thì một tháp đã sụp đổ và bị vùi lấp dưới đất, một tháp đã bị hư hỏng nặng. Qua 3 lần trùng tu (năm 1930, 2003 và 2013), tháp đã có được vẻ đẹp như ngày nay với chiều cao 10 m. Tuy nhiên, phần chóp của tháp vẫn chưa được phục chế.



Hình 9. Phế tích trong Khu di tích Chót Mạt
(Nguồn: Hạnh Lợi)

4. Lễ hội Quan lớn Trà Vong Tân Biên

Quan lớn Trà Vong tên thật là Huỳnh Công Giản, là một trong những vị quan được triều đình nhà Nguyễn cử vào Tây Ninh để quy dân, khai hoang, giữ đất. Tại Trà Vong, Huỳnh Công Giản đã lập ấp, xây thành, đắp lũy để bảo vệ biên cương. Ông đã hi sinh trong một trận đấu ác liệt tại thành Trà Vong vào năm 1782. Mộ của ông đặt ở Ấp 3, xã Trà Vong, huyện Tân Biên. Tuy nhiên, ngoài lăng mộ, hiện nay trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có tới 13 điểm thờ Quan lớn Trà Vong thuộc các huyện Tân Biên, Bến Cầu, Châu Thành và thành phố Tây Ninh.



Hình 10. Mộ Quan lớn Trà Vong Huỳnh Công Giản
(Nguồn: Hạnh Lợi)

Lễ hội Quan lớn Trà Vong được tổ chức vào ngày 15 và 16 tháng 3 (âm lịch) hằng năm. Đây là lễ hội mang ý nghĩa tâm linh trong tín ngưỡng dân gian của người dân tỉnh Tây Ninh. Trong lễ hội, người dân thể hiện lòng biết ơn đối với Quan lớn Trà Vong, người đã có công khai hoang, lập ấp, bảo vệ dân làng yên ổn làm ăn. Đồng thời, họ còn cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, dân giàu nước mạnh. Lễ cũng là ngày hội tôn vinh những nét đẹp văn hoá truyền thống của nhân dân tỉnh Tây Ninh.



Hình 11. Lễ rước sắc ấn, sắc phong từ lăng mộ qua nhà tưởng niệm để làm lễ
(Nguồn: baotayninh.vn)



Hình 12. Nghi thức trong lễ cúng
(Nguồn: baotayninh.vn)

Nghi thức trong Lễ hội Quan lớn Trà Vong gần giống như lễ Kỳ yên ở các đình Nam Bộ và tỉnh Tây Ninh. Lễ vật dâng cúng gồm thức ăn mặn cùng hương, hoa, đèn nến,... Khi tiến hành lễ phải có chủ tế cùng các lễ sinh cũng như các ban nhạc Đờn ca tài tử. Trong suốt thời gian diễn ra lễ hội còn có các trò chơi dân gian thu hút đông đảo nhân dân và du khách tham gia. Ngoài Tân Biên, tại những nơi có thờ Quan lớn Trà Vong, các hoạt động thờ cúng, giỗ hằng năm cũng diễn ra long trọng, kéo dài từ tháng 2 đến tháng 4.

Lễ hội Quan lớn Trà Vong là niềm tự hào của người dân huyện Tân Biên nói riêng, tỉnh Tây Ninh nói chung. Nó góp phần thiết thực vào việc giữ gìn sự phong phú của kho tàng di sản văn hoá phi vật thể của Việt Nam.

Với giá trị và ý nghĩa sâu sắc, Lễ hội Quan lớn Trà Vong tỉnh Tây Ninh đã được công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia vào tháng 8 năm 2019.

5. Nghề làm bánh tráng phơi sương Trảng Bàng

Nghề làm bánh tráng phơi sương xuất hiện ở tỉnh Tây Ninh vào khoảng thế kỉ XVIII. Mặc dù bánh tráng hiện diện trong ẩm thực khắp nơi trên đất nước Việt Nam, song với tỉnh Tây Ninh, bánh tráng phơi sương đã trở thành sản phẩm đặc trưng góp phần làm nên nét ẩm thực đặc sắc của người dân nơi đây.

Tại tỉnh Tây Ninh, nghề làm bánh tráng phơi sương tập trung nhiều nhất ở khu vực thị xã Trảng Bàng với các làng nghề ở Lộc Du, Gia Huynh, Gia Lộc, An Tịnh,...

Để làm bánh tráng, người thợ phải am hiểu các khâu kĩ thuật, từ việc chọn loại gạo đến tỉ lệ nước, từ việc tráng bánh, hấp bánh đến kĩ thuật phơi, nướng bánh,... Vì vậy, những người thợ làm bánh tráng là những nghệ nhân thực sự. Họ phải có niềm đam mê với nghề mới có thể tạo nên được những sản phẩm bánh tráng phơi sương, thơm, ngon, dẻo dai rất đặc trưng mà không phải loại bánh tráng nào cũng có.

Quy trình làm bánh tráng phơi sương cầu kì hơn so với cách làm bánh tráng thông thường. Bởi nếu các loại bánh khác chỉ tráng một lớp thì bánh tráng phơi sương phải được tráng thành hai lớp chồng lên nhau. Cái khó là phải canh đúng thời gian cho lớp thứ nhất vừa chín tới để tráng lớp thứ hai. Cả hai lớp bánh phải có sự hoà quyện vào nhau và chín đều. Sau đó, bánh được phơi khô dưới nhiệt độ vừa phải trong một khoảng thời gian nhất định.



Hình 13. Bánh được phơi nắng
(Nguồn: vnexpress.net)

Việc nướng bánh cũng đòi hỏi sự chín chu trong kĩ thuật. Trước khi nướng, bánh được cho vào túi ni-lon “ủ” trong vài ngày để có độ dẻo. Than nướng bánh là loại nhỏ, đảm bảo giữ nhiệt độ ổn định thì bánh nướng mới đẹp. Thời gian nướng thường diễn ra từ đêm đến mờ sáng hôm sau để kịp phơi vào lúc sương xuống nhiều nhất.

Công đoạn phơi sương cũng rất cầu kì. Do thời gian sương xuống không cố định nên người thợ phải chờ khi có sương để phơi. Trong quá trình đó họ phải thức canh bên giàn bánh và quan sát. Bởi nếu phơi sương ít quá thì bánh sẽ bị khô, nhưng nếu phơi sương nhiều quá, bánh lại bị nhão, dính vào nhau.



Hình 14. Bánh được phơi sương
(Nguồn: Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch tỉnh Tây Ninh)

Có thể nói, bánh tráng phơi sương nhìn rất đơn giản nhưng để tạo ra nó lại là cả một sự kì công, kiên nhẫn của người thợ. Họ phải có niềm đam mê với nghề mới có thể tạo nên được những sản phẩm bánh tráng phơi sương, thơm, ngon, dẻo dai rất đặc trưng mà không phải loại bánh tráng nào cũng có.

Hình 15. Bánh tráng phơi sương trong ẩm thực
(Nguồn: baotang.tayninh.gov.vn)



Em có biết?

Năm 2011, bánh tráng phơi sương Trảng Bàng được tổ chức Kỉ lục Việt Nam đưa vào top 100 ẩm thực đặc sản, tiêu biểu của Việt Nam. Năm 2015, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã công nhận Nghề làm bánh tráng phơi sương Trảng Bàng là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.



- Em hãy chỉ rõ những giá trị của các di sản văn hoá nêu trên.
- Trong các di sản nêu trên, em có ấn tượng với di sản nào nhất? Vì sao?

II. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI SẢN Ở TỈNH TÂY NINH

1. Những thuận lợi và khó khăn trong công tác bảo tồn di sản ở tỉnh Tây Ninh

a. Thuận lợi

Với những giá trị quan trọng của di sản, công tác bảo tồn di sản đã được các cấp chính quyền ở tỉnh Tây Ninh quan tâm. Tỉnh Tây Ninh đã đầu tư một nguồn ngân sách nhất định vào trong công tác bảo tồn các di sản. Đồng thời, công tác khai thác các giá trị di sản trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội cũng được thực hiện một cách khoa học hơn. Việc phân cấp, phân quyền trong quản lí, bảo tồn di sản đã được thực hiện nghiêm túc. Những đề án về trùng tu, tôn tạo di tích được thực hiện đã góp phần gìn giữ các di sản văn hoá nói chung, di sản đang bị mai một ở tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Mặt khác, nhà nước cũng đã có những văn bản quy định về công tác bảo tồn và phát huy di sản. Việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện phổ biến nên nhận được sự quan tâm, ủng hộ của nhân dân trong việc giữ gìn các di sản.



Hình 16. Lễ vinh danh Nghệ nhân ưu tú và công nhận Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia đối với Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu – núi Bà Đen
(Nguồn: hcmcpv.org.vn)

b. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nêu trên, công tác bảo tồn di sản cũng gặp phải một số khó khăn sau:

Thứ nhất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các di tích chưa kịp thời ảnh hưởng tới công tác khoanh vùng, quản lý và khai thác di tích.

Thứ hai, công tác phối hợp giữa các ngành chức năng trong việc tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản còn chưa đồng bộ dẫn tới chưa khai thác có hiệu quả các di sản văn hoá.

Thứ ba, ở một số địa phương, trình độ của đội ngũ cán bộ, kỹ thuật, nhân viên tham gia trong công tác bảo tồn, khai thác giá trị của di sản chưa đồng đều nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

Thứ tư, tình trạng hoang hoá di tích diễn ra ở một số nơi nhất là ở những di tích xa khu dân cư hoặc ít có du khách tham quan. Thêm vào đó, nhiều di sản qua thời gian, chiến tranh,... bị bào mòn, được khôi phục mới nhưng không giữ được hình dáng nguyên trạng như cũ. Đồng thời, sự phát triển của nền kinh tế công nghiệp hoá cũng đã làm cho nhiều di sản văn hoá phi vật thể có nguy cơ bị mai một.

Thứ năm, nguồn kinh phí trong ngân sách không đủ cho công tác tu bổ, tôn tạo di tích. Hiện tỉnh có kêu gọi các nguồn xã hội hoá, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác bảo tồn hiện nay.

Đây là thử thách lớn cho các cấp chính quyền ở tỉnh Tây Ninh trong vấn đề bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống trong tương lai.

2. Công tác bảo tồn di sản văn hoá

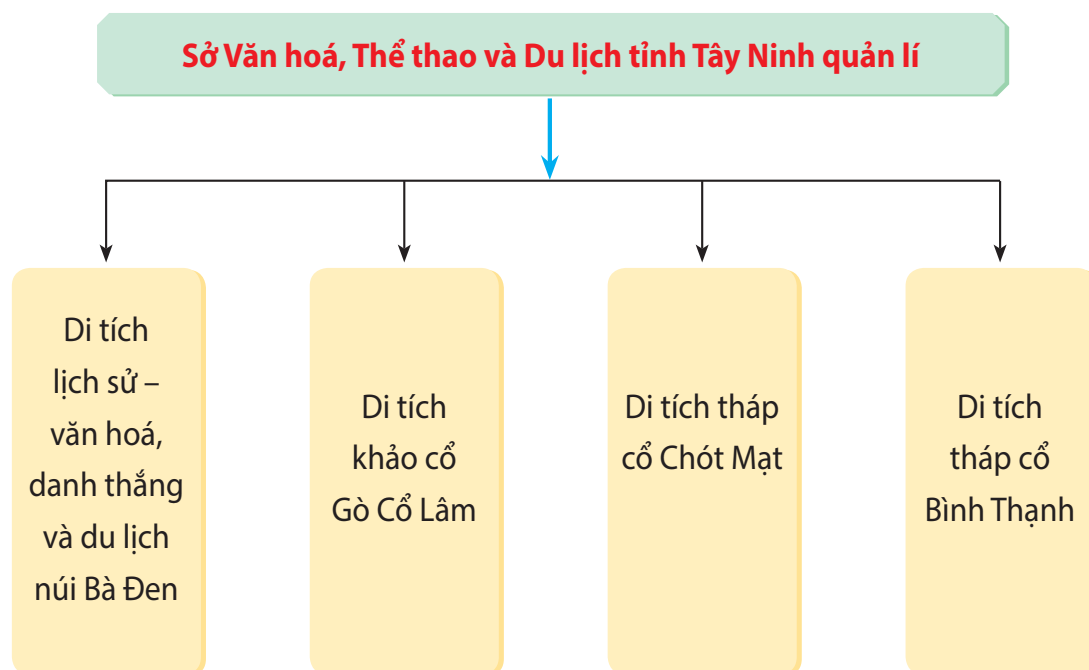
Để công tác bảo tồn các di sản đạt hiệu quả cao, tỉnh Tây Ninh đã có nhiều biện pháp thiết thực trong những năm qua. Năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án phân cấp quản lý di tích lịch sử – văn hoá trên địa bàn tỉnh. Tiếp đó, năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND Quy định về phân cấp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử – văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

Sơ đồ phân cấp quản lý một số di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (theo Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND) như sau:

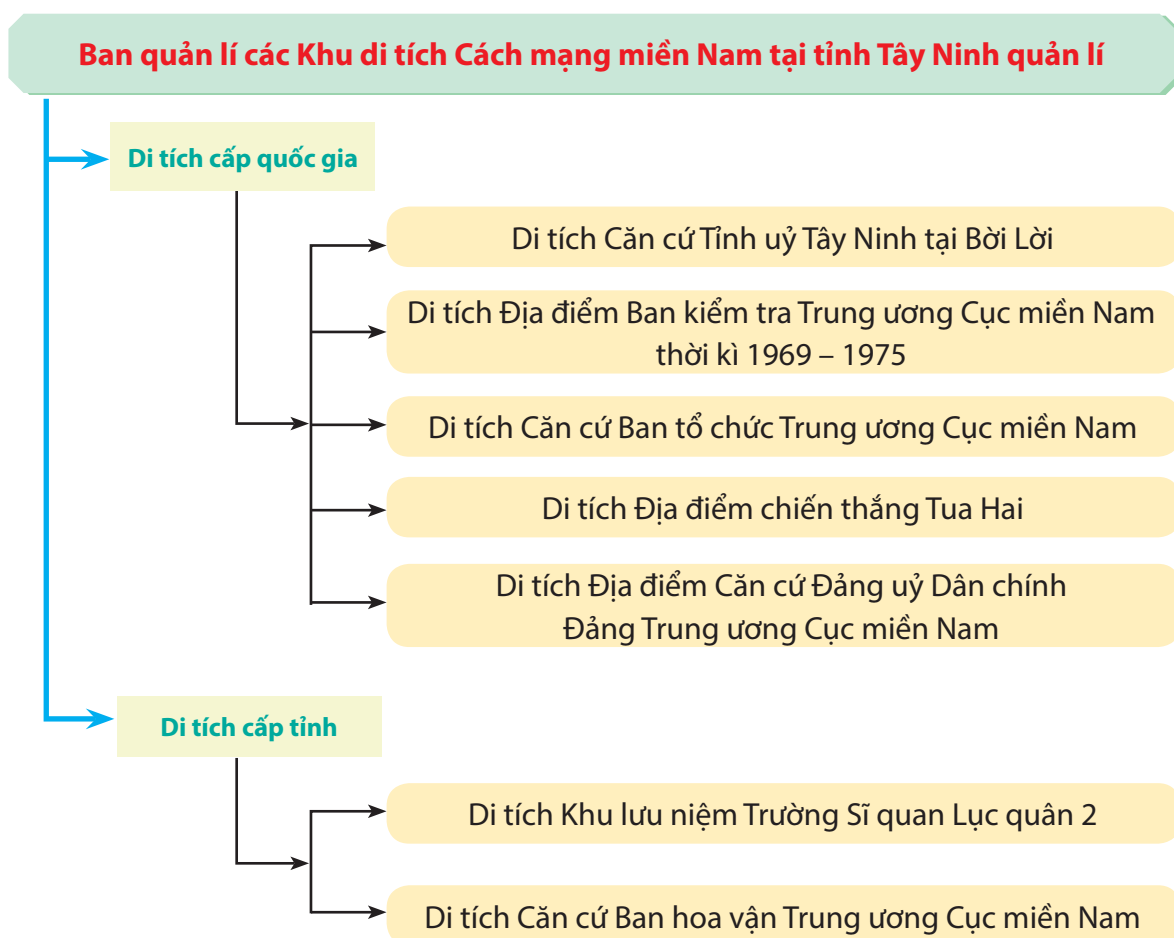


Hình 17. Phế tích trong khu vực tháp Bình Thạnh (thị xã Trảng Bàng)
(Nguồn: Hạnh Lợi)

SƠ ĐỒ 1



SƠ ĐỒ 2



SƠ ĐỒ 3

Công an tỉnh Tây Ninh quản lí

Di tích quốc gia: Di tích Căn cứ Ban an ninh miền

Di tích cấp tỉnh: Di tích Căn cứ Bàu Rong

Hình 18. Khu di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam
(Nguồn: vpcp.chinhphu.vn)



Em có biết?

Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam là một trong những di tích lịch sử cách mạng rất quan trọng nên việc bảo tồn được chú trọng đầu tư. Trong các năm 1993 – 1995, Nhà nước tiến hành trùng tu, tôn tạo một số hạng mục cần thiết. Trong quá trình trùng tu có thay đổi chất liệu nhưng vẫn giữ nguyên được kết cấu và hiện trạng lịch sử. Trong giai đoạn 2021 – 2025, tỉnh Tây Ninh tiếp tục tu bổ, tôn tạo khu di tích này với nguồn ngân sách từ Trung ương.

Ngoài các đơn vị trên, ban quản lí Khu di tích quốc gia núi Bà Đen có trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh núi Bà Đen. Khu di tích cũng được tỉnh Tây Ninh tiếp tục tu bổ, tôn tạo từ nguồn ngân sách Trung ương và địa phương. Còn lại Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sẽ chịu trách nhiệm đối với các di tích tại địa phương mình quản lí.

Phát huy hiệu quả của công tác bảo tồn, tỉnh Tây Ninh tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về di sản văn hoá. Đồng thời, tỉnh cũng có các giải pháp để giải quyết vấn đề quản lí và chứng nhận quyền sử dụng đất ở các di tích, vấn đề huy động nguồn vốn từ xã hội hoá, vấn đề đào tạo nguồn cán bộ phục vụ công tác bảo tồn, trùng tu, chống xâm hại di sản,...

Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp uỷ, chính quyền địa phương và ngành văn hoá, thể thao, du lịch các cấp đã phối hợp cùng các Sở, ngành hữu quan để triển khai công tác bảo tồn. Hiện nay, đa số di tích lịch sử – văn hoá trên địa bàn tỉnh đều đã thành lập ban quản lý di tích và gắn bảng giới thiệu tóm tắt di tích, bố trí cán bộ văn hoá hoặc nhân viên bảo vệ thuyết minh, giới thiệu di tích cho khách tham quan.



Em có biết?

Hình 19. Khu di tích
Chiến thắng Tua Hai
(Nguồn: Hạnh Lợi)



Tua Hai là căn cứ của trung đoàn 32, sư đoàn 21 quân đội Sài Gòn nằm trên quốc lộ 22, nay thuộc ấp Tua Hai, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Rạng sáng ngày 26 – 1 – 1960, quân ta đã tấn công vào căn cứ này và giành được thắng lợi. Chiến thắng Tua Hai là một trong những sự kiện mở đầu quan trọng của phong trào Đồng Khởi những năm 1959 – 1960. Đây là trận thắng có ý nghĩa rất lớn về chính trị và nghệ thuật quân sự đối với cách mạng miền Nam. Với giá trị lịch sử đó, năm 1993, Địa điểm chiến thắng Tua Hai được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử – văn hoá cấp quốc gia.

Tỉnh Tây Ninh cũng đã tăng cường các hoạt động tuyên truyền cả chiều rộng lẫn chiều sâu, đồng thời quảng bá về di sản thông qua các hoạt động truyền thông, các kênh thông tin trực tuyến, các lễ hội truyền thống,... Nhiều nghệ nhân được tôn vinh, nhất là những nghệ nhân hoạt động ở các di sản phi vật thể cấp quốc gia, cấp tỉnh,...

Đối với các loại hình nghệ thuật, lễ hội như múa trống Chhay-dăm, Lễ hội Kỳ yên ở đình Gia Lộc,... tỉnh chủ trương đầu tư mở lớp dạy, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động truyền dạy điệu múa, kĩ năng tổ chức lễ tế,... cho thế hệ trẻ nhằm lưu giữ giá trị các di sản quốc gia.

Việc bảo tồn di sản còn được triển khai ở trong chương trình giáo dục của các trường trên địa bàn tỉnh. Thông qua các hoạt động giáo dục địa phương, ngoại khoá,... nhà trường cung cấp cho học sinh những thông tin về di sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đồng thời giáo dục ý thức trách nhiệm cho các em trong việc bảo tồn các di tích.

Với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, các cấp chính quyền tỉnh Tây Ninh đã và đang chung tay phối hợp cùng cộng đồng, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bảo tồn và phát huy tốt giá trị di sản. Điều này thể hiện thông qua việc tham gia giữ gìn

di sản của toàn dân cũng như nguồn xã hội hoá tình huy động được để phục vụ cho công tác bảo tồn trong thời gian tới.



Em có biết?

Múa trống Chhay-dăm là loại hình nghệ thuật của bà con dân tộc Khmer biểu diễn trong các lễ hội Cao Đài tại Toà thánh Tây Ninh và các dịp Tết Chôl Chnăm Thmây, Sen Dolta của người Khmer ở Bàu Éch thuộc ấp Trường An, xã Trường Tây, thị xã Hoà Thành. Đây là loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian đặc sắc được kết hợp giữa tiếng hô của diễn viên múa với nhạc trống. Múa trống Chhay-dăm là niềm tự hào của người Khmer ở tỉnh Tây Ninh, vừa góp phần gắn kết trong cộng đồng, vừa là phương tiện giao lưu văn hoá với các dân tộc khác.



Hình 20. Biểu diễn múa trống Chhay-dăm
(Nguồn: Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch tỉnh Tây Ninh)

3. Phát huy giá trị di sản

Song song với công tác bảo tồn, việc phát huy giá trị di sản hiện đang là vấn đề được các cấp, ngành ở tỉnh Tây Ninh quan tâm.

a. Về giá trị kinh tế

Với số lượng di sản văn hoá nhiều, loại hình đa dạng, tỉnh Tây Ninh đã và đang có nhiều biện pháp thiết thực để đẩy mạnh ngành du lịch trên địa bàn toàn tỉnh. Điều này sẽ góp phần lan toả sự phát triển của các ngành kinh tế khác như nông nghiệp, xây dựng, vận tải, điện nước, thông tin liên lạc,... nhất là phát triển sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch chất lượng. Thông qua đó, tỉnh sẽ khai thác và phát huy giá trị các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, tạo sản phẩm du lịch đặc sắc mang đậm nét văn hoá địa phương như du lịch tâm linh, du lịch di sản, du lịch cộng đồng,... là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Tây Ninh.



Em có biết?

Từ ngày 22 – 2 đến ngày 15 – 4 – 1967, Mỹ đã huy động 45 000 quân, 1 200 xe tăng, xe bọc thép, 256 khẩu pháo các loại, 160 máy bay chiến đấu,... mở cuộc hành quân Junction City (Gian-xơn Xi-ti) đánh vào căn cứ Bắc Tây Ninh nhằm tiêu diệt Trung ương Cục miền Nam. Sau 53 ngày đêm, ta đã đánh bại được cuộc tấn công, bảo đảm an toàn cho cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến.

Với những giá trị về mặt lịch sử – quân sự, Địa điểm lưu niệm chiến thắng Junction City được xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia vào năm 2013. Đây là điểm đến có ý nghĩa của du khách khi tới thăm tỉnh Tây Ninh.



Hình 21. Tượng đài chiến thắng Junction City

(Nguồn: thegioidisan.vn)

b. Về giá trị văn hoá

Việc phát huy giá trị di sản văn hoá là vì lợi ích của toàn xã hội, vì truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đồng thời, góp phần sáng tạo những giá trị văn hoá mới, làm giàu kho tàng di sản văn hoá Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế.

Đối với tỉnh Tây Ninh, với số lượng khoảng 500 di tích đã được kiểm kê cùng các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo đa dạng, độc đáo về kiến trúc tạo nên không gian văn hoá – tín ngưỡng đặc sắc trong đời sống tinh thần của người dân. Các lễ hội được tổ chức hằng năm là dịp để người dân tỉnh Tây Ninh nhớ về quá khứ, đồng thời trân trọng hơn những giá trị văn hoá trong cuộc sống hiện tại.

Bên cạnh hệ thống di sản tâm linh, tỉnh Tây Ninh cũng bảo tồn và phát triển được những giá trị văn hoá tiêu biểu như: tiếng nói, chữ viết các dân tộc Chăm, Khmer,... Nghệ thuật trình diễn dân gian, văn học dân gian, tập quán các dân tộc, lễ hội truyền thống và ngành nghề thủ công truyền thống,... Các giá trị di sản này vẫn tiếp tục được lưu giữ và phát huy, trở thành niềm tự hào trong kho tàng văn hoá của tỉnh Tây Ninh.



Em có biết?

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 11 nghề truyền thống như nghề mây tre đan, rèn, làm bánh tráng, chằm nón lá, mộc gia dụng, gò nhôm, làm nhang,... và 1 làng nghề là làng mây tre đan ở ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hoà Thành.



Hình 22. Nghề chằm nón lá – một nghề thủ công ở tỉnh Tây Ninh

(Nguồn: Truyền hình Tây Ninh)

c. Về giá trị giáo dục truyền thống

Hiện nay giáo dục di sản đã được đưa vào trường học, trở thành một kênh quan trọng để học sinh có thể hiểu về lịch sử, văn hoá của quê hương mình. Từ đó, hình thành trong các em ý thức bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản.

Tây Ninh là tỉnh có số lượng di sản văn hoá lớn, do đó việc giáo dục truyền thống dân tộc thông qua di sản đã và đang là vấn đề cần được phát huy. Từ những di sản văn hoá tiêu biểu như các di tích lịch sử, di tích lịch sử cách mạng, lễ hội, nghệ thuật dân gian,... học sinh sẽ được nuôi dưỡng thêm ý thức về cội nguồn dân tộc, lòng biết ơn đối với các thế hệ đi trước, truyền thống “uống nước nhớ nguồn”. Từ đó, hướng các em đến những giá trị nhân văn của con người.



- Vì sao công tác bảo tồn di sản ở tỉnh Tây Ninh gặp nhiều khó khăn?
- Hãy kể tên những hoạt động quảng bá di sản văn hoá của tỉnh Tây Ninh mà em biết.



Luyện tập

1. Vì sao công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá được tỉnh Tây Ninh coi trọng?
2. Giá trị các di sản văn hoá ở tỉnh Tây Ninh được thể hiện ở những lĩnh vực nào?



Vận dụng

1. Là một học sinh phổ thông, em sẽ làm gì để góp phần vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản ở tỉnh Tây Ninh?
2. Cộng đồng cư dân có đóng góp gì trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản ở tỉnh Tây Ninh?
3. Đóng vai một nhà nghiên cứu trong lĩnh vực văn hoá di sản, em hãy đưa ra những giải pháp để phát huy giá trị di sản ở tỉnh Tây Ninh.

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỈNH TÂY NINH



Mục tiêu

- Trình bày được khái quát đặc điểm khí hậu tỉnh Tây Ninh.
- Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở tỉnh Tây Ninh.
- Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Tây Ninh.
- Hệ thống hoá được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu tại tỉnh Tây Ninh.



Khởi động

- Những hình ảnh thể hiện nội dung gì?
- Nêu những hiểu biết của em về vấn đề được nêu.



Hình 1

(Nguồn: tuoitre.vn)



Hình 2

(Nguồn: pixabay.com)



Khám phá

I. ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU Ở TỈNH TÂY NINH

Tỉnh Tây Ninh có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa mang tính chất cận xích đạo, nhiệt độ cao trung bình năm khá cao ($26,9^{\circ}\text{C}$), biên độ nhiệt thấp ($3,7^{\circ}\text{C}$). Khí hậu phân ra hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô, không có mùa đông lạnh. Lượng mưa trung bình năm khá cao, khoảng từ 1 400 mm đến 2 000 mm.

Độ ẩm tương đối ở Tây Ninh khá cao, trung bình khoảng 78%. Tuy nhiên, độ ẩm không đều giữa các tháng, mùa khô độ ẩm thấp.

DÔNG



- ✓ 110 đến 125 ngày có dông.
- ✓ Những tháng có dông nhiều là tháng 5, 6 và 7.
- ✓ Xuất hiện vào chiều tối, kèm theo gió mạnh và mưa rào, đôi khi có mưa nhiều và gây lũ.

BÃO



- ✓ Ít chịu ảnh hưởng của bão
- ✓ Thỉnh thoảng Tây Ninh cũng chịu ảnh hưởng của bão (từ tháng 8 đến tháng 10)
- ✓ Kèm theo những cơn mưa kéo dài và lũ lên trên sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn.



Hình 3. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt ở Tây Ninh

Dựa vào hiểu biết của bản thân và những thông tin trong bài, em hãy:

- Nêu đặc điểm khí hậu của tỉnh Tây Ninh.
- Mô tả những hiện tượng thời tiết đặc biệt xuất hiện ở tỉnh Tây Ninh.

II. BIỂU HIỆN CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỈNH TÂY NINH

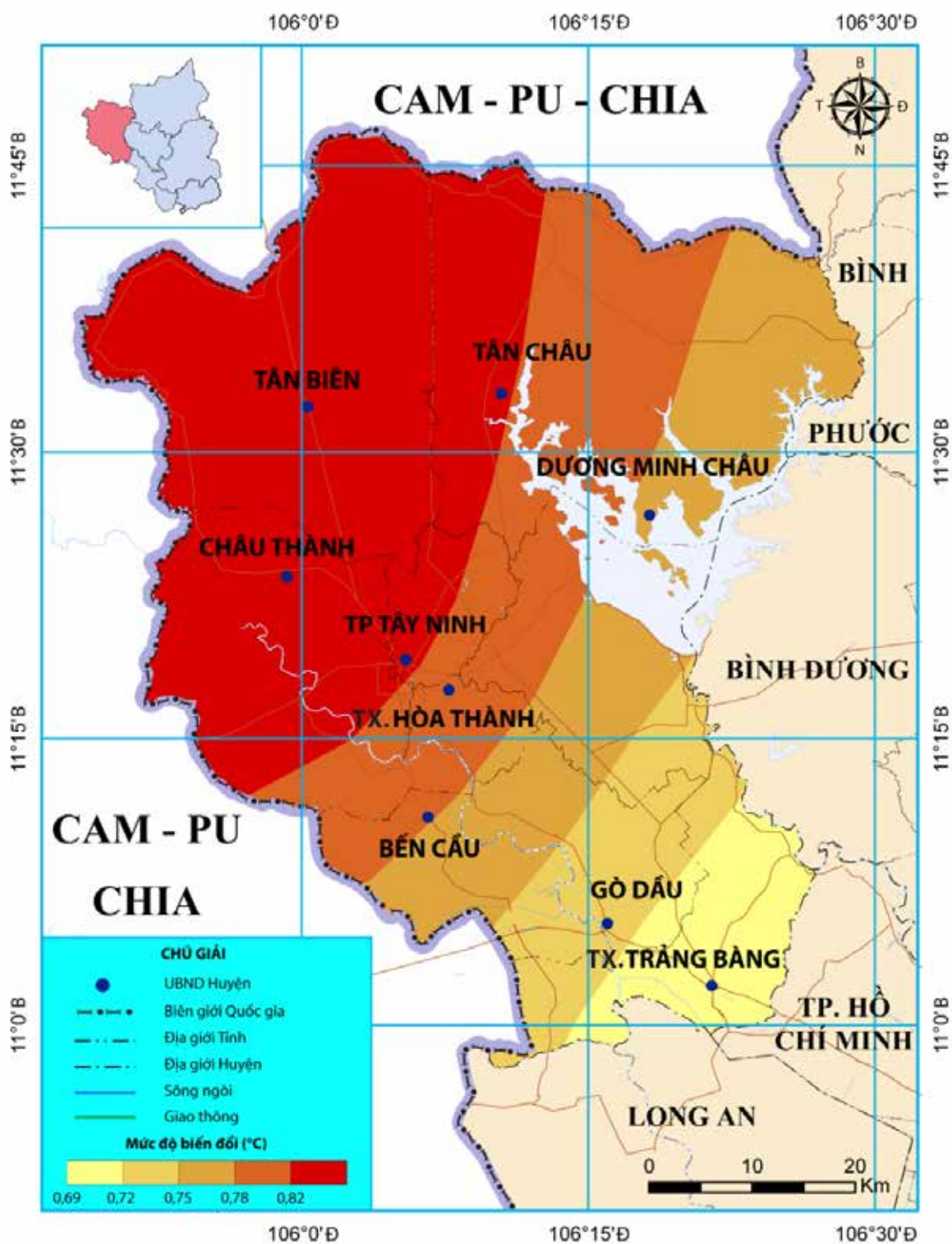
Tỉnh Tây Ninh là địa phương chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Đặc biệt, so với các tỉnh thành khác của vùng Đông Nam Bộ, tỉnh Tây Ninh có xu thế tăng nhiệt độ nhiều hơn so với các tỉnh ven biển. Trong mùa khô, khí hậu tỉnh Tây Ninh có sự biến động rất bất thường, xu hướng chung là nhiệt độ tăng cao, số giờ nắng lớn, lượng mưa trung bình rất thấp, độ ẩm không khí giảm mạnh. Ngược lại, vào mùa mưa, độ ẩm không khí tăng cao, mưa lớn và dông, lốc xoáy, kéo theo ngập lụt,...

1. Gia tăng nhiệt độ

Dưới tác động của biến đổi khí hậu, nhiệt độ trung bình năm của tỉnh Tây Ninh tăng so với giai đoạn 1985 – 2005 khoảng 0,6°C (2020) và theo dự đoán sẽ tăng dần trong thời gian tới.

Nhiệt độ các tháng trong năm cũng tăng, đặc biệt vào mùa khô (tháng 11 đến tháng 4 năm sau) tăng nhiều nhất.

Nhiệt độ tăng không đều ở các khu vực của tỉnh Tây Ninh. Mức tăng nhiệt độ cao nhất phân bố ở huyện Tân Biên, Châu Thành; mức tăng thấp nhất phân bố ở thị xã Trảng Bàng.



Hình 4. Lược đồ kịch bản mức độ thay đổi nhiệt độ trung bình năm tại tỉnh Tây Ninh từ 2020 tới 2030 so với giai đoạn 1986 – 2005

(Nguồn: Viện khí tượng thủy văn và môi trường)



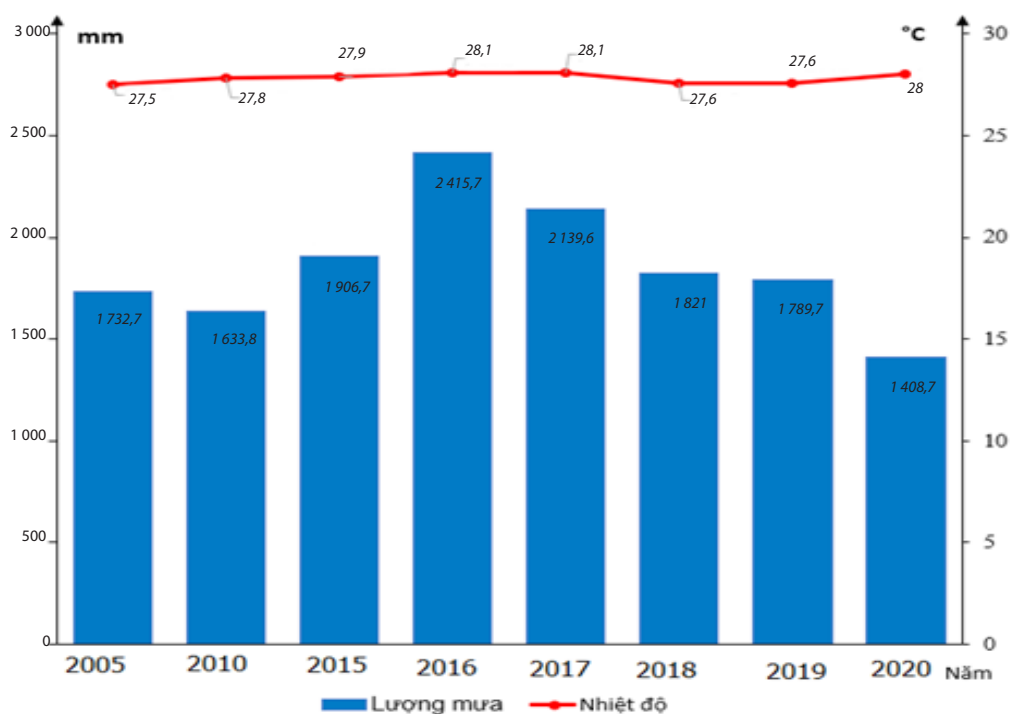
Dựa vào Hình 4 và thông tin trong bài, em hãy:

- Xác định những khu vực có nhiệt độ tăng cao ở tỉnh Tây Ninh trên Hình 4
- Nhận xét mức tăng nhiệt độ ở tỉnh Tây Ninh.

2. Biến đổi về lượng mưa

Biến đổi khí hậu làm cho lượng mưa biến động không đều giữa các thời kì. So với giai đoạn 20 năm trước (1980 – 1999), tổng lượng mưa trung bình có xu hướng tăng nhẹ khoảng 0,8%. Tuy nhiên, từ 2016 đến nay, dưới tác động của biến đổi khí hậu, lượng mưa từng năm đang có xu hướng giảm dần.

Lượng mưa cũng thay đổi phức tạp giữa các mùa. Mùa mưa ngắn lại, mùa khô trở nên gay gắt hơn. Trong mùa mưa, số ngày có lượng mưa lớn hơn 100 mm có xu thế tăng; tháng mưa nhiều nhất là tháng 9, không phải tháng 10 như trước đây.



Hình 5. Biểu đồ thay đổi lượng mưa trung bình năm ở tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2005 – 2020

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, 2020)



Dựa vào Hình 5 và thông tin trong bài, em hãy:

- Nhận xét sự biến đổi về lượng mưa ở tỉnh Tây Ninh.
- Chứng minh sự thay đổi lượng mưa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh khá phức tạp.

3. Thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan

Các hiện tượng dông lốc và mưa lớn gây ngập lụt ở tỉnh Tây Ninh, đặc biệt vào mùa mưa lũ.

Bảng 1. Các thiên tai xảy ra ở tỉnh Tây Ninh trong năm 2021

Thời gian	Thiên tai	Địa điểm	Thiệt hại	Giá trị (VNĐ)
5 – 2021	Mưa lớn kéo dài	Thị xã Trảng Bàng, huyện Châu Thành	73 ha lúa mới xuống giống vụ hè thu	479,5 triệu
6 – 2021	Lốc, mưa dông kèm theo lốc, sét và mưa đá	Thị xã Trảng Bàng, huyện Bến Cầu, Gò Dầu	19 căn nhà bị tốc mái 9,5 ha cây mít 4 lò sấy Sập 1 chuồng bò 25 trụ điện, 1 km đường dây điện, 13 điểm gác tuần tra biên giới	331 triệu
7 – 2021	Mưa lớn kèm dông, mưa kèm lốc, ngập lụt	Thị xã Trảng Bàng, các huyện Gò Dầu, Châu Thành, Tân Châu, Bến Cầu, Dương Minh Châu	90 căn nhà bị tốc mái 1 nhà lưới trồng, 1 nhà xưởng, 1 lớp học, 1 nhà màng 1 trụ điện viễn thông 114 ha cây trồng Ngập nhà 65 hộ dân từ 0,3 – 0,5 m, ngập kéo dài 800 m	1 tỉ 648 triệu
8 – 2021	Lốc	Huyện Bến Cầu	1 căn nhà bị tốc mái	15 triệu
9 – 2021	Mưa lớn kèm dông, lốc, ngập úng	Thị xã Trảng Bàng, các huyện Tân Biên, Bến Cầu, Dương Minh Châu, thành phố Tây Ninh	84,3 ha cây trồng 7 căn nhà bị sập, tốc mái 3 căn nhà bị ngập nước khoảng 30 cm. 30% ha mì	758 triệu

(Nguồn: Tổng hợp dữ liệu của Trung tâm chính sách và kỹ thuật phòng chống thiên tai)

Biến đổi khí hậu làm chế độ nước sông và dòng chảy thay đổi thất thường. Mức nước sông Vàm Cỏ Đông biến động trong những năm qua, mức nước cao nhất tăng hơn so với 2014, ngược lại mức nước thấp nhất lại giảm so với 2014. Mùa cạn lưu lượng nước có xu hướng giảm đi làm tăng khả năng hạn hán vào mùa khô và mùa lũ lưu lượng nước có xu hướng tăng mạnh, dẫn đến các nguy cơ ngập úng, tràn lũ trong khu vực.

Bảng 2. Mức nước của sông Vàm Cỏ Đông, giai đoạn 2014 – 2020

(Đơn vị: cm)

Năm							
Mức nước	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Cao nhất	94	87	145	130	105	107	116
Thấp nhất	– 60	– 78	– 73	– 69	– 62	– 62	– 57



Dựa vào Bảng 1, Bảng 2 và thông tin trong bài, em hãy:

- Kể tên các thiên tai phổ biến thường xảy ra ở tỉnh Tây Ninh trong năm 2021.
- Các thiên tai này thường xảy ra vào thời gian nào? Trình bày những ảnh hưởng do thiên tai gây ra.
- Nhận xét về sự thay đổi mức nước sông của sông Vàm Cỏ Đông ở Bảng 2.

III. TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỈNH TÂY NINH

1. Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế tỉnh Tây Ninh

Đối với công nghiệp: Biến đổi khí hậu đã có những tác động khác nhau đến các loại hình công nghiệp tùy thuộc vào đặc điểm vùng địa lí, nhu cầu về sản phẩm đầu vào của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xây dựng đô thị.

Đối với nông nghiệp – lâm nghiệp: Biến đổi khí hậu làm tăng tần suất, cường độ, tính biến động và tính cực đoan của các hiện tượng thời tiết như bão, lốc, hạn hán, lũ lụt, ngập úng,... làm giảm năng suất và sản lượng của cây trồng và vật nuôi, làm tăng khả năng phát sinh, lây lan dịch bệnh.

Nhiệt độ tăng lên dẫn đến suy giảm tính đa dạng sinh học. Thời tiết nắng gắt, khắc nghiệt, đặc biệt vào mùa khô làm giảm diện tích rừng và chất lượng rừng trồng. Hiện nay, tỉnh Tây Ninh có nguy cơ cao, ở mức báo động số V – mức cao nhất có khả năng gây ra thảm họa cháy rừng.

Bảng 3. Diện tích trồng trọt bị thiệt hại do thiên tai ở tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2016 – 2019

(Đơn vị: ha)

Năm	2016	2017	2018	2019
Diện tích	1 641,9	607,3	4 573	904,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê: Báo cáo tháng của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Đối với dịch vụ, giao thông vận tải và du lịch: Biến đổi khí hậu gây mưa lớn, kết hợp với triều cường và dòng chảy từ Cam-pu-chia làm ngập lụt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, với mức độ và tần suất ngày càng tăng (chủ yếu vào 4 tháng cuối năm), tác động đáng kể đến hoạt động giao thông, du lịch và đời sống người dân, đặc biệt tại xã Phước Chỉ, Đôn Thuận, Hưng Thuận (thị xã Trảng Bàng), xã Long Khánh, An Thạnh (huyện Bến Cầu) và xã Biên Giới (huyện Châu Thành).

2. Tác động của biến đổi khí hậu đến xã hội tỉnh Tây Ninh

Các hiện tượng thiên tai gây ra nhiều thiệt hại cho người dân. Mưa lớn và kéo dài dẫn tới nhiều vùng thấp chịu ảnh hưởng, tiêu biểu có trận lũ năm 2016 gây thiệt hại lớn, lên đến 95 tỉ đồng, làm ngập nhiều căn nhà, trường học, đường sá, mương cống. Do hạn hán ngày càng tăng ở một số vùng gây ảnh hưởng đến cung cấp nước ở nông thôn, thành thị.

Các vùng và địa phương trong tỉnh Tây Ninh dễ bị ảnh hưởng của các thiên tai là: Bến Cầu, Châu Thành, Gò Dầu, Hoà Thành, Trảng Bàng.

Bảng 4. Thiệt hại về nhà ở và người do thiên tai ở tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2016 – 2019

Năm	2016	2017	2018	2019
Số căn nhà bị hư hại (căn)	4 449	31	282	1 500
Số người chết (người)	3	---	2	15

(Nguồn: Tổng cục Thống kê: Báo cáo tháng của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Một số hình ảnh về các tác động của biến đổi khí hậu tới kinh tế – xã hội tỉnh Tây Ninh.



Hình 6. Mưa và lốc xoáy làm sập công trình dân sinh tại ấp Tân Khai, xã Tân Lập, huyện Tân Biên ngày 5 – 5 – 2021
(Nguồn: Minh Dương)



Hình 7. Người dân huyện Châu Thành đi lại bằng xuồng do nước ngập (5 – 11 – 2016)
(Nguồn: baotintuc.vn)



Dựa vào Bảng 3, Bảng 4, Hình 6, Hình 7 và thông tin trong bài, em hãy:

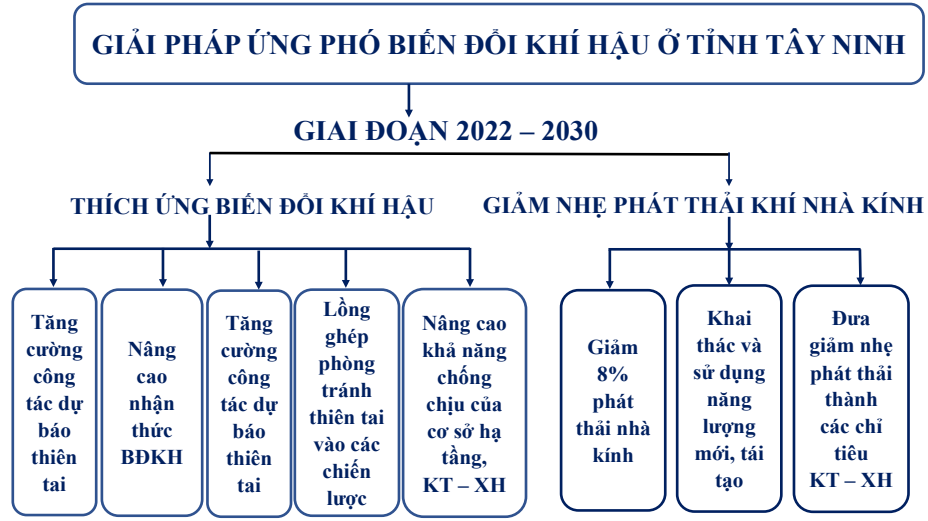
- Phân tích tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế – xã hội của tỉnh Tây Ninh.
- Theo em, biến đổi khí hậu ảnh hưởng nghiêm trọng đến lĩnh vực kinh tế nào ở tỉnh Tây Ninh?

IV. GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỈNH TÂY NINH

Trước các nguy cơ, thách thức của biến đổi khí hậu tác động tới mục tiêu phát triển bền vững kinh tế – xã hội (KT – XH), ngày 19 – 5 –2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1138/QĐ-UBND về ban hành *Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

Tỉnh Tây Ninh đã đề ra được các giải pháp trọng tâm cho các ngành, lĩnh vực và đã rà soát, xác định; đưa ra 27 nhiệm vụ, dự án ứng phó biến đổi khí hậu ưu tiên thực hiện giai đoạn 2021 – 2030.

Các vấn đề về năng lực ứng phó và nhận thức của cộng đồng, phát thải khí nhà kính, hạn hán và suy giảm đa dạng sinh học được xác định là những vấn đề cấp bách của tỉnh Tây Ninh.



Hình 8. Sơ đồ các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022 – 2030



Hình 9. Các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Tây Ninh, mục tiêu đến năm 2050



Dựa vào Hình 8, Hình 9 và nội dung thông tin trong bài, em hãy cho ví dụ cụ thể về một trong những giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Tây Ninh.



Luyện tập

1. Em hãy lập sơ đồ thể hiện các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở tỉnh Tây Ninh.
2. Những khu vực nào ở tỉnh Tây Ninh chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu? Vì sao?
3. Trình bày tóm tắt các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Tây Ninh.



Vận dụng

Chọn một trong hai nội dung sau:

1. Em hãy viết một bài báo cáo ngắn về những biểu hiện của biến đổi khí hậu những năm gần đây ở địa phương em sinh sống.
2. Vẽ tranh mô tả tác động của biến đổi khí hậu tới đời sống và sức khỏe cộng đồng ở tỉnh Tây Ninh.

VĂN HỌC DÂN GIAN TÂY NINH



Mục tiêu

- Hệ thống hoá được những kiến thức cơ bản về văn học dân gian Tây Ninh; qua đó biết được diện mạo chung của văn học dân gian Tây Ninh.
- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu truyện dân gian Tây Ninh.
- Nắm được yêu cầu và bước đầu biết cách viết, trình bày một bài báo cáo kết quả nghiên cứu văn học dân gian Tây Ninh.
- Biết trân trọng, có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn học dân gian Tây Ninh.



Khởi động

Em hãy kể lại một truyện dân gian Tây Ninh đã học ở lớp 6 hoặc đọc một số bài ca dao Tây Ninh đã học ở lớp 7.

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Văn học dân gian Tây Ninh là một bộ phận của văn học dân gian Việt Nam. Tuy có diện mạo, phạm vi, mức độ ảnh hưởng riêng nhưng văn học dân gian Tây Ninh vẫn đồng hành trong dòng chảy chung của văn học dân gian Việt Nam; góp phần bổ sung và đem lại cho văn học dân gian Việt Nam những sắc thái mới cả về nội dung và nghệ thuật. Trong dạy học Ngữ văn, khai thác và vận dụng tốt sự cộng hưởng giữa văn học dân gian Việt Nam với văn học dân gian Tây Ninh sẽ giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn cả về văn học dân tộc và văn học địa phương; bồi đắp cả bề dày văn hoá dân tộc và bản sắc văn hoá địa phương; khơi gợi tình yêu, niềm tự hào, ý thức giữ gìn, phát huy các giá trị lịch sử, văn hoá của địa phương; gắn kiến thức nhà trường với những vấn đề thực tiễn, đồng thời tăng cường hứng thú học tập qua những bài học gắn gũi với cuộc sống diễn ra xung quanh...

Chuyên đề học tập **Văn học dân gian Tây Ninh** gồm ba nội dung chính:

I. Đọc

1. Khái quát về văn học dân gian Tây Ninh.
2. Đọc hiểu một số truyện dân gian Tây Ninh.

II. Viết

Viết báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian Tây Ninh.

III. Nói và nghe

Thuyết trình kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian Tây Ninh.



Khám phá

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN TÂY NINH

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN TÂY NINH

1. Lược sử hình thành vùng đất Tây Ninh

Khoảng đầu Công nguyên, vùng đất Nam Bộ hiện nay thuộc về Phù Nam, một quốc gia ở phía nam của Lâm Ấp (Chăm-pa) với cư dân bản địa là các nhóm người Mã Lai – Đa Đảo. Vào giữa thế kỉ VII, Phù Nam suy yếu, vùng đất Nam Bộ thuộc về Chân Lạp và được đổi tên thành Thủy Chân Lạp (để phân biệt với Lục Chân Lạp – vùng đất gốc của Chân Lạp). Mặc dù vậy Thủy Chân Lạp “vẫn là đất tự do của các dân tộc và hầu như vô chủ, là đất hoang nhàn cả về kinh tế lẫn chủ quyền từ xưa”⁽¹⁾. Thời đó, tỉnh Tây Ninh có tên là *Romdum Ray*, nghĩa là “Chuồng Voi”.

Năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh Chúa Nguyễn Phúc Chu vào kinh lí phương Nam, lập dinh Trấn Biên và dinh Phiên Trấn, đưa vùng đất Đồng Nai vào lãnh thổ thuộc quyền cai quản của Chúa Nguyễn. Thời kì đó “danh xưng Đồng Nai không dừng lại trên một địa bàn nhỏ hẹp Mỗi Xuy (Bà Rịa), Đồng Nai (Biên Hoà) mà còn dùng chỉ cho toàn thể cõi đất miền Nam”⁽²⁾ rộng lớn đang được khai phá (trong đó có Tây Ninh). Từ thời Chúa Nguyễn Phúc Khoát đến thời Vua Gia Long, vùng đất Tây Ninh lần lượt thuộc dinh Phiên Trấn hoặc phủ Gia Định. Đến thời Vua Minh Mạng, năm 1836, Tây Ninh chính thức trở thành đơn vị hành chính cấp phủ, gồm hai huyện là Tân Ninh và Quang Hoá. Như vậy, có thể nói lịch sử hình thành vùng đất Tây Ninh gắn liền với lịch sử hình thành vùng đất Nam Bộ, cách nay hơn 300 năm.

⁽¹⁾ Nguyễn Đình Đầu, *Địa lí lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh*, in trong “Địa chí văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh”, tập một, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1987, tr.143.

⁽²⁾ Nguyễn Văn Hầu, *Văn học Miền Nam Lục tỉnh*, tập một, NXB Trẻ, 2012, tr.15 – 16.

2. Lược sử về con người và văn hoá dân gian Tây Ninh

Trong quá trình phát triển lịch sử, con người và văn hoá dân gian Tây Ninh luôn nằm trong chiếc nôi văn hoá dân gian của cả vùng Nam Bộ – nơi hội tụ, hoà nhập, đan xen của nhiều tộc người, nhiều nguồn văn hoá.

Trên vùng đất này, từ xa xưa đã có các cư dân bản địa sinh sống. Đến cuối thế kỉ XVI đầu thế kỉ XVII, các lớp người Việt, người Hoa nối tiếp nhau đến khai hoang, cộng cư cùng cư dân bản địa.

Sự nhập cư của người Việt ban đầu còn diễn ra lẻ tẻ, rời rạc nhưng dần dần đã trở nên quy mô, mạnh mẽ và thuận lợi hơn; nhất là từ sau sự kiện năm 1620, Chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả con gái là Công nữ Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp là Preachey Chettha II nhằm kết nối mối quan hệ giao hảo, hoà hiếu giữa hai nước.

Thành quả khai hoang, sản xuất của lưu dân người Việt đã làm biến đổi bước đầu bộ mặt kinh tế, xã hội ở vùng Nam Bộ. Đến cuối thế kỉ XVII, nơi đây từ rừng rậm hoang vu đã hình thành các thôn xóm, làng mạc, làng nghề, đường sá, chợ búa, kênh mương và những cánh đồng lúa, hoa màu tươi tốt, vườn tược cây trái sum sê,...

Từ đặc điểm di cư, cộng cư ấy, ở Nam Bộ đã hình thành một nền văn hoá, văn học dân gian đa dạng, phong phú và đặc sắc, góp phần xứng đáng vào di sản văn hoá Việt Nam.

Trên cái nền chung của văn hoá dân gian Nam Bộ, tỉnh Tây Ninh là nơi lưu giữ một kho tàng văn học dân gian phong phú gồm nhiều thể loại; đó là hệ thống các truyện kể dân gian phản ánh sự nghiệp khai khẩn đất đai, gắn liền với những danh thắng, di tích và nhân vật lịch sử, là kho tàng ca dao, dân ca với các điệu hò, điệu lí, hát ru và nhiều thể loại khác,... thể hiện bản sắc độc đáo của vùng đất và con người Tây Ninh. Hơn nữa, do văn hoá ở Đông Nam Bộ là sự hoà nhập, đan xen, kết tinh bởi nhiều dòng văn hoá: “Dòng văn hoá bản địa của người Chăm, Mạ, Khmer, Xtiêng, Châu Ro,... còn lấp lánh trong quan hệ giao lưu với người Việt hiện nay”⁽¹⁾ cho nên trong văn học dân gian Tây Ninh còn có sự góp mặt của văn học dân gian các dân tộc thiểu số, trước hết là các dân tộc đã có một quá trình cộng cư lâu đời trên địa bàn Tây Ninh như: Khmer, Xtiêng và Chăm.

II. DIỆN MẠO VĂN HỌC DÂN GIAN TÂY NINH

1. Truyện kể dân gian

Theo cách phân loại chung của văn học dân gian, truyện kể dân gian gồm các thể loại chính là: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười. Tuy nhiên, thực trạng sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian Tây Ninh cho thấy: truyện kể dân gian Tây Ninh hầu như vắng bóng thể loại ngụ ngôn và truyện cười, có rất ít thần thoại và truyện cổ tích; phổ biến nhất là những truyền thuyết lịch sử ca ngợi những nhân vật có công khai khẩn, giữ gìn mảnh đất Tây Ninh, ca ngợi những tấm gương trung nghĩa và những truyền thuyết địa danh nhằm giải thích nguồn gốc một số địa danh ở Tây Ninh.

⁽¹⁾ Huỳnh Văn Tới, *Bản sắc văn hoá dân tộc và văn hoá dân gian Đông Nam Bộ*, NXB Văn hoá Thông Tin, Hà Nội, 2014. tr.45

a. Thần thoại

Thần thoại là “những truyện kể dân gian về các vị thần, nhân vật anh hùng, nhân vật sáng tạo văn hoá, phản ánh quan niệm của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và của đời sống con người”⁽¹⁾. Tuy nhiên, Tây Ninh là vùng đất mới được khai phá cách nay trên 300 năm – là thời điểm mà trình độ nhận thức của con người về thế giới và xã hội đã khác xa với thời đại thần thoại cổ xưa, không còn ý niệm nguyên thủy về tự nhiên nữa. Chính vì vậy, có thể nói truyện kể dân gian Tây Ninh, cũng như truyện kể dân gian của các địa phương khác trên vùng đất mới Nam Bộ không có các thần thoại nguyên mẫu kể về những công cuộc khai sáng kì vĩ mà chủ yếu chỉ là sự tích hợp một số mô-típ thần thoại vào một cốt truyện nhằm lí giải đơn giản một số sự vật, hiện tượng đặc biệt kì lạ, dị thường của thiên nhiên nơi đây. Tiêu biểu (và cũng gần như là duy nhất) của thần thoại Tây Ninh là truyện *Dấu chân ông Khổng Lồ trên núi Bà và tảng đá trên cây dầu cổ thụ ở Trại Bí*. Trong câu chuyện này, tính thần thoại thể hiện ở hình tượng ông Khổng Lồ có thể bước một bước từ núi Bà (Tây Ninh) đến núi Cậu (tỉnh Bình Dương), ném tảng đá ngàn cân nhẹ như ném một viên sỏi. Vì không có những tình tiết thần kì tiếp theo liên quan trực tiếp đến những dấu chân khổng lồ trên núi cũng như đến tảng đá khổng lồ trên cây nên đây thật ra chỉ là cách suy nguyên dấu tích, gán dấu tích cho những nhân vật có màu sắc thần thoại chứ chưa phải là một truyện thần thoại chuẩn mực.

b. Cổ tích

Cổ tích là một trong những thể loại văn học dân gian quan trọng và phổ biến nhất, “biểu hiện cách nhìn hiện thực của nhân dân đối với thực tại, đồng thời nói lên những quan điểm đạo đức, những quan niệm về công lí xã hội và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn trong cuộc sống hiện tại”⁽²⁾. Tuy nhiên, cũng như thần thoại, trong di sản văn học dân gian Tây Ninh rất hiếm gặp những truyện cổ tích đúng nghĩa. Tiêu biểu cho thể loại cổ tích mang đậm màu sắc địa phương Tây Ninh là truyện *Xã Hoà Hiệp*. Câu chuyện một mặt lí giải cho nguồn gốc một địa danh (xã Hoà Hiệp); mặt khác, dựa theo một mô-típ quen thuộc trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, tác giả dân gian còn muốn thông qua một mối tình éo le, trắc trở để gửi gắm những ước mơ, khát vọng về sự cộng cư, hoà hiệp giữa hai dân tộc Việt Nam – Cam-pu-chia nơi miền biên giới Tây Nam.

c. Truyền thuyết

“Truyền thuyết là tên gọi dùng để chỉ một nhóm những tác phẩm tự sự dân gian kể về sự kiện và nhân vật lịch sử (hoặc có liên quan đến lịch sử), phần lớn theo xu hướng lí tưởng hoá, qua đó thể hiện sự ngưỡng mộ và tôn vinh của nhân dân đối với những người có công với đất nước, dân tộc hoặc cộng đồng cư dân của một vùng”⁽³⁾. Không quá ít như thần thoại và cổ tích, trong văn học dân gian Tây Ninh hiện diện khá nhiều truyền thuyết

⁽¹⁾ *Từ điển văn học bộ mới*, NXB Thế giới, 2004, tr.1646.

⁽²⁾ *Từ điển văn học bộ mới*, sách đã dẫn, tr.1840.

⁽³⁾ Lại Nguyên Ân, *150 thuật ngữ văn học*, NXBĐHQGHN, 2004, tr. 341.

mang cảm hứng sáng tạo của dân gian theo xu hướng “thiên hoà thực tại” mảnh đất và con người Tây Ninh.

Về cơ bản, hệ thống truyền thuyết Tây Ninh gồm ba kiểu chính: (1) Truyền thuyết về những người có công khai khẩn, bảo vệ vùng đất Tây Ninh; (2) Truyền thuyết về những tấm gương trung nghĩa, can đảm trong lịch sử Tây Ninh; (3) Truyền thuyết về những địa danh ở Tây Ninh.

• *Truyền thuyết về những người có công khai khẩn, bảo vệ vùng đất Tây Ninh*

Là vùng đất mới được khai khẩn, lại nằm ở vị trí xung yếu của dải biên cương Tây Nam, thực tại ấy giúp cho văn học dân gian Tây Ninh nảy sinh và lưu truyền khá nhiều truyền thuyết về những nhân vật lịch sử gắn liền với công cuộc khai khẩn, bảo vệ vùng đất này. Đó là những bậc Tiên hiền, Hậu hiền⁽¹⁾ có công lớn trong việc quy dân lập làng, khai khẩn rừng hoang, làm đường cất chợ, khơi rạch đào kênh,... trên vùng đất Tây Ninh từ những ngày đầu như ông Đặng Văn Trước, ông Trần Văn Thiện; hoặc những bậc anh hùng đã dũng cảm chiến đấu, xả thân vì chủ quyền quốc gia, vì sự bình yên của vùng đất Tây Ninh như ba anh em ông Huỳnh Công Giản, Huỳnh Công Thắng, Huỳnh Công Nghệ...

Thông qua các truyền thuyết, người dân Tây Ninh vừa ghi nhớ, ngợi ca công đức của các bậc tiền nhân, vừa sùng bái, tôn vinh họ thành những thần “Thành hoàng bốn cảnh” gắn tên tuổi của họ với tập tục thờ cúng dân gian địa phương qua các lễ Kỳ Yên, lễ Cầu Bông,... tại nhiều ngôi đình nổi tiếng như: đình Gia Lộc, đình Long Thành, đình Thạnh Đức, đình Thái Bình, đình Hiệp Ninh,...

• *Truyền thuyết về những tấm gương trung nghĩa, can đảm trong lịch sử Tây Ninh*

Bên cạnh truyền thuyết về những bậc tiền nhân có vai trò quan trọng, phạm vi ảnh hưởng lớn và được tôn vinh thành những nhân thần như trên, văn học dân gian Tây Ninh còn lưu hành truyền thuyết về một số nhân vật lịch sử khác như: Lãnh binh Tòng, Lãnh binh Két, võ tướng Nguyễn Phương Hồng, ông Thổ lai Chà Lang Bang, người lão bộc Huỳnh Trung,...

Truyền thuyết về những nhân vật này tuy khá sơ lược và phạm vi ảnh hưởng còn hạn chế nhưng cũng thể hiện được sự thành kính, cảm phục của người dân Tây Ninh trước những tấm gương trung nghĩa, dũng cảm xả thân vì nước, vì dân, vì lí tưởng,... Tiêu biểu cho kiểu truyền thuyết này là truyện *Ngon đèn hồn tử sĩ* kể về Huỳnh Trung, người lão bộc trung thành đã lặn lội hi sinh vì sự nghiệp phục quốc của Chúa Nguyễn Phúc Ánh; sau đó hồn ông hiển linh thành ngọn đèn dẫn đường chỉ lối, giúp người dân trong vùng đi lại an toàn trong đêm.

⁽¹⁾ Tiên hiền, Hậu hiền: nghĩa gốc Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai canh (Tiên hiền có công quy dân lập làng; Hậu hiền có công xây dựng các công trình phúc lợi cho làng); nghĩa chung chỉ những người có công khai sinh và xây dựng, phát triển một địa phương trong lịch sử.

• Truyền thuyết về những địa danh ở Tây Ninh

“Truyện kể địa danh thực ra chính là truyện kể về những con người, những người đã gắn mình với tên sông, tên núi hoặc đã làm nên non sông đất nước”⁽¹⁾. Như vậy, bản chất của truyền thuyết địa danh không phải chỉ để giải thích địa danh mà chủ yếu là xây dựng một cốt truyện, qua đó vừa giải thích nguồn gốc địa danh, vừa ca ngợi công tích của một nhân vật hoặc nhắc nhở một sự kiện nào đó trong lịch sử. Phù hợp với thể loại này, văn học dân gian Tây Ninh lưu truyền một số truyền thuyết như: *Suối Ông Hùng, Bàu Cỏ Đỏ, Sự tích Dinh Ông, Sự tích chùa Quan Huế*,... trong đó tiêu biểu nhất là một số bản kể về sự tích núi Bà Đen của người Việt, người Khmer, người Xtiêng,...

Ngoài ra, trong sách *Tây Ninh xưa*⁽²⁾, học giả Huỳnh Minh cũng ghi lại một số truyền thuyết không có cốt truyện, cũng không liên quan đến một nhân vật, sự kiện lịch sử cụ thể nào, đơn giản chỉ để giải thích địa danh mà thôi. Chẳng hạn: Bến Kéo là “bến” để “kéo” hàng (Địa danh Bến Kéo); Suối Đá là “suối” có nhiều “đá” (*Sự tích Suối Đá*), Cổng Chàm là “cổng” xây ở xóm “Chàm” (*Sự tích Cổng Chàm*),...

2. Ca dao, dân ca

Ca dao là một bộ phận quan trọng của thơ ca dân gian, chủ yếu thuộc thể trữ tình, dùng các thể thơ dân tộc như lục bát, song thất lục bát và mang một phong cách riêng; còn dân ca là loại hình sáng tác dân gian, trong đó yếu tố văn học được hình thành đồng thời với yếu tố âm nhạc, khi diễn xướng có thể kèm theo cả những động tác. “Ca dao chỉ là lời thơ dân gian, trong khi dân ca lại bao gồm cả những giai điệu, những thể thức ca hát riêng cho mỗi bộ môn hát”⁽³⁾. Như bao địa phương khác trên đất nước, Tây Ninh cũng có một di sản ca dao, dân ca; di sản này mặc dù còn chưa được sưu tầm, phân loại, nghiên cứu một cách đầy đủ nhưng bước đầu cũng góp phần giúp hình dung rõ hơn diện mạo của văn học dân gian Tây Ninh.

a. Ca dao

Ca dao Tây Ninh có nhiều bài gắn với những địa danh nói về cảnh quan thiên nhiên và những đặc sản nổi tiếng ở địa phương đó; vừa ca ngợi quê hương, vừa thể hiện niềm tự hào về kết quả lao động sáng tạo lâu dài và kiên nhẫn của người dân nơi đây⁽⁴⁾.

Ví dụ:

*Trăng Bàng nổi tiếng xưa nay
Gia Huỳnh trồng cải, Bàu Mây lập vườn*

⁽¹⁾ Nguyễn Thị Bích Hà, *Bước đầu tìm hiểu nguồn truyện kể địa danh Việt Nam*, in trong “Tuyển tập 40 năm Tạp chí Văn học (1960 – 1999)”, tập 1, NXB TP. HCM, 1999, tr.420.

⁽²⁾ Huỳnh Minh, *Tây Ninh xưa*, Loại sách sưu khảo các tỉnh, thành năm xưa, Hà Nội, NXB Thanh niên, 2001.

⁽³⁾ Nguyễn Văn Hầu, *Văn học Miền Nam Lục tỉnh*, tập một, sách đã dẫn, tr.123.

⁽⁴⁾ Từ đây, những dẫn chứng về ca dao Tây Ninh đều được trích từ sách Nhiều tác giả, *Tây Ninh – Đất và Người*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2021.

*Lộc Thanh đậu trắng, cà tương
Một làng rộn rịp ra phường nông tang.*

*Thanh Điền gạo trắng, nước trong
Nổi danh rau rút cua đồng nấu chua...*

Cũng như ca dao của nhiều vùng miền khác, đề tài về thân phận con người, tình cảm gia đình, tình yêu lứa đôi và khát vọng hạnh phúc cá nhân vẫn là đề tài phong phú, đa dạng nhất trong ca dao Tây Ninh. Qua những câu ca dao, con người Tây Ninh hiện lên với nhiều sắc thái, cung bậc tình cảm đa dạng và tinh tế.

Ví dụ:

*Em có chồng về xứ Bến Cầu
Để anh ở lại mang sầu trong tim.*

*Lấy chồng Bàu Gõ nước mắt nhỏ hai hàng
Dọn mâm cơm để đó, già chín neo bàng mới ăn...*

Nhìn chung, hình thức ca dao Tây Ninh thường ngắn, vần điệu ít nghiêm ngặt, hay phá cách lục bát, ngôn từ giản dị, bình dân và sử dụng khá nhiều từ ngữ địa phương.

Ví dụ:

*Nhà tui có dây ố qua⁽¹⁾
Nó ra một trái xắt mà chín ki⁽²⁾.*

*Em già bàng đươn đềm cho siêng
Để anh lên núi cầu duyên chúng mình...*

Theo dòng thời gian, nhiều bài ca dao Tây Ninh đã không còn tồn tại độc lập mà hoá thân vào những câu hò, điệu lí, tiếp tục trở thành một nét sinh hoạt văn hoá tinh thần không thể thiếu của người dân nơi đây. Đặc biệt, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trên mảnh đất Tây Ninh trung dũng, kiên cường, ca dao vẫn tràn đầy sức sống, cất lên tiếng nói tự hào, ngợi ca lòng yêu nước, ghi lại những chiến công hiển hách để cổ vũ, khích lệ toàn dân đánh giặc, giải phóng quê hương.

Ví dụ:

*Ai ơi, về tới miền Đông
Ghé vào đất Trảng mà trông anh tài
Đánh Pháp, Pháp đã chạy dài
Đánh Mỹ, Mỹ phải cút ngay xuống tàu.*

⁽¹⁾ Ổ qua (từ địa phương – khổ qua): một cây leo mọc ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới thuộc họ bầu bí, có quả ăn được, thuộc loại đắng nhất trong các loại rau quả.

⁽²⁾ Ki (từ địa phương): dụng cụ dùng để đo lường ngày xưa.

*Ai về có biết Thanh Điền
Đàn bà, con nít, thiếu niên anh hùng...*

b. Dân ca

Trong kho tàng văn học dân gian Tây Ninh, dân ca chiếm một vị trí quan trọng, thường xuyên hiện diện trong đời sống sinh hoạt văn hoá tinh thần của người dân. Theo nhạc sĩ Tô Vũ: “Nói dân ca Tây Ninh không có nghĩa là những điệu dân ca này đều được sản sinh trên đất Tây Ninh mà chỉ hàm ý là những bản, những bài dân ca được người Tây Ninh bảo tồn và phổ biến... Nhưng hiểu như vậy không có nghĩa là người Tây Ninh chỉ có “học tập” và “sử dụng” mà không có đóng góp, cống hiến gì trong lĩnh vực sáng tạo dân ca người Việt”⁽¹⁾.

Nếu xét dân ca Tây Ninh là những tác phẩm kết hợp chặt chẽ các phương tiện nghệ thuật âm thanh, nhịp điệu và ngôn ngữ được diễn xướng trong sinh hoạt cộng đồng thì có thể phân chia dân ca Tây Ninh thành: hò, lí, hát ru, nói thơ, đồng dao. Trong đó, nổi bật nhất là hò và lí⁽²⁾.

• *Hò*

“Hò là một biến cách của ca dao. Có những câu ca dao được đem ra nguyên vẹn để hò dưới ánh trăng. Có những câu ca dao được thêm thắt, cắt xén dùng đối đáp, thi đua lời ý trong các hội hò”⁽³⁾. Đây là loại hình diễn xướng dân gian rất được ưa chuộng ở tỉnh Tây Ninh. Hò Tây Ninh có nội dung phong phú, gồm cả hai loại chính là hò trên cạn (hò cấy, hò xay lúa, hò giã gạo, hò tát nước, hò rao,...) và hò trên sông nước (hò chèo ghe, hò mái dãi, hò kéo lưới, hò giặt chài,...). Khi diễn xướng, hình thức chủ yếu của hò Tây Ninh là hò đối đáp, gắn liền với những hình thái lao động khác nhau để giải trí, xua tan nhọc nhằn.

Ví dụ:

*Hò... ơ... ơ...
Hò chơi phỉ dạ đôi đàn
Công anh ở trên băng ngàn xuống đây
Tới đây không lẽ ngồi không
Cầm chày giã gạo... hò ơ...
Cầm chày giã gạo cho đông miệng hò.*

Hò còn là cầu nối trao duyên, gửi gắm tình yêu đôi lứa, ước mong một ngày hai người được nên vợ nên chồng:

Cô gái đối: *Hò ơ... Thân em như cá biển Đông, để nhảy lên tam cấp lượn thành rồng cho anh coi.*

Chàng trai đáp lại: *Hò ơ... Em ơi phải chi anh hoá đặng thần thông, anh ngăn mây đón gió đặng bắt rồng cưới chơi...*

⁽¹⁾ Tô Vũ, *Dân ca Tây Ninh*; in trong “Dân ca Tây Ninh”, Sở Văn hoá Thông tin Tây Ninh, 2005, tr.59.

⁽²⁾ Từ đây, những dẫn chứng về các thể loại dân ca Tây Ninh đều được trích từ sách *Dân ca Tây Ninh*, Sở Văn hoá – Thông tin Tây Ninh, 2005.

⁽³⁾ Nguyễn Văn Hẫu, *Văn học Miền Nam Lục tỉnh*, tập một, sách đã dẫn, tr.194.

Hò Tây Ninh làn điệu mênh mông, mang vẻ đẹp bình dị, trong sáng, gần gũi với đời thường; đồng thời thể hiện rõ khả năng ngẫu hứng, ứng tác của người dân nơi đây khi linh hoạt biến đổi ca dao bằng những tiếng đệm, cách luyến láy, chia cắt hoặc lặp lại một số từ, nhóm từ,... cho phù hợp với hoàn cảnh và nội dung diễn xướng.

• Lí

Lí là một làn điệu dân ca truyền thống rất phổ biến ở Trung Bộ và Nam Bộ. Về mặt ca từ, lí cũng biến đổi ca dao bằng những tiếng đệm, cách luyến láy, chia cắt hoặc lặp lại một số từ, nhóm từ,... giống như hò để tiết điệu thêm mượt mà; nhưng khác với hò, lí có nhạc tính ổn định, câu hát đều đặn hơn; và trong diễn xướng, lí thiên về bộc lộ những góc cạnh tình cảm trong cuộc sống chứ không gắn liền với một động tác, hình thái lao động cụ thể như hò.

Có khá nhiều bài lí mang đậm dấu ấn địa phương Tây Ninh; chẳng hạn như:

Qua vòm Rạch Gốc/ tới cái hóc Miếu Bà Thuỷ Long/ ơ... / Qua luôn đất giống là giống cái Ông Quan Cự/ rồi mới tới cái quê chồng là tới cái quê chồng của tui... (Lí quê chồng)

Qua Sân Cu, ơ rường ơ/ mới tới miếu Ông Tà/ ơ rường ơ/ lên đây rồi mới gặp/ ơ rường ơ cửa nhà em ở Bàu Năng/ ơ rường ơ phải qua Ninh Hiệp/ ơ rường ơ mới đặt gặp nàng, ơ rường ơ... (Lí tìm nàng)

Ngó qua bên chợ thì thôi hố khoan. Bên này chợ ơi Bàng Trảng Bàng, bên này chợ ơi Bàng Trảng Bàng. Chồng tôi đi học thì thôi hố khoan, đi thì đi học ở Gòn Sài Gòn, đi thì đi học ở Gòn Sài Gòn... (Lí bên kia) v.v.

Đối với những bài lí quen thuộc được lưu truyền rộng rãi khắp vùng Nam Bộ, người Tây Ninh cũng có những biến đổi rất sáng tạo về tiết tấu, ca từ, hình ảnh để những điệu hát đó mới hơn, gần gũi, quen thuộc với cuộc sống, con người nơi đây hơn. Chẳng hạn: từ bài *Lí ngựa ô* phổ biến khắp Trung Bộ và Nam Bộ, người Tây Ninh đã thay đổi ca từ; qua đó xây dựng hình tượng một nhân vật trữ tình không màng giàu sang phú quý; chỉ mong được tự do vẫy vùng cho thoả chí, như con cá bóng kềm tung tăng bơi lội ngoài khơi xa:

Ngựa ô anh không thắng không thắng cái lá kiệu vàng ruông xã rường ơi... anh đeo khốp bạc lục lạc tòng teng anh giậm búp sen dây cương dặm thắng tình ông tang tính tính ông tang tình. Đó mà ham vui đây mà thua con cá bóng kềm nó lội ra khơi...

• Một số thể loại dân ca khác

Ngoài hò và lí, dân ca Tây Ninh còn phổ biến một số thể loại dân ca khác như hát ru, nói thơ,...

– Hát ru

Hát ru (tên đầy đủ là hát ru con, hát ru em) phổ biến là một cặp ca dao lục bát được lồng vào những giai điệu sâu lắng, thiết tha:

*Ấu ơ... Cảm thương mấy chị nhỏ bồng
Thấp cao cũng nhỏ, sần sần cũng quơ.*

*Ấu ơ... Tối trời trăng lặn còn sao
Đặt lưng xuống chiếu chiêm bao thấy chàng.*

Bên cạnh đó, cũng có những bài hát ru gồm nhiều cặp lục bát như:

*Ấu ơ... Trách ai trồng chuối dưới bàu
Trái ăn, lá rọc bỏ tàu xơ rơ
Linh đình nửa nước nửa bờ
Nửa thương cha mẹ, nửa chờ nợ duyên.*

– Nói thơ

Nói thơ (hay kể thơ) là một loại hình truyền khẩu dân gian độc đáo của Nam Bộ nói chung, trong đó có tỉnh Tây Ninh. Hướng đến người nghe là tầng lớp bình dân, những bản nói thơ nhìn chung không quá câu nệ, cầu kì về ngôn ngữ, cốt sao diễn tả nội dung là được: “Cứ nói thẳng, nói trơn tuột, đôi khi có sai vắn tắt luật cũng chẳng hề gì. Những sáo ngữ, những tiếng đệm nhiều lúc vô nghĩa hoặc rất ít ý nghĩa nhưng cần nó để cho hợp vần, người ta cũng không ngần ngại mà cứ việc dùng”⁽¹⁾.

Trong số những bài nói thơ sưu tầm được ở tỉnh Tây Ninh, bài *Hột châu rút xuống đĩa nghiêng* nói về tâm sự của một người con gái cảm cảnh⁽²⁾ cho duyên phận của mình được khá nhiều người Tây Ninh biết đến:

*Hột châu rút xuống đĩa nghiêng
Tươi cười với bạn mà sầu riêng một mình
Giơ tay vuốt ngực bạn chung tình
Thuốc đây ráng uống để chết diêm đình bỏ em
Người ta năm chị bảy em
Mình em bạc phận như nem chưa gói tròn.*

• Dân ca dân tộc thiểu số Tây Ninh

Tại tỉnh Tây Ninh, cộng đồng các dân tộc Khmer, Tà Mun, Chăm,... còn lưu giữ được một số làn điệu dân ca truyền thống của dân tộc mình. Nhìn chung, “dân ca Chăm và Tà Mun phần lớn là những bài hát tự sự, thích hợp lối hát một mình (...). Dân ca Khmer chủ yếu là song ca nam nữ có tính chất giao duyên. Và nếu người Chăm, người Tà Mun quen hát không nhạc đệm thì người Khmer lại thường hát với dàn nhạc đệm, có kết hợp múa”⁽³⁾.

⁽¹⁾ Nguyễn Văn Hào, *Văn học Miền Nam Lục tỉnh*, tập một, sách đã dẫn, tr.423.

⁽²⁾ Cảm cảnh: động lòng thương, cảm động trước một cảm ngộ nào đó.

⁽³⁾ Lê Hoàng Minh, *Tìm về dân ca dân tộc thiểu số Tây Ninh*, theo tapchilangviet.vn.

Ví dụ:

*Con ơi hãy ngủ cho ngoan
Lời mẹ nồng ấm chứa chan ân tình
Mẹ đang trông ngóng bóng hình
Cha về sum họp, gia đình ấm êm...*

(Hát ru Khmer, Sơn Ngọc Hoàng dịch)

*Em ơi! Lòng anh không muốn xa em
Nhưng vì tháng không lành, năm không hợp
Anh xin tạm thời xa em
Em ơi! Không phải anh nói cho vờ lòng em
Sau lưng lại ngoảnh mặt làm ngơ.*

(Dân ca Chăm, Amina dịch)

3. Một số thể loại văn học dân gian khác

Ngoài truyện kể dân gian và ca dao dân ca, văn học dân gian Tây Ninh còn lưu truyền phổ biến nhiều thể loại khác nhau như: vè, đồng dao, tục ngữ, câu đố, trò diễn dân gian,...

– Vè

Vè là một thể văn vần tự sự gắn gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày, dễ thuộc, dễ nhớ, rất phổ biến trong sinh hoạt văn hoá dân gian thuở trước. Ngoài việc lưu truyền những bài vè quen thuộc, phổ biến ở nhiều địa phương trong cả nước như: *Vè Thầy Thông Chánh*, *Vè nói ngược*, *Vè nói dóc*, *Vè trăm thứ bánh*, *Vè trăm thứ cá*... văn học dân gian Tây Ninh ghi nhận một số bài vè được sáng tác và phổ biến tại địa phương; trong đó bài *Vè đất Trảng* là một ví dụ tiêu biểu:

<i>Có đến Trảng Mây</i>	<i>Tròn quay ốc mít</i>
<i>Xin đừng hảo ngọt</i>	<i>Chẳng sợ sút cân.</i>
<i>Vợ ghen nó đón</i>	<i>Ai đó đào hầm</i>
<i>Có thể lết luôn.</i>	<i>Đào ao đào giếng</i>
<i>Còn đến Trảng Tròn</i>	<i>Xin đừng có đến</i>
<i>Có nhiều gái đẹp</i>	<i>Trảng Sụp có ngày...</i>

– Đồng dao

Rất gần gũi với vè là đồng dao – một loại hình hát dân gian “có nội dung và hình thức phù hợp với trẻ em, do trẻ em hát, thường gắn với một số trò chơi nhất định, mỗi câu ứng với một hành động, vừa tạo thành âm đệm, vừa cầm nhịp cho cuộc chơi, vừa chỉ dẫn cho động tác”⁽¹⁾. Qua đồng dao, trẻ em được biết thêm nhiều điều về thế giới cuộc sống xung quanh, học được cách quan sát, miêu tả, biết được mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng,...

⁽¹⁾ *Từ điển văn học bộ mới*, sách đã dẫn, tr.458.

Ví dụ:

<i>Trả rượu cho nhạo</i>	<i>Trả sừng cho trâu</i>
<i>Trả gạo cho sàng</i>	<i>Trả đầu cho chuột</i>
<i>Trả cày cho cưa</i>	<i>Trả ruột cho anh</i>
<i>Trả chua cho bưởi</i>	<i>Trả canh cho vá</i>
<i>Trả lưỡi cho cày</i>	<i>Trả cá cho nơm...</i>
<i>Trả cay cho gừng</i>	

– Tục ngữ, câu đố, trò diễn dân gian

Cho đến thời điểm hiện tại, văn học dân gian Tây Ninh chưa ghi nhận được những tục ngữ, câu đố, trò diễn dân gian như các sản phẩm văn hoá của người Tây Ninh, thể hiện tính đặc thù của địa phương Tây Ninh. Trong đời sống sinh hoạt, người dân Tây Ninh vẫn sử dụng những tục ngữ, câu đố vốn phổ biến trong kho tàng văn học dân gian dân tộc; chẳng hạn những câu tục ngữ về quy luật thiên nhiên (*Dày sao thì nắng, vắng sao thì mưa; Ráng mỡ gà, có nhà phải chống...*), về kinh nghiệm lao động sản xuất (*Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa; Năm trước được cau, năm sau được lúa*), về con người và xã hội (*Đã nghèo còn mắc cái eo; Người là vàng của là ngãi; Mặt cưa mướp đặng...*) những câu đố về các con vật, cây cối,... xung quanh (*Vừa bằng trái ổi, khi nổi khi chìm? – con ốc; Giữa lưng trời có vũng nước trong. Cá lòng tong lội hoài không tới? – trái dừa; Minh rỗng, đuôi phụng le te. Mùa đông ấp trứng, mùa hè nở con? – cây cau*),...

Tương tự như vậy, nếu hiểu các thể loại chính của trò diễn dân gian (tức sân khấu dân gian) gồm chèo, múa rối và tuồng đồ (tức tuồng hài) thì trong văn học dân gian Tây Ninh không thấy xuất hiện chèo và múa rối. Tuy nhiên, cũng như ở nhiều địa phương khác, người dân Tây Ninh vẫn biết và thích thú thưởng thức một số vở tuồng đồ quen thuộc như: *Nghêu Sò Ốc Hến, Trương Ngáo đúc chuông, Trương Đồ Nhục*,...

Trở lên trên là khái quát diện mạo của văn học dân gian Tây Ninh. Văn học dân gian Tây Ninh, trên cái nền chung về thể loại và những đặc điểm của văn học dân gian dân tộc, đã vận động và phát triển mạnh mẽ, một mặt phản ánh đậm đặc tính, đặc thù của lịch sử văn hoá địa phương, mặt khác hoà đồng với tính chất chung, xu thế chung của văn học dân gian dân tộc, nhất là trong sự hình thành, phát triển, cụ thể hoá các thể loại và mô-típ. Đó cũng là hai mặt trong quá trình phát triển biện chứng của văn học dân gian Tây Ninh.

III. KẾT LUẬN

Nhìn lại diện mạo văn học dân gian Tây Ninh, có thể nhận thấy, trong suốt hơn 300 năm qua, văn học dân gian Tây Ninh luôn được bảo tồn, lưu truyền và phát triển trong đời sống, tâm hồn của cộng đồng các dân tộc ở địa phương cũng như trong truyền thống của văn hoá, nghệ thuật Việt Nam; vừa có bản sắc riêng, vừa góp phần

làm phong phú kho tàng văn học dân gian của dân tộc và soi sáng thêm nhiều vấn đề về lịch sử, văn hoá, xã hội của vùng đất Nam Bộ.

Là một di sản quý giá gồm nhiều thể loại với nhiều nội dung mang tính nhân văn sâu sắc, văn học dân gian Tây Ninh đã phản ánh chân thực quá khứ hào hùng của những thế hệ cha ông đã hi sinh tất cả để khai phá, xây dựng và bảo vệ vùng đất của dải biên cương Tây Nam. Di sản ấy cần được các thế hệ hôm nay bảo tồn và tiếp tục phát huy hệ giá trị của nó trong đời sống xã hội hiện đại.



Luyện tập

1. Văn bản trên nghiên cứu về vấn đề gì?
2. Mục đích nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu trong văn bản trên là gì?
3. Tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng bảng biểu hoặc sơ đồ tư duy.



Vận dụng

Viết một đoạn văn thể hiện cảm nhận của anh/ chị về ý nghĩa của văn học dân gian Tây Ninh trong đời sống sinh hoạt hiện nay ở địa phương.

ĐỌC HIỂU MỘT SỐ TRUYỆN DÂN GIAN TÂY NINH

VĂN BẢN 1

DẤU CHÂN ÔNG KHỔNG LỒ TRÊN NÚI BÀ VÀ TẢNG ĐÁ TRÊN CÂY DẦU CỎ THỤ Ở TRẠI BÍ

Ngày xưa ngày xưa, tại vùng núi Bà có một vị thần vóc dáng vô cùng to lớn, được gọi là ông Khổng Lồ. Ông Khổng Lồ có người vợ trẻ. Mỗi khi có việc cần đi đó đi đây, ông thường dặn vợ phải ở trong động, không được ra ngoài. Thế nhưng do trẻ người non dạ, tính tình năng động, hồn nhiên, nàng chẳng mấy khi chịu nghe lời chồng. Hễ ông vừa đi khỏi thì nàng cũng ra ngoài động dạo chơi hoặc đi sâu vào rừng tìm hái hoa quả.

Một hôm, sau chuyến đi dài, ông Khổng Lồ trở về động. Không thấy vợ đâu, ông vội ra ngoài để tìm. Tìm gọi vợ mãi không thấy, vừa lo lắng vừa bức bối, ông giậm mạnh một chân xuống núi Bà, một chân xuống núi Cậu khiến cho những nơi này còn lưu lại dấu chân trên đá của ông.



Hình 1. Dấu chân đá trên núi Bà Đen
(Ảnh: Thanh Bình)



Hình 2. Dấu chân đá trên núi Cậu
(Nguồn: kienthuc.net.vn)

Chợt thấy một con quạ bay ngang qua, ông vội hỏi:

Vợ tao đi ở nơi nao?

Nếu mi có biết, mau mau chỉ giùm.

Vốn không thích ông Khổng Lồ từ lâu, con quạ vừa bay vừa nói vọng lại:

Đàn bà là kẻ gian ngoa

Vợ mi mi giữ, hỏi ta làm gì?

Đang trong cơn bực tức, lại nghe quạ xúc xiểm vợ mình như vậy, ông Khổng Lồ liền lượm một tảng đá to liệng theo. Thế nhưng tảng đá không trúng con quạ mà lại rơi vào cháng ba một cây dầu cổ thụ và nằm kẹt luôn ở đó⁽¹⁾.

(Theo Huỳnh Minh, *Tây Ninh xưa*, NXB Thanh niên, 2001)

Hướng dẫn đọc hiểu

1. Tìm các chi tiết miêu tả nhân vật ông Khổng Lồ dựa theo kiến thức đã học về thần thoại.
2. So sánh nhân vật Khổng Lồ trong văn bản trên với những nhân vật Khổng Lồ trong các thần thoại khác. Từ đó, rút ra ý nghĩa hình tượng nhân vật.

VĂN BẢN 2

TRUYỆN ÔNG CẢ ĐẶNG VĂN TRƯỚC

Khoảng đời Gia Long có một người tên Đặng Văn Trước, tự Dừa (gia phả ghi Đặng Thế Trước) lập nghiệp ở khu vực Bùng Binh, rạch Bến Đồn, tổng Dương Hoà Trung. Năm Gia Long thứ 17 (1819) ông Đặng Văn Trước cùng một số bạn bè ở Bùng Binh dẫn vài chục dân đến mua một số đất hoang của làng Bình Tịnh để khai khẩn, lập nên thôn Phước Lộc, thuộc tổng Dương Hoà Trung, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, trấn Gia Định. Sau ông Đặng Văn Trước được cử chức Trùm Cả; từ đó người dân kính trọng gọi ông là Cả Trước.

⁽¹⁾ Liên quan đến huyền thoại này, học giả Huỳnh Minh có ghi lại trong sách *Tây Ninh xưa*: “Từ tỉnh lỵ Tây Ninh chúng tôi đi theo quốc lộ 22 đến Trại Bí (vùng này thuộc về khu vực rừng cấm). Chúng tôi thấy một cây dầu to lớn, cao chừng 20 thước, bề tròn lối ba người ôm không giáp. Cây cổ thụ này có từ mấy trăm năm nay, cành lá vẫn xanh tươi. Bề cao lối nửa thân cây, có một cái cháng ba. Giữa cái cháng ba có một tảng đá rất to, sức nặng ước chừng trên một ngàn cân. Tảng đá ấy nằm trên đó không biết từ bao nhiêu đời. Ai đi đến, đều cho là việc hi hữu ở thế gian”.

Thôn Phước Lộc ở vùng đất cao, khô cằn nhưng đặc biệt có đường thiên lí băng ngang. Thấy vị trí địa lợi, ông Cả Trước lập một cái chợ, hai bên có hai dãy phố để xe cộ ghé lại nghỉ ngơi trước khi lên đường đi Tây Ninh hay về Gia Định. Vì chợ này ở gần một cái trảng có nhiều cỏ bàng nên dân gian gọi đó là chợ Trảng Bàng.

Năm 1821, ông Cả Trước huy động dân thôn Phước Lộc đào một con kinh từ chợ thông ra Trảng Bàng. Đất đai xung quanh, ông đã âm thầm mua trước. Nhưng còn khoảng 200 thước thông ra Trảng Bàng thì vẫn là đất thuộc làng Bình Tịnh. Làng này ganh tị, không cho phép đào kinh trên thửa đất này và huy động dân ra lấp kinh. Hai bên tranh chấp căng thẳng rồi dẫn đến đánh nhau. Cuối cùng, cả hai làng đều làm đơn thưa kiện gửi đến Dinh Tổng trấn. Ngày 26 tháng 3 năm Minh Mạng thứ 7 (1826), Tả quân Lê Văn Duyệt phân xử rằng: Chuyện ông Cả Đặng Văn Trước quy dân lập làng, cất chợ, đào kinh, cải thiện đời sống cho dân chúng là chuyện tốt, đáng khen. Con kinh do dân làng Phước Lộc đào, làng Bình Tịnh phải để nguyên cho mọi người sử dụng. Nhưng chuyện để dân Phước Lộc đánh dân Bình Tịnh thì ông Cả Trước phải chịu phạt 80 trượng.

Ông Cả Trước chấp nhận hình phạt, nhưng do bị đòn quá nặng, ông chỉ lết được ra cổng rồi lên ngựa, lệnh cho nó chạy về hướng Trảng Bàng. Đến một quán nước bên đường tại xóm Cây Cau (xã An Tịnh), ông dừng ngựa vào quán uống một tô trà Huế. Không ngờ vừa uống xong thì ông thấy đầu óc choáng váng, tay chân bủn rủn. Ông vội trả tiền leo lên lưng ngựa chạy tiếp. Đến đầu chợ Trảng Bàng, con ngựa dừng lại thì ông cũng vừa tắt thở. Khuya đó, hồn ông nhập vào một người nhà, báo mộng cho biết mình bị ba kẻ xấu đầu độc, và ông đã vật chết cả ba người.

Đám tang ông Cả Đặng Văn Trước được tổ chức trọng thể, kéo dài cả tháng trời. Ông được an táng giữa rừng già tại Đôn Thuận (nay là xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng). Mộ ông nằm trên một con suối cạn, đất đắp cao, xung quanh đá sỏi lở lĩm. Tương truyền, vào mùa mưa, nước suối chảy rất mạnh, nhưng kì bí thay, khi đến gần ngôi mộ thì dòng nước tự nhiên lại rẽ ngang sang hai bên; dường như có một bàn tay vô hình nào đã chia đôi dòng nước, không để phạm đến nơi an nghỉ của ông. Lúc hạ huyệt, con ngựa yêu quý của ông bỗng nhiên quỳ xuống, chảy nước mắt rồi ngã ra chết. Cảm kích trước sự việc đó, người dân cũng đưa con ngựa vào thờ trong miếu. Lâu lâu, vào giấc nửa đêm, những người sinh sống gần đó lại nghe văng vẳng tiếng nhạc ngựa phi từ đầu chợ xuống miếu.

Khi Lê Văn Khôi nổi loạn, gã cho lính đến đốt miếu thờ ông Cả Trước nhưng đốt mãi miếu vẫn không cháy, dù miếu lợp bằng cỏ tranh. Sau gã thúc voi càn vô miếu cho sập nhưng voi cứ đến gần miếu là lại co vòi tháo lui.



Hình 3. Đền thờ ông Cả Đặng Văn Trước
(Nguồn:mytayninh.vn)

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), làng Phước Lộc được đổi tên thành làng Gia Lộc, thuộc huyện Thuận An, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay là phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh). Ông Cả Đặng Văn Trước được tôn làm Thành hoàng làng, thờ tại đình Gia Lộc. Dưới triều Bảo Đại, ông được sắc phong “Bổn cảnh Thành hoàng”; còn đình Gia Lộc được sắc phong “Dực bảo trung hưng linh phù chi thần”.

(Theo Huỳnh Ngọc Trảng – Phạm Thiếu Hương (2020), *Tổng tập văn học dân gian Nam Bộ*, quyển 2, NXB Văn hoá – Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, tr.45 – 47)

Hướng dẫn đọc hiểu

1. Ông Đặng Văn Trước đã có những công tích gì?
2. Vì sao ông Đặng Văn Trước lại trở thành một nhân vật truyền thuyết?
3. Tìm những chi tiết kì ảo trong truyền thuyết về ông Đặng Văn Trước và lí giải ý nghĩa của những chi tiết kì ảo đó theo cảm nhận của em.

VĂN BẢN 3

MIẾU THỜ ÔNG GỐC

Thuở trước, vào thời kì quân Pháp tấn công tỉnh Tây Ninh, quân ta bị thất trận, tản lạc tứ phía. Có một võ quan tên Nguyễn Phương Hồng từ đâu kéo đến một đoàn binh đóng tại ngọn rạch Cái Răng thuộc về làng Thanh Điền (ấp Thanh Trung) để mai danh dạng chờ cơ hội phục thù.

Ông ẩn tích nơi đây đã lâu. Quân Pháp hay tin, đến vây đánh. Quân ta lương thảo ít, binh sĩ đói, ghe thuyền thiếu. Trước mặt là sông. Phía sau binh giặc đuổi gấp. Túng thế ông cho giải tán binh lính và truyền chôn giấu súng ống để khỏi rơi vào tay địch. Hố chôn súng hiện còn dấu tích cạnh sông, cách rạch chừng 20 m. Giữa tình thế cấp bách, ông bèn chia lương thực cho binh sĩ, bảo họ về quê hoặc tìm chỗ làm ăn. Phần ông, ông gieo mình xuống nước huỷ mình tử tiết, không để cho giặc bắt, cái hi sinh của ông vì non nước muôn đời vẫn còn sáng chói.

Sau đó, dân trong vùng thường gặp một gốc cây to trôi lơ lờ trên mặt nước. Gốc cây không trôi đi đâu xa, chỉ quanh quẩn nơi ông tự trầm. Có khi gốc cây trôi ngược dòng nước. Gốc này to lớn, bề tròn có thể ba người ôm không giáp. Trên đầu gốc có mấy u tròn giống như đầu người.

Gốc này không biết từ đâu đến, có người lấy sào xô ra giữa dòng sông nhưng rồi gốc cũng trôi lại lơ lờ ở chỗ cũ. Có lẽ hồn thiêng của vị anh hùng còn uất hận với núi sông, nên còn phảng phất nơi đây.

Về sau, nhiều người nằm mộng được thấy ông tỏ bày tự sự, điều đó càng khiến người dân thêm kính trọng sùng bái ông.

Tin ấy đồn xa, chẳng những dân địa phương mà khách thương buôn cũng thường ghé thuyền dâng hương khấn vái.

Nhiều lái buôn mua vải tây đỏ bịt vào cái u nổi trên gốc (cho đó là cái đầu) thì gốc trườn lên trườn xuống như vui mừng.

Nhiều người cầu nguyện đã được ông phò hộ buôn may bán đắt. Có nhiều người truyền tụng rằng gặp ngày lành tháng tốt thì gốc nổi lên cao rồi lắc lắc trôi vòng quanh chỗ cũ.

Đến năm 1920, có người khách trú (Hoa kiều) mua miếng đất nơi đó để trồng mía và lập hăng đường. Thấy thợ và nhân công trong hăng rất tin tưởng ông Gốc và họ cùng nhau lập miếu để thờ. Thỉnh thoảng ông Gốc vẫn nổi lên trước miếu. Đến năm 1938, đất này được sang lại cho người Pháp. Lúc bấy giờ nhóm lao công địa phương thấy sự hiển linh của ông Gốc mới hiệp nhau tu bổ miếu cũ, xây lại bằng ngói gạch kang trang hơn, hằng ngày có người ở gìn giữ khói hương. Tất cả đều gọi miếu này là Miếu Ông Gốc. Vào năm 1949, người ta còn trông thấy gốc nổi lên, hạ xuống mấy lần.

(Theo Huỳnh Minh (1972), *Tây Ninh xưa và nay*, tác giả xuất bản, Sài Gòn, tr.60 – 63)

Hướng dẫn đọc hiểu

1. Tìm và phân tích ý nghĩa của những chi tiết kì ảo trong truyền thuyết trên.
2. Theo em, hình ảnh ông Nguyễn Phương Hồng hoá thân thành Ông Gốc có ý nghĩa gì trong đời sống tinh thần của người dân Tây Ninh?
3. Chi tiết ông Nguyễn Phương Hồng gieo mình xuống sông tuần tiết gợi cho em liên tưởng đến sự hi sinh của những nhân vật nào trong lịch sử Việt Nam?

VĂN BẢN ĐỌC MỞ RỘNG

SỰ TÍCH NÚI BÀ ĐEN

(Truyện kể dân gian Khmer)

Ngày xưa, ở vùng nọ có hai bên nam nữ cứ tranh chấp nhau mãi, không bên nào chịu đứng ra để cưới bên nào. Một hôm, nàng Rê Đeng đại diện bên nữ rủ chàng trai khoẻ nhất trong vùng đại diện bên nam thi đắp núi với mình. Họ thoả thuận mỗi người đắp một quả núi trong một đêm; ai đắp xong trước thì đốt một ngọn đèn trên đỉnh núi làm hiệu; bên nào thua cuộc thì phải đứng ra cưới bên kia.

Chàng trai nọ ỷ mình khoẻ mạnh nên không lo đắp núi mà cứ mãi vui chơi ca hát. Còn nàng Rê Đeng thì ngay khi sao Hôm vừa mọc đã dốc hết sức vào việc. Đến nửa đêm, nàng đã đắp xong một ngọn núi lớn và thắp đèn trên đỉnh núi làm hiệu. Núi đó chính là núi Bà Đen ngày nay (do tên Rê Đeng nói trại ra).



Hình 4. Núi Bà Đen

(Nguồn: mytayninh.vn)

Thấy đèn hiệu của Rê Đeng cháy sáng, không chịu chấp nhận thua cuộc, chàng trai kia liền cho con voi của mình xông đến phá núi. Thế nhưng chưa kịp làm gì, voi đã bị nàng Rê Đeng hoá phép biến thành đá. Chàng trai xua tiếp bảy heo rừng đến ủi núi, nhưng bảy heo rừng cũng bị Rê Đeng hoá thành đá như voi. Giận quá, chàng trai thả bảy gà trống đến bới núi, nhưng cả đàn gà cũng phải chịu chung số phận hoá đá như voi và heo. Vì thế mà ngày nay, nơi đây có núi Tượng, núi Heo, núi Gà. Cuối cùng chàng trai đích thân lên phá núi nhưng khi đó trời đã sắp sáng. Chàng chỉ kịp hốt mấy nắm đất vãi tứ tung ra cánh đồng phía tây núi Bà Đen. Những nắm đất ấy ngày nay là những gò đồi nằm san sát bên chân núi Bà Đen.

(Theo Huỳnh Ngọc Trảng, *Truyện cổ Khmer Nam Bộ*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1983)⁽¹⁾

Hướng dẫn đọc hiểu

1. So sánh cuộc thi tài nam nữ trong văn bản trên với những cuộc thi tài nam nữ trong các văn bản khác của kho tàng văn học dân gian Việt Nam (*Sự tích ao Bà Om*, *Sự tích núi Ông Trịn* và *núi Thị Vải*,...) để rút ra được ý nghĩa của mô-típ này.

⁽¹⁾ Trong sách *Tây Ninh xưa*, Huỳnh Minh cũng ghi lại thêm một dị bản *Sự tích núi Bà Đen* của người Khmer, trong đó có chi tiết nàng Ra Đên hiển linh báo mộng giúp Chúa Nguyễn Phúc Ánh, giống truyện *Sự tích núi Bà Đen* của người Việt.

2. Qua hai văn bản *Sự tích núi Bà Đen* của người Việt và người Khmer, em có suy nghĩ gì về thể loại truyền thuyết địa danh trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam?

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN TÂY NINH

Trong các tài liệu *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* của các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo, chuyên đề ***Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian*** gồm hai nội dung: (1) Tập nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian; (2) Viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian.

Đối với những lớp có học chuyên đề học tập Ngữ văn, học sinh đã được hướng dẫn các hoạt động cần thiết để thực hiện cả hai nội dung: tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian. Trong khuôn khổ của tài liệu này, chuyên đề hướng dẫn thêm một số thao tác để học sinh viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian Tây Ninh.

1. Đặc điểm

Báo cáo về kết quả nghiên cứu một vấn đề là bài báo cáo khoa học nhỏ; trong đó, thông qua bố cục và cách trình bày khoa học, người viết xác định đề tài, mô tả quá trình và giới thiệu kết quả nghiên cứu của bản thân về một vấn đề cụ thể của văn học dân gian Tây Ninh. Đây là sự cụ thể hoá chuyên đề học tập *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian* trong Chương trình Giáo dục môn Ngữ văn 2018 dành cho lớp 10.

2. Yêu cầu

a. Về nội dung

- Đề cập đến một vấn đề của văn học dân gian Tây Ninh;
- Thể hiện được đóng góp mới của bản thân khi giải quyết vấn đề.

b. Về hình thức

- Diễn đạt chính xác, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết;
- Bố cục có đầy đủ các phần: nhan đề, tóm tắt, đặt vấn đề (dẫn nhập), quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu, kết luận, tài liệu tham khảo;
- Đáp ứng yêu cầu của một báo cáo khoa học nhỏ.

3. Hướng dẫn viết báo cáo

a. Xác định phạm vi, đề tài nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu phải là những vấn đề thuộc văn học dân gian Tây Ninh (lịch sử hình thành và phát triển văn học dân gian Tây Ninh; các thể loại cơ bản của văn học dân gian Tây Ninh; những giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của văn học dân gian Tây Ninh; sức sống và những đóng góp vào kho tàng văn học dân gian Việt Nam của văn học dân gian Tây Ninh; những tác phẩm văn học dân gian Tây Ninh tiêu biểu;...).

Đề tài nghiên cứu phải là sự cụ thể hoá một vấn đề về văn học dân gian Tây Ninh; đáp ứng các yêu cầu: khoa học, vừa sức, khai thác được thuận lợi và điểm mạnh của người thực hiện, khơi gợi được hứng thú của người đọc.

Một số đề tài gợi ý:

- Giới thiệu, phân tích một số làn điệu dân ca Tây Ninh;
- Giới thiệu một công trình nghiên cứu về văn học dân gian Tây Ninh;
- Núi Bà Đen qua một số dị bản truyện kể dân gian của các dân tộc Kinh, Khmer, Xtiêng;
- Hình ảnh con người, quê hương qua ca dao Tây Ninh;
- Kịch bản sân khấu hoá một tác phẩm văn học dân gian Tây Ninh;
- Khảo sát mức độ quan tâm của học sinh với văn học dân gian Tây Ninh;
- Từ ngữ địa phương trong ca dao dân ca Tây Ninh;
- Sơ tư, giới thiệu kết quả sơ tư văn học dân gian Tây Ninh;
- Giới thiệu một lễ hội truyền thống/ di tích lịch sử văn hoá của Tây Ninh và những tác phẩm văn học dân gian liên quan đến lễ hội/ di tích đó.

b. Cách viết báo cáo

• Nhan đề

- Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu;
- Ngắn gọn, rõ ràng;
- Dùng chữ in, không viết tắt.

• Tóm tắt

- Nêu ngắn gọn, rõ ràng mục đích, phương pháp, kết quả đạt được và kết luận;
- Dung lượng khoảng 150 – 200 từ;
- Dùng cỡ chữ, kiểu chữ khác với cỡ chữ, kiểu chữ trong báo cáo.
- Chỉ viết tóm tắt sau khi đã hoàn thành báo cáo kết quả nghiên cứu.

• Đặt vấn đề (hoặc Dẫn nhập)

- Trả lời câu hỏi: Vì sao lại chọn nghiên cứu vấn đề này?

– Gồm các ý:

- + Nêu được bối cảnh, thực trạng vấn đề nghiên cứu;
- + Xác định được mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu;
- + Trình bày được phương pháp nghiên cứu, kĩ thuật thu thập thông tin để giải quyết vấn đề.

• Quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu

- Mô tả được quá trình thu thập và xử lí thông tin, phân tích số liệu;
- Biết tham khảo, khai thác, sử dụng những trích dẫn cần thiết từ những công trình nghiên cứu khác và biết chú nguồn theo quy định;
- Biết trình bày những kết quả nghiên cứu đáp ứng mục tiêu đã đặt ra;
- + Diễn giải ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc;

+ Chỉ nêu kết quả nghiên cứu của báo cáo, không nhắc lại kết quả nghiên cứu của các tài liệu khác;

+ Những kết quả mang tính đơn giản chỉ cần mô tả; những kết quả mang tính phức tạp cần được thể hiện qua các bảng thống kê, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,... có đánh số và ghi rõ chú thích.

- **Kết luận**

– Khái quát kết quả nghiên cứu, chỉ ra mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu.

– Khẳng định những kết quả mới của đề tài một cách ngắn gọn, cụ thể, rõ ràng.

– Đề xuất những kiến nghị tiếp theo từ kết quả nghiên cứu.

- **Tài liệu tham khảo**

– Sắp xếp danh mục tài liệu theo thứ tự alphabet của tên tác giả; trường hợp tác giả có nhiều tài liệu thì sắp xếp tài liệu theo thời gian công bố, xuất bản;

– Thể hiện đầy đủ các thông tin của tài liệu theo quy định:

+ Tài liệu là sách: Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành, năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn), tên sách (in nghiêng), nhà xuất bản, nơi xuất bản, dấu chấm kết thúc;

+ Tài liệu là bài báo: Tên tác giả, năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn), tên bài báo (đặt trong ngoặc kép), tên báo/ tạp chí, số trang, dấu chấm kết thúc;

+ Tài liệu trên mạng internet: Tên tác giả (nếu có), năm (nếu có), tên tài liệu tham khảo, <đường dẫn để tiếp cận tài liệu >, thời gian truy cập, dấu chấm kết thúc.

4. Luyện tập

– Viết tiêu đề cho báo cáo nghiên cứu về vấn đề Nội dung phản ánh trong ca dao Tây Ninh.

– Viết đoạn đặt vấn đề (hoặc dẫn nhập) nêu lí do lựa chọn nghiên cứu vấn đề truyền thuyết về núi Bà Đen.

– Nêu các câu hỏi nghiên cứu khi khảo sát mức độ quan tâm của học sinh Trung học phổ thông đối với văn học dân gian Tây Ninh.

– Viết một bài báo cáo ngắn về một vấn đề văn học dân gian Tây Ninh mà em tâm đắc nhất.

THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ

VĂN HỌC DÂN GIÀN TÂY NINH

I. Hướng dẫn thuyết trình

Để thuyết trình về những kết quả đã thể hiện trong báo cáo nghiên cứu đạt chất lượng, hiệu quả cao, người thuyết trình cần thực hiện công việc theo những bước sau:

Bước 1. Xác định mục đích, đối tượng, không gian và thời gian thuyết trình

- Mục đích thuyết trình: Trình bày kết quả nghiên cứu sao cho người nghe hiểu được vấn đề và thuyết phục được người nghe về kết quả nghiên cứu đề tài của bản thân;
- Đối tượng, không gian và thời gian thuyết trình: Cần biết được mình sẽ thuyết trình cho ai, ở đâu, khi nào và trong thời gian bao nhiêu để chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với đối tượng, nội dung và hoàn cảnh giao tiếp.

Bước 2. Thiết kế nội dung thuyết trình

- Không đọc toàn văn báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài;
- Trên cơ sở báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài, cần lựa chọn những thông tin chủ yếu nhất để trình bày theo cách trả lời ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc những câu hỏi liên quan đến các nội dung sau:
 - + Lí do chọn đề tài: Vì sao bạn chọn đề tài nghiên cứu này? Đề tài nghiên cứu này có đóng góp gì?
 - + Giả thuyết nghiên cứu: Bạn có nhận định sơ bộ hay có phỏng đoán gì về vấn đề đặt ra trước khi tiến hành nghiên cứu.
 - + Phương pháp nghiên cứu: Những phương pháp bạn lựa chọn và áp dụng để giải quyết vấn đề đặt ra.
 - + Kết quả nghiên cứu: Bạn đã thu nhận được kết quả gì? Kết quả ấy giúp khẳng định hay bác bỏ giả thuyết nghiên cứu ban đầu?
 - + Kết luận: Kết quả nghiên cứu cho phép bạn khái quát điều gì? Khái quát ấy có ý nghĩa như thế nào? Trên cơ sở đó, bạn có đề xuất gì?
- Sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh, video clip,... để tăng thêm tính thuyết phục, hấp dẫn, sinh động cho việc thuyết trình.
- Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phần trả lời cho những phản biện ấy.

Bước 3. Thuyết trình

- Thuyết trình dựa trên nội dung đã thiết kế một cách bình tĩnh, tự tin, thoải mái;
- Kết nối linh hoạt, logic phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ;
- Duy trì tương tác với người nghe bằng ánh mắt, cử chỉ, giọng điệu, vị trí.

Bước 4. Trao đổi và đánh giá

- Có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe ý kiến nhận xét, đóng góp, chia sẻ, phản biện của người nghe;
- Lựa chọn một số câu hỏi, ý kiến phản biện mà bạn cho là quan trọng để phản hồi trong khuôn khổ thời gian cho phép;
- Có thể tiếp tục trao đổi với người nghe về bài thuyết trình hoặc bằng cách trực tiếp, hoặc thông qua thư điện tử, tin nhắn, mạng xã hội,...

II. Luyện tập thực hành

1. Khi trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian, cần tập trung vào những yếu tố chính nào? Vì sao?
2. Cho biết em sẽ chuẩn bị những hình ảnh, video clip nào khi trình bày kết quả nghiên cứu về dân ca Tây Ninh.
3. Thực hành thuyết trình một bài báo cáo về một vấn đề văn học dân gian Tây Ninh mà em tâm đắc nhất.

CHÂN DUNG CÁC NHẠC SĨ TIÊU BIỂU Ở TỈNH TÂY NINH



Mục tiêu

- Nêu được những nét chính về đời sống âm nhạc ở tỉnh Tây Ninh hiện nay.
- Kể tên một số nhạc sĩ tiêu biểu ở tỉnh Tây Ninh.
- Nêu được cuộc đời và sự nghiệp của các nhạc sĩ ở tỉnh Tây Ninh.
- Nghe, cảm thụ và nêu được nội dung tình cảm của tác phẩm âm nhạc tiêu biểu của các nhạc sĩ ở tỉnh Tây Ninh.
- Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu khi nghe bài hát.



Khởi động

Quan sát hình ảnh và cho biết ý nghĩa của chương trình hoạt động này.



Hình 1. Chương trình giới thiệu tác giả, tác phẩm mới – năm 2018
(Nguồn: baotayninh.vn)



I. TÌM HIỂU VỀ BỐI CẢNH ÂM NHẠC Ở TỈNH TÂY NINH

Âm nhạc của tỉnh Tây Ninh thời kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ có các nhạc sĩ tiêu biểu như Xuân Hồng với bài *Xuân chiến khu*, *Bài ca may áo*, *Tiếng chày trên sóc Bom Bo*,...; Trương Quốc Khánh với bài *Tự nguyện*; soạn giả Thanh Hiền với bài vọng cổ *Rễ mạ đầu mùa*, *Cô bé Phú Riềng*,... Thế hệ kế tiếp không thể không nhắc đến cố nhạc sĩ Võ Tấn Ngọc là nhạc công violon của Đoàn Văn công Quân Giải phóng miền Nam, nguyên phó trưởng Đoàn Nghệ thuật Quân khu 7 (1987 – 1999), tuy quê hương ở tỉnh Tiền Giang, nhưng ông đã từng gắn bó với tỉnh Tây Ninh trong thời kháng chiến những năm 1963 – 1971. Các tác phẩm tiêu biểu của ông trong giai đoạn đó: *Gặp anh người chiến sĩ miền Đông*, *Tôi là chiến sĩ công binh*, *Tự hào cô thợ dệt Long An*,...



Hình 2. Hội diễn Nghệ thuật quần chúng Công – Nông – Binh tỉnh Tây Ninh

(Nguồn: baotayninh.vn)

Sau ngày thống nhất đất nước năm 1975, một số bài hát của các nhạc sĩ cũng được phổ biến khá rộng rãi như: *Khi bầy chim trở lại*, *Bài ca nhớ thương*, *Lời ca của đá*, *Sarika vô tình*, *Qua phố Tây Ninh*, *Nước trong tình đất tình người*, *Chiếc áo xanh*,... Có thể kể đến một số nhạc sĩ tiêu biểu của giai đoạn này như: Tạ Quang Tổ, Chí Trung, Nguyễn Đình Hồng, Nguyễn Quốc Đông, Quốc Thái, Lê Hoàng Minh, Lê Hữu Trịnh, Hoài Nguyên, Vĩnh Hiên, Võ Thành Thái,... Về sau này có thêm nhạc sĩ Nguyễn Quốc Tây cũng đã từng xuất bản nhiều đĩa CD như: *Cho tình yêu của anh*, *Quà của ba*,... và tuyển tập nhạc đã được nhà xuất bản Âm nhạc phát hành năm 2008.

Các tác phẩm âm nhạc của các nhạc sĩ đều mang lại giá trị nghệ thuật, có ý nghĩa về mặt lịch sử, có đời sống âm nhạc lâu dài trong lòng người nghe. Nhiều tác phẩm mang hơi thở thời đại với nhiều chủ đề phong phú: ngợi ca quê hương – đất nước – con người, Đảng và Bác Hồ, người chiến sĩ,... Nhiều tác phẩm đi cùng năm tháng như: *Xuân chiến khu*, *Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh*, *Mùa xuân bên cửa sổ*, *Cây đàn ghita ở đại đội ba*,... của Xuân Hồng; *Tự nguyện* của Trương Quốc Khánh,... Không ít tác phẩm viết về biển đảo Việt Nam, cha mẹ, thầy cô, bạn bè được công chúng yêu thích như: *Trường Sa Đảo quê ta*, *Thầy và chuyến đò xưa* của Nguyễn Quốc Đông; *Tây Ninh hoà bình và phồn hoa*, *Qua phố Tây Ninh* của Lê Hữu Trinh; *Hào hùng Tây Ninh* của Lê Hoàng Minh; *Tây Ninh bay vào tương lai* của Nguyễn Đình Hồng; *Tây Ninh rực lửa tiến công* của Lê Chí Trung; *Đón xuân trên đảo*, *Ngày của cha*, *Tây Ninh quê em* của Nguyễn Quốc Tây,...

Trong những năm gần đây, nhiều nhạc sĩ ở tỉnh Tây Ninh đạt giải thưởng cao về mảng sáng tác, lí luận – phê bình, biểu diễn thông qua các cuộc thi của Trung ương hoặc địa phương tổ chức, đặc biệt là giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam như: Nguyễn Quốc Đông, Lê Hữu Trinh, Nguyễn Quốc Tây,...



– Quan sát Hình 2, hãy cho biết đây là sự kiện gì ở địa phương.

– Nêu cảm nghĩ của em về đời sống âm nhạc ở tỉnh Tây Ninh hiện nay.

II. TÌM HIỂU CÁC NHẠC SĨ TIÊU BIỂU CỦA TỈNH TÂY NINH

1. Nhạc sĩ Xuân Hồng (1928 – 1996)

Nhạc sĩ Xuân Hồng tên thật là Nguyễn Hồng Xuân, sinh năm 1928 tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông sinh ra trong gia đình nông dân yêu thích nhạc tài tử, do đó ông học nhạc từ rất sớm.

Nhạc sĩ Xuân Hồng tham gia cách mạng từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp với nhiệm vụ giao liên. Ngoài làm nhiệm vụ, ông bắt đầu tham gia hoạt động văn nghệ ở chiến trường. Năm 1949, ông bắt đầu sáng tác những ca khúc đầu tiên. Năm 1954, ông được phân công hoạt động bí mật ở miền Nam. Năm 1960, ông tham gia Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Thời điểm này ông có được nhiều sáng tác trong đó kể đến là ca khúc *Bài ca may áo*.



Hình 3. Chân dung nhạc sĩ Xuân Hồng
(Nguồn: thethaovanhoa.vn)

Năm 1963, ông được giao nhiệm vụ thành lập đoàn văn công của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Từ đây, những nhạc phẩm nổi tiếng của ông ra đời như *Xuân chiến khu* (1963), *Chiếc khăn tay* (1964), *Hành quân đêm* (viết với Trí Thanh năm 1965) và *Tiếng chày trên sóc Bom Bo* (1966). Năm 1967, ông làm trưởng đoàn ca múa Quân giải phóng, rồi sau đó được cử đi học sáng tác tại Trường âm nhạc Việt Nam (nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam). Năm 1973, ông trở về chiến trường và giữ các chức Trưởng đoàn Văn công rồi Trưởng ban Văn nghệ Cục chính trị của Quân giải phóng.

Sau 1975, đất nước thống nhất, ông giữ chức Trưởng phòng Nghệ thuật sân khấu Sở Văn hoá, Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. Ông viết nhạc phẩm *Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh* vào năm 1978. Sau đó, ông đã trải qua nhiều chức vụ như Tổng Thư kí Hội Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên thư kí Hội Nhạc sĩ Việt Nam khóa III, Phó Tổng Thư kí Hội Nhạc sĩ Việt Nam khóa IV. Những ca khúc tiếp theo đó của ông như *Mùa xuân bên cửa sổ*, *Cây đàn ghi ta của đại đội ba*, *Người mẹ Việt Nam*,... vẫn được công chúng đón nhận và yêu thích.

Nhạc sĩ Xuân Hồng có nhiều sáng tác hay về mùa xuân. Những sáng tác của ông đa phần đều mang âm hưởng dân ca Nam Bộ, dễ nghe và dễ đi vào lòng người. Ngoài những sáng tác kể trên, ông còn có những sáng tác khác cũng nói về mùa xuân như: *Gương mặt mùa xuân*, *Bức ảnh mùa xuân*, *Thành phố vườn hoa bốn mùa*, *Nắng Sài Gòn*,...

Nhạc sĩ Xuân Hồng mất vào 14 tháng 5 năm 1996. Trước khi mất, trong 4 tháng đầu của năm 1996, ông đã hoàn thành 7 ca khúc cuối cùng: *Gương mặt mùa xuân*, *Đà Lạt cuối thu* (thơ Thường Đoàn), *Biết nói cùng ai* (thơ Hồ Thụy Mỹ Hạnh), *Khi người lính trở về* (thơ Trần Văn Trà), *Người đẹp phố tôi* (thơ Vân An), *Hồn hoa* (thơ Lê Minh Quốc) và *Đứng giữa đồng không* (thơ Vũ Hữu Định).

Ông đã nhận được nhiều giải thưởng: Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu của Hội Văn nghệ Giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1963, Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật với bài hát: *Xuân chiến khu*, *Bài ca may áo*, *Tiếng chày trên sóc Bom Bo*, *Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh*, *Người mẹ của tôi* vào năm 2000, Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Nguyễn Quang Diêu tỉnh Đồng Tháp năm 2005.

Ông còn được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ hạng nhất, ba; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba; Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng nhất, nhì, ba; và được truy tặng Huy hiệu tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng năm 1989; Huân chương Độc lập hạng nhì; danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Để ghi nhận công lao đóng góp của nhạc sĩ Xuân Hồng với quê hương Tây Ninh, kể từ năm 2012, tên ông được chọn đặt tên cho Giải thưởng về Văn học Nghệ thuật Tây Ninh, đó là Giải thưởng Xuân Hồng (theo Quyết định số 334/QĐ-UBND, ngày 27 – 2 – 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Đề án Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Xuân Hồng).

MÙA XUÂN TRÊN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vừa phải - Nhiệt tình

Nhạc và lời: Xuân Hồng

Mùa xuân này về trên quê ta khắp đất trời biển rộng bao
la. Cây xanh tươi ra lá trở hoa chào mùa xuân về với mọi
nhà. Thành phố Hồ Chí Minh quê ta đã viết nên thiên anh hùng
ca thiên anh hùng ca ngàn năm sáng chói lưu danh đến muôn đời.
Thành phố Hồ Chí Minh năm nay mùa xuân về rợp bóng cờ bay.
Nước thêm trong dòng sông Bến Nghé chợ thêm đông chợ vui Bến Thành.
Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh quang vinh. Ôi
(Mùa) xuân trên thành phố Hồ Chí Minh quanh vinh. Ôi
đẹp biết bao biết mấy tự hào. Sài Gòn ơi! cả nước vậy
hạnh phúc biết bao, bao năm vẫn đợi chờ. Mà niềm vui như đến bất
chào. Cờ sao đang tung bay cao qua hết rồi những năm thương
ngờ. Ngày đi như trong đêm mơ tuổi lớn rồi mà như ngày
đau. Xa ba mươi năm nay đã gặp nhau vui sao nước mắt lại
thơ. Ôi ta đang đi đi giữa rừng hoa hay ta đi giữa rừng



2. Nhạc sĩ Trương Quốc Khánh (1947 – 1999)

Nhạc sĩ Trương Quốc Khánh vừa là nhà báo, vừa là nhà viết kịch kiêm đạo diễn sân khấu quần chúng. Ông được sinh ra trong một gia đình cách mạng ở xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Ông sáng tác nhiều thể loại như: kịch nói, kịch cải lương, kịch bản phim, truyện ngắn, ca khúc. Nói riêng về sáng tác ca khúc, ông luôn viết về nội dung đề cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, yêu quê hương, ước mơ hoà bình, truyền thống Phụ nữ Việt Nam, các bà Mẹ anh hùng cách mạng,... Có thể kể một số bài hát điển hình sau đây: *Tự nguyện*, *Bài ca cho người đi giữ quê hương*, *Hát trong làn khói đạn*, *Hát cho người cảnh sát anh em*, *Trường ca trên dòng sông Cửu*, *Niềm tin của Mẹ*,... Tuy nhiên, trong đó bài hát *Tự nguyện* là tác phẩm nổi tiếng nhất

của ông được sáng tác trong phong trào “Hát cho đồng bào tôi nghe”, vào năm 1968 khi tham gia phong trào “Thanh niên, sinh viên, học sinh miền Nam chống Mỹ cứu nước”.

Trong phong trào “Hát cho đồng bào tôi nghe”, ông làm Phó Trưởng Đoàn Văn nghệ Sinh viên, học sinh Sài Gòn. Năm 1972, ông vào chiến khu tham gia khoá học đầu tiên của Trường Đoàn Lý Tự Trọng. Cuối năm 1973 ông vượt Trường Sơn ra miền Bắc. Cùng đi có các nhạc sĩ Tôn Thất Lập, Trần Long Ẩn, Nguyễn Văn Sanh, Nguyễn Văn Ánh, Hoàng Thị Hạnh, Lê Thành Yến.

Năm 1974, ông đi học tại Trường Viết văn Nguyễn Du – Hà Nội. Khi miền Nam được giải phóng, nước Việt Nam thống nhất, ông trở lại miền Nam công tác, giữ các chức vụ do Nhà nước bổ nhiệm như: Phó Chủ nhiệm Nhà Nghệ thuật Quần chúng Thành phố Hồ Chí Minh kiêm Thường vụ Hội Sân khấu (1976 – 1978); Phó Tổng Thư kí kiêm Tổng Biên tập Báo Sân khấu – Hội Sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh (1994 – 1999); Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kì 1994 – 1999.

Ngoài vai trò là nhạc sĩ, ông còn là một trong những cán bộ xây dựng đội ngũ sáng tác kịch cho sân khấu chuyên nghiệp và quần chúng trong thời gian đầu tại miền Nam sau khi hoà bình lập lại.



Hình 4. Chân dung nhạc sĩ Trương Quốc Khánh
(Nguồn: vi.wikipedia.org)

Ông từ trần do bị bệnh nặng và được an táng tại nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh. Với ca khúc *Tự Nguyện*, ông được anh chị em trong phong trào sinh viên – học sinh gọi bằng cái tên trìu mến: “Nhạc sĩ Bồ Câu”.

Nhạc sĩ Trương Quốc Khánh được tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Quyết thắng hạng 2, Huân chương Quyết thắng hạng nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng B, Huy hiệu Vì sự nghiệp văn hoá quần chúng và Huy chương Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật.

TỰ NGUYỆN

Nhạc và lời: Trương Quốc Khánh



Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng. Nếu là



hoa tôi sẽ làm một đoá hướng dương. Nếu là mây tôi sẽ



làm một vầng mây ấm. Là người tôi sẽ chết cho quê



hương. Là chim tôi sẽ cất cao đôi cánh mềm. Từ Nam ra ngoài



Bắc báo tin nói liền. Là hoa tôi nở tình yêu ban sớm. Cùng



muôn trái tim ngát say hoà bình. Là mây theo làn gió tôi bay khắp



trời. Nghìn xưa oai hùng đó nên xin tiếp lời. Là người xin



một lần khi nằm xuống. Nhìn anh em đứng lên cầm cao ngọn cờ.

3. Nhạc sĩ Nguyễn Quốc Đông (1956)

Nhạc sĩ Nguyễn Quốc Đông sinh năm 1956 tại tỉnh Tây Ninh. Thời đi học, ông đã mê văn thơ, âm nhạc, tập sáng tác ca khúc và tham gia ban nhạc của trường.

Sau giải phóng, ông học ban Ngũ Văn – Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Tây Ninh. Tốt nghiệp ra trường, ông được phân công về dạy tại vùng biên giới Châu Thành vào những năm chiến tranh biên giới Tây Nam khốc liệt.



Hình 5. Chân dung nhạc sĩ Nguyễn Quốc Đông
(Nguồn: Đỗ Thành Nhân)

Là một giáo viên đam mê sáng tác nhưng lại rất yêu nghề nên để tài học đường chiếm số lượng khá lớn trong các ca khúc của ông. Nhiều ca khúc về học đường của ông đã trở thành thân quen như: *Khi bầy chim trở lại*, *Ngôi trường em yêu*, *Em có nghe mùa hạ về*, *Nối tiếp bước truyền thống Hoàng Lê Kha*, *Phượng xưa*, *Những mùa hạ qua đi*,... Sau những năm tháng dạy học ở Châu Thành, ông chuyển về công tác tại Sở Văn hoá, Thông tin tỉnh Tây Ninh được một thời gian, ông quay lại nghề dạy học và sáng tác theo đam mê của mình. Có thể nói ca khúc về nhà giáo của ông gây nhiều ấn tượng và được nhiều người biết đến, nhất là ca khúc *Khi bầy chim trở lại* (ý thơ Đỗ Trung Quân) đã đạt giải nhất Hội thi Tiếng hát giáo viên năm 2003 tỉnh Tây Ninh.

Những năm gần đây, nhạc sĩ Nguyễn Quốc Đông được người yêu nhạc chú ý đến mảng tình ca. Ông viết khá mượt mà những ca khúc như: *Dáng xưa*, *Tiếng hát mây chiều*, *Tóc búi rối*, *Mùa đông bồi hồi* (thơ Trần Hoàng Vy), *Nói với mùa thu*,... và ông còn khai thác cả những đề tài mang tính tự sự như: *Miền ký ức* (thơ Chu Ngạn Thu), *Màu tím* (thơ Kha Ly Chàm),... Nhạc sĩ Nguyễn Quốc Đông là người có bề dày về thời gian và thành tích sáng tác. Ông đã in chung 2 tuyển tập ca khúc: *Tên em là dòng suối*, *Miền ký ức* và 3 album CD; in riêng tuyển tập ca khúc *Nỗi nhớ Tây Ninh* và 1 album CD *Tiếng hát mây chiều*.

Năm 1995, ông đạt giải 3 cuộc thi “Tây Ninh những chặng đường vàng son” với bài *Chùa hang*. Năm 1998, bài *Giã từ bóng tối* của ông đạt giải thưởng của Bộ Văn hoá, Thông tin. Năm 2006, ông đạt giải nhì cuộc thi “Ca khúc Tây Ninh” với bài *Mênh mông Hoà Thành*,...

Từ những cống hiến cho sự nghiệp phát triển nền âm nhạc của nước nhà, ông đã được Ủy ban toàn quốc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Trung ương tặng Kỷ niệm chương về văn học nghệ thuật vào năm 2006. Ông còn được vinh dự kết nạp vào Hội Nhạc sĩ Việt Nam năm 2007. Tháng 10 – 2009, ông tiếp tục đạt giải nhì Cuộc vận động sáng tác ca khúc về đề tài gia đình do Trung tâm văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức với bài hát *Dư âm mẹ*.

Những năm gần đây, ông liên tiếp đạt giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam về sáng tác ca khúc: *Bên tượng đài chiến thắng Tua Hai* (năm 2012), *Những mùa trăng xưa* (năm 2016) và thể loại lí luận phê bình âm nhạc năm 2018, 2019, 2020.

KHI BẦY CHIM TRỞ LẠI

Nhạc: Nguyễn Quốc Đông
Lời: phỏng thơ Đỗ Trung Quân

Sáng nay chắc là mùa thu nên bầy chim trở lại.
Tiếng hót hay tiếng cười bay lên. Trời vẫn xanh như mọi ngày trời vẫn
xanh như mọi ngày. Phố xá vẫn đông mà anh thấy lạ. Sáng
nay nàng tiên của tôi cũng đến trường xinh tươi.
Những ngày hè em nói cùng anh. Nhớ về bụi
giăng nhớ học trò phấn trắng bảng đen. Nhớ học trò nhớ lá sân
trường. Khi bầy chim trở lại. Những hàng cây đã hết ngán ngơ.
Hoa cườm thảo không còn nở một mình. Bài học đầu
tiên em giảng thật hay. Bài học đầu tiên
vẽ một đất nước anh hùng.

4. Nhạc sĩ Lê Hữu Trịnh (1960)

Nhạc sĩ Lê Hữu Trịnh sinh ra và lớn lên ở tỉnh Quảng Ngãi. Thuở nhỏ, ông đã được học đàn mandolin từ một cô giáo ở gần nhà. Lớn lên, ông được học thêm các loại đàn guitar, piano và suốt những năm học phổ thông luôn là trưởng nhóm văn nghệ của trường.

Năm 1970, ông theo gia đình chuyển vào tỉnh Tây Ninh sinh sống. Lúc này, ông sáng tác khá nhiều ca khúc mới và để có điều kiện phát huy tài năng của mình hơn. Sau năm 1980, ông còn được học hỏi nhiều kiến thức chuyên ngành âm nhạc qua các vị nhạc sĩ tên tuổi lớn như: nhạc sĩ Xuân Hồng, Phạm Minh Tuấn, Thế Bảo, Phạm Tuyên.

Năm 1986, ông chuyển về Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh phụ trách công tác biên tập âm nhạc. Đến năm 1994, ông giữ vai trò Chánh Văn phòng Hội Văn học Nghệ thuật, kiêm phụ trách Phân hội âm nhạc và hiện nay là phó chi hội Hội Nhạc sĩ Việt Nam tỉnh Tây Ninh. Tính đến nay, nhạc sĩ Lê Hữu Trịnh đã có gần 150 tác phẩm âm nhạc viết về các đề tài quê hương đất nước, con người tỉnh Tây Ninh, tiêu biểu một số tác phẩm: *Qua phố Tây Ninh, Tây Ninh hoà bình và phồn vinh, Lên núi Bà Đen, Một góc trời quê, Mùa về trên quê tôi,...* Trong đó, tác phẩm *Qua phố Tây Ninh* được Nhà xuất bản Thanh Niên chọn là 1/63 ca khúc đại diện cho 63 tỉnh, thành trong cả nước. Ca khúc này được Đài Tiếng nói Việt Nam giới thiệu và được phát sóng trên các Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh, Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, ông còn viết hợp xướng, romance, nhạc không lời cho phim hoạt hình, cho các vở tuồng cải lương.

Với những đóng góp cho diện mạo âm nhạc phát triển của tỉnh nhà và của cả nước, ông được vinh dự kết nạp vào Hội Nhạc sĩ Việt Nam năm 2012, được nhận nhiều bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động văn học nghệ thuật của tỉnh. Ông còn đạt giải nhất Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Xuân Hồng tỉnh Tây Ninh lần thứ II năm 2016, đặc biệt là Giải thưởng Hội Nhạc sĩ Việt Nam năm 2014, 2019.



Hình 6. Chân dung nhạc sĩ Lê Hữu Trịnh
(Nguồn: Lê Hưng Tiến)

QUA PHỐ TÂY NINH

Nhạc và lời: Lê Hữu Trịnh

Qua phố Tây Ninh một chiều xuân. Ánh mắt thân

quen nụ cười xinh. Về xuôi con dốc qua cây cầu

Quan xưa trên những con đường nhiều lần tôi qua mà sao vẫn

thấy mãi băng khuâng như xưa ta hẹn hò.

Trăng lên phố cổ phố lung linh trắng nhắc chuyện
(Anh qua phố) cũ nhớ khôn nguôi ai đã cùng

xưa hai chúng mình, gió hát lời sông gió ngân lời
ai chung lối về, tiếng hát ngày xưa phố ôm lòng

núi. Con phố hiền hoà con phố ngày thơ
nhớ. Con phố dịu dàng con phố ngày...

1.
Anh qua phố...
2.
xuân.

5. Nhạc sĩ Nguyễn Quốc Tây (1959)

Nhạc sĩ Nguyễn Quốc Tây sinh ngày 12 tháng 7 năm 1959, quê ở thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Tây Ninh, là hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Hiện nay ông là chi hội trưởng Hội Nhạc sĩ Việt Nam tỉnh Tây Ninh.

Ông từng học guitar tại trường Kịch nghệ Sài Gòn và theo học lớp sáng tác của nhạc sĩ Xuân Hồng. Năm 2007, ông tham gia học lớp hoà âm, sáng tác ca khúc nghệ thuật do Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Tây Ninh tổ chức.



Hình 5. Chân dung nhạc sĩ Nguyễn Quốc Tây
(Nguồn: Đỗ Thành Nhân)

Trong quá trình hoạt động âm nhạc, ông đã tham gia nhiều chương trình như độc tấu guitar trên truyền hình, viết nhạc phong trào cho địa phương, tham gia giao lưu tập huấn chuyên môn ở hội âm nhạc địa phương tổ chức. Nhiều ca khúc của ông được phát sóng rộng rãi trên chương trình âm nhạc của các đài Phát thanh và Truyền hình như: tỉnh Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước và cả Đài truyền hình SCTV, Đài truyền hình Việt Nam.

Trong sự nghiệp âm nhạc của mình, nhạc sĩ đặc biệt quan tâm đến sáng tác ca khúc thiếu nhi. Nhiều ca khúc của ông được các thế hệ học sinh yêu thích như: *Khi cháu nhìn ảnh Bác*, *Ngôi trường thân thiện*, *Nhớ Bác qua câu chuyện kể*, *Lời cô dặn*, *Hoa ở trên cao*, *Quà của ba*, *Bạn trong nhà*,... Bên cạnh đó, nhiều ca khúc dành cho người lớn của ông cũng được phổ biến rộng rãi như: *Bên cầu xa cách*, *Tên em là dòng suối*, *Một đời bên em*, *Hạnh ngộ*,... Những sáng tác của ông luôn mang hơi thở thời đại với nội dung chủ đề phong phú, ngợi ca quê hương, đất nước và con người tỉnh Tây Ninh mến yêu, đặc biệt là chủ đề về biển đảo Việt Nam, mái ấm gia đình, thầy cô, bạn bè luôn hiện hữu trong tác phẩm của ông.

Nhạc sĩ Nguyễn Quốc Tây đạt rất nhiều giải thưởng âm nhạc do tỉnh Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, đáng chú ý là giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam như: *Khi cháu nhìn ảnh Bác* (Giải khuyến khích năm 2009), *Ngôi trường thân thiện* (Giải 3 năm 2010), *Bạn trong nhà* (Giải nhì năm 2011), *Quà của ba* (Giải khuyến khích năm 2012), *Cờ Tổ Quốc trên đảo Trường Sa* (Giải C năm 2013), *Đón xuân trên đảo* (Giải B năm 2014), *Không Pắc quê tôi* (Giải B Liên hoan âm nhạc năm 2014), *Ngày của Cha* (Giải B năm 2015), *Mái ấm gia đình* (Giải B năm 2017), *Giữ xanh mái nhà chung* (Giải khuyến khích năm 2018).

Ông còn được Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam năm 2015 và nhiều bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

TÂY NINH QUÊ EM

Nhạc và lời: Nguyễn Quốc Tây

Quê hương em có núi Bà Đen. Dòng Vàm
(Quê hương) em bát ngát màu xanh. Tình người

Cỏ mát xanh hiền hoà. Quê em mùa hội xuân tháng
ấm áp thêm đậm đà. Em yêu lời mẹ ru thiết

giếng. Khách thập phương dâng hương lễ chùa.
tha. Cánh cò bay xông xao cánh đồng.

Quê em có Toà Thánh tôn nghiêm, rừng Thiên
Em yêu những ngày tháng vui chơi. Thời học

Nhiên xanh mát, êm đêm. Quê em Hồ Dầu Tiếng mệnh
sinh cấp sách đắp trường. Yêu con đường đầy lá me

1.
mông bay. đưa nước về khắp cánh đồng quê.
Yêu Tây

2.
(Quê hương) Ninh quê em đẹp tươi.



– Hãy cho biết đôi nét về sự nghiệp hoạt động âm nhạc và các tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ tiêu biểu ở tỉnh Tây Ninh.

– Nêu cảm nhận của em về bài hát Tây Ninh quê em.



Luyện tập

1. Nghe và vận động theo nhạc bài hát: Tây Ninh quê em, Tự nguyện.
2. Hãy chọn một loại nhạc cụ mà em thích, phù hợp khả năng để đệm cho một trong các bài hát trên.



Vận dụng

1. sưu tầm một số bài hát viết về tỉnh Tây Ninh.
2. Em cần làm gì để giới thiệu những ca khúc viết về tỉnh Tây Ninh?
3. Hãy cùng bạn sáng tạo mẫu gõ đệm bằng nhạc cụ gõ hoặc vận động cơ thể cho bài hát của nhạc sĩ tỉnh Tây Ninh mà em biết và yêu thích.



**Mục tiêu**

- Biết được thân thế, sự nghiệp và tác phẩm của họa sĩ địa phương.
- Giới thiệu được tác giả, tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu của họa sĩ địa phương.
- Biết thực hiện, sáng tạo các sản phẩm mỹ thuật theo năng lực cá nhân.
- Biết trân trọng và phát huy giá trị nghệ thuật đặc sắc của địa phương.

**Khởi động**

Tìm hiểu tác phẩm lịch sử gốm sứ đặt tại Trung ương Cục miền Nam, tỉnh Tây Ninh. Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm này.



Hình 1. Bức tranh hoành tráng tại Khu di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, huyện Tân Biên
(Nguồn: baotayninh.vn)



I. TÌM HIỂU VỀ BỐI CẢNH MĨ THUẬT TÂY NINH

Tây Ninh là tỉnh biên giới thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm tiếp giáp giữa vùng núi cao nguyên Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Trong thời kì chiến tranh chống Mỹ cứu nước, Tây Ninh là một địa bàn chiến lược về kinh tế, quốc phòng, là căn cứ địa của cách mạng miền Nam. Trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đội ngũ họa sĩ – chiến sĩ đóng vai trò quan trọng trong công tác mỹ thuật kháng chiến. Những tác phẩm hội họa, kí họa kháng chiến không chỉ ghi lại nhiều sự kiện, tính cách anh hùng của những người con bình dị nhưng chứa đựng sức sống mãnh liệt trên mảnh đất Tây Ninh mà còn đóng vai trò cổ động, động viên phong trào tòng quân, sản xuất, tuyên truyền trong nhân dân.



Hình 2. Căn cứ Trung ương Cục miền Nam –
Di tích Quốc gia đặc biệt
theo Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 10 – 5 – 2012
(Nguồn: khamphatayninh.vn)

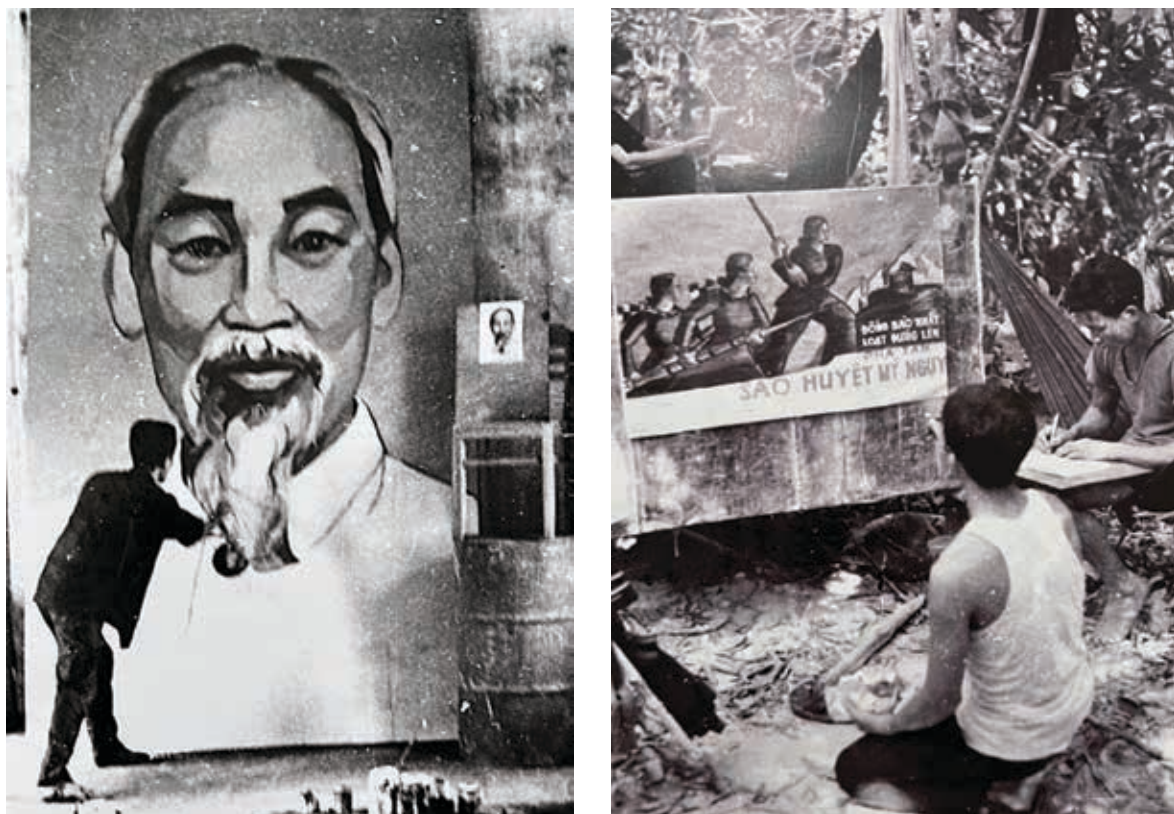


Hình 3. Lớp vẽ phòng Hội họa Giải phóng
tại Trung ương Cục miền Nam

Được sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, phòng Hội họa Giải phóng được thành lập tại Tây Ninh để đảm nhiệm công tác mỹ thuật phục vụ công cuộc giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Năm 1962, đồng chí Trần Bạch Đằng (Phó Ban thường trực Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam) kí quyết định thành lập phòng Hội họa Giải phóng, phân công họa sĩ Cổ Tấn Long Châu làm trưởng

phòng, họa sĩ Trang Phượng làm phó phòng. Nhiệm vụ của phòng Hội họa Giải phóng là vẽ tranh cổ động, tranh đả kích, in và gửi cho các địa phương, trang trí đại hội, hội nghị, trình bày và minh họa sách báo cho các ban ngành, đoàn thể Trung ương Cục, tựa phim cho xưởng phim Giải phóng,...

Trong khoảng thời gian từ năm 1962 đến năm 1975, các họa sĩ đã không ngừng sáng tác phục vụ chiến đấu, bồi dưỡng, mở lớp dạy vẽ mỹ thuật để phát triển lực lượng và từ đó tác động, ảnh hưởng của phòng Hội họa Giải phóng lan rộng khắp mọi nơi.



Hình 4. Vẽ tranh Bác Hồ và sinh hoạt của văn nghệ sĩ phòng Hội họa Giải phóng

Năm 1964, lớp hội họa đầu tiên được tổ chức tại vùng căn cứ Tây Ninh gồm hơn 68 học viên từ Bình Thuận đến mũi Cà Mau, do họa sĩ Huỳnh Phương Đông, Thái Hà, Cổ Tấn Long Châu, Trang Phượng, Sáu Lương cùng dạy. Những năm 1966, 1969, 1973, 1974,... các họa sĩ Thái Hà, Lê Lam, Đỗ Đồng, Thanh Châu tiếp tục mở các lớp học ngắn hạn cho các cán bộ làm công tác mỹ thuật ở địa phương. Lực lượng này vừa là nghệ sĩ vừa là chiến sĩ, đã ghi lại những sự kiện lịch sử hào hùng. Nhiều tác phẩm mỹ thuật, kí họa kháng chiến không chỉ ca ngợi tinh thần, nghị lực của những người con trên mảnh đất Tây Ninh mà còn như nhắ n nhủ với thế hệ trẻ về hình ảnh những người họa sĩ – chiến sĩ cách mạng đã vượt qua khó khăn, gian khổ của cuộc chiến tranh, tạo nên nhiều tác phẩm mỹ thuật góp phần làm phong phú thêm cho nền mỹ thuật Việt Nam. Sau năm 1975, những học viên trưởng thành từ các lớp học do các họa sĩ phòng Hội họa Giải phóng đào tạo, tiếp tục được đào tạo tại các trường mỹ thuật trong và ngoài nước, trở thành các họa sĩ, điêu khắc gia, giảng viên tại các cơ sở đào tạo mỹ thuật trong nước hoặc trở thành các nhà quản lí Mỹ thuật ở Trung ương và nhiều địa phương.



Hình 5. Tranh cổ động và kí hoạ màu nước ở căn cứ phòng Hội hoạ Giải phóng của họa sĩ Huỳnh Phương Đông



Hình 6. Kí hoạ màu nước *Được lệnh xuất kích* của họa sĩ Thanh Châu (1965)

Tây Ninh là căn cứ địa cách mạng của hai thời kì kháng chiến với nhiều di tích lịch sử văn hoá như Trung ương Cục miền Nam, là nguồn cảm hứng cho các văn nghệ sĩ có nhiều sáng tác ca ngợi vẻ đẹp quê hương và hào khí anh hùng của người dân Tây Ninh. Nhìn chung, mỹ thuật Tây Ninh trong thời kì kháng chiến khá sôi nổi với sự tham gia của các họa sĩ Tam Bạch (Nguyễn Ngọc Thừa), Võ Đồng Minh (Nguyễn Văn Lắm) và nhiều họa sĩ đã từng tham gia cuộc kháng chiến hào hùng trên mảnh đất Tây Ninh.

Năm 1985, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Tây Ninh được thành lập gồm các phân hội chuyên ngành Văn học – Văn nghệ dân gian, Âm nhạc và Múa, Sân khấu, Nhiếp ảnh và

Mĩ thuật. Trong lĩnh vực mỹ thuật, các họa sĩ, nhà điêu khắc Tây Ninh đã không ngừng sáng tác và đóng góp nhiều tác phẩm có giá trị cho xã hội. Năm 2013, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh đã tổ chức Lễ công bố và trao Giải Văn học Nghệ thuật Xuân Hồng lần I, tôn vinh 16 tác giả hoạt động văn học nghệ thuật trong thời kì kháng chiến, trong đó có tác giả mỹ thuật là họa sĩ Nguyễn Ngọc Thừa và họa sĩ Võ Đồng Minh. Giải Văn học Nghệ thuật Xuân Hồng lần II tổ chức năm 2016 nhân dịp kỉ niệm 180 năm tỉnh Tây Ninh hình thành và phát triển, giải thưởng mỹ thuật được trao cho các họa sĩ Nguyễn Ngọc Thừa, Đặng Văn Thúc, Nguyễn Văn Bình, Trần Văn Chính, Nguyễn Hà Lai. Giải Văn học Nghệ thuật Xuân Hồng lần III tổ chức năm 2021 đã có các họa sĩ vinh dự nhận giải thưởng là Đặng Văn Thúc, Nguyễn Thanh Vũ, Trần Văn Chính, Nguyễn Văn Bình, Phan Hùng Dể. Bên cạnh đó, tỉnh Tây Ninh còn quan tâm và đăng cai tổ chức các hoạt động mỹ thuật như Liên hoan Mỹ thuật khu vực VII miền Đông Nam bộ lần thứ XVII năm 2012, Triển lãm tranh, tượng và ảnh nghệ thuật chủ đề “Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh – 40 năm mùa xuân”, Triển lãm tranh tượng và ảnh nghệ thuật “Tây Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới” năm 2015, phối hợp với Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật tỉnh Long An tổ chức Lễ Kỉ niệm 65 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho giới Mỹ thuật (từ 10 – 12 – 1951 đến 10 – 12 – 2016) và khai mạc triển lãm “Chung một dòng sông” tại Tây Ninh. Các trại sáng tác chuyên môn về hội họa sơn mài, đồ họa khắc gỗ,... nhằm khích lệ động viên các nghệ sĩ tham gia sáng tác, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, cập nhật những kĩ thuật mới trong sáng tác cũng được tổ chức.



Hình 7. Trại sáng tác Mỹ thuật năm 2018 tại Tây Ninh
Họa sĩ Lê Xuân Chiêu, Phó Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật Đồ họa, Hội Mỹ thuật Việt Nam
và bà Đặng Thị Phượng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh
chụp cùng các họa sĩ tham gia trại sáng tác.

(Nguồn: baotayninh.vn)

Hình 8. Trại sáng tác tranh sơn mài năm 2018 tại Tây Ninh
(Nguồn: Thanh Vũ)



Em hãy trình bày vài nét về
bối cảnh mỹ thuật địa phương.

II. TÌM HIỂU CÁC HOẠ SĨ, ĐIỀU KHẮC GIA TIÊU BIỂU CỦA TỈNH TÂY NINH

1. Hoạ sĩ Võ Đồng Minh (1942)

Hoạ sĩ Võ Đồng Minh (tên thật là Nguyễn Văn Lắm), nguyên là Phó chánh văn phòng Huyện uỷ Tân Biên. Ông tham gia lớp bồi dưỡng Mỹ thuật Giải phóng khoá I của Trung ương Cục miền Nam tại Tây Ninh và là hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam từ năm 1978. Niềm đam mê của tác giả là vẽ chân dung Hồ Chủ tịch, chân dung nhân vật nổi tiếng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các chủ đề tái hiện cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ của dân tộc. Tác phẩm mỹ thuật của ông đã nhận được nhiều giải thưởng ở địa phương và Trung ương như Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Xuân Hồng lần thứ nhất ở Tây Ninh năm 2013, giải nhất tranh biếm hoạ Tây Ninh, giải thưởng tranh cổ động toàn quốc năm 1996.



Hình 9.
Hoạ sĩ Võ Đồng Minh
bên tác phẩm
Đại tướng Võ Nguyên Giáp
(Nguồn: baotayninh.vn)



Hình 10. **Tình đồng chí**, bút bi, họa sĩ Võ Đồng Minh



Hình 11. **Đường ra trận**, bút bi, họa sĩ Võ Đồng Minh



Hình 12. Kí họa **Tổ trình sát D14 đánh phản kích**, bút mực, họa sĩ Võ Đồng Minh



Hình 13. Kí họa **Đại đội 5 pháo kích vào Tiểu khu Tây Ninh**, bút mực, họa sĩ Võ Đồng Minh



Hình 14. Kí họa **Tái đạn ra tiền tuyến**, bút mực, họa sĩ Võ Đồng Minh

2. Hoạ sĩ Tam Bạch

Hoạ sĩ Tam Bạch (tên thật là Nguyễn Ngọc Thừa), nguyên là Phó Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Tây Ninh khoá I và II. Ông được Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Xuân Hồng lần I ở Tây Ninh năm 2012. Đây là giải thưởng được trao tặng 5 năm một lần, nhằm động viên các thể hệ văn nghệ sĩ có nhiều đóng góp cho sự nghiệp văn học nghệ thuật của tỉnh Tây Ninh. Trong kháng chiến chống Mỹ, khi nghe tin Bác mất, hoạ sĩ Tam Bạch đã cùng hoạ sĩ Võ Đồng Minh vẽ chân dung HỒ Chủ tịch.

Để tỏ lòng kính yêu và tiếc thương vô hạn của quân và dân Tây Ninh khi Bác ra đi, lãnh đạo Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ đã xây dựng đền thờ Bác. Bản thiết kế ngôi đền do ông Phan Văn (nguyên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh) phụ trách, phần thi công do ông Vũ Đài Quang chịu trách nhiệm, hoạ sĩ Tam Bạch đảm nhiệm việc trang trí nội thất. Ngôi đền hình thành sau gần một tháng thi công. Bức chân dung Bác do hoạ sĩ Tam Bạch vẽ được đặt ở vị trí trang trọng trong ngôi đền. Đây là một trong những tác phẩm thành công của tác giả trong cuộc đời sáng tác.



Hình 15. Bức phù điêu **Đồng khởi Tua Hai** do hoạ sĩ Tam Bạch thực hiện
Địa điểm chiến thắng Tua Hai được Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch công nhận
là di tích lịch sử văn hoá theo Quyết định số 937/QĐ-BT ngày 23 tháng 7 năm 1993.



Em hãy cho biết đôi nét về sự nghiệp hoạt động mỹ thuật và tác phẩm của một vài hoạ sĩ, nhà điêu khắc tiêu biểu ở Tây Ninh.

III. TÁC PHẨM MĨ THUẬT TIÊU BIỂU

Hoạt động 1:



Hình 16. Biểu trưng nét đẹp Tây Ninh ở vòng xoay 30 – 4, cao 14 m, chất liệu thép
Công trình đoạt giải Nhất tại cuộc thi tuyển phương án kiến trúc biểu tượng tỉnh Tây Ninh



Em hãy giới thiệu sơ lược về tác phẩm trên và cho biết đặc điểm tạo hình của tác phẩm.

Hoạt động 2:



Hình 17. **Phong cảnh**, khắc gỗ, họa sĩ Đặng Văn Thúc
Giải khuyến khích Triển lãm Mỹ thuật Khu vực VII (Đông Nam Bộ), năm 2021



Hình 18. **Chuẩn bị ra khơi,**
khắc gỗ, hoạ sĩ Đặng Văn Thúc
Giải khuyến khích Triển lãm
Mĩ thuật Khu vực VII
(Đông Nam Bộ), năm 2018

Hình 19.
Trung ương Cục miền Nam,
khắc gỗ, hoạ sĩ Đặng Văn Thúc
Giải thưởng Xuân Hồng
tỉnh Tây Ninh, năm 2021



Hình 20. **Làng chài ven đảo,**
sơn mài, hoạ sĩ Trần Văn Chính



Hình 21. **Phong cảnh Ma Thiên Lãnh**, sơn dầu, họa sĩ Trần Văn Chính



Hình 22. **Đảo của tình yêu**, giấy dó, họa sĩ Nguyễn Văn Bình



Hình 23. **Hồn nước**, điêu khắc gỗ, nhà điêu khắc Nguyễn Hữu Thoại



Hình 24. **Chân dung**, đồng,
nhà điêu khắc Nguyễn Hữu Thoại



Hình 25. **Mưa, xi măng**,
nhà điêu khắc Nguyễn Hữu Thoại



Lựa chọn tác phẩm em thích và trình bày sự hiểu biết của mình về vẻ đẹp tạo hình của tác phẩm.



Luyện tập

1. Giới thiệu chân dung một số tác giả mỹ thuật tiêu biểu ở địa phương.
2. Hãy chọn một tác phẩm yêu thích của họa sĩ địa phương, trình bày nội dung, đặc điểm nghệ thuật và chất liệu thể hiện tác phẩm.



Vận dụng

1. Sưu tầm một số tác phẩm mỹ thuật về Tây Ninh.
2. Giới thiệu với bạn bè, người thân chân dung một số tác giả mỹ thuật ở tỉnh Tây Ninh.

KINH TẾ TỈNH TÂY NINH



Mục tiêu

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế tỉnh Tây Ninh.
- Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu các ngành kinh tế địa phương.
- Trình bày được những định hướng phát triển kinh tế tỉnh Tây Ninh.
- Phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về các ngành kinh tế địa phương.
- Tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.



Khởi động

Kể tên các ngành kinh tế của tỉnh Tây Ninh qua những hình ảnh dưới đây.



1

(Nguồn: Như Lan)



2

(Nguồn: baotayninh.vn)



3

(Nguồn: jobsgo.vn)



4

(Nguồn: vietnamnet.vn)



5

(Nguồn: investvietnam.vn)



6

(Nguồn: baotayninh.vn)



Khám phá

I. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TÂY NINH

Phát triển kinh tế tỉnh Tây Ninh dựa vào tiềm năng, lợi thế đặc thù, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực (bên trong và bên ngoài tỉnh), đột phá trên cơ sở quản lý và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực đất đai, tài nguyên; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với chuyển đổi số nền kinh tế, tham gia sâu rộng, có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị sản phẩm hàng hoá, dịch vụ toàn cầu, phát huy các lợi thế cạnh tranh để mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội, bảo đảm môi trường bền vững.

a. Vị trí địa lý

Tây Ninh là một tỉnh ở Đông Nam Bộ, phía đông giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước; phía nam và đông nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An; phía bắc và tây bắc giáp ba tỉnh Svay Riêng, Prey Veng và Tboung Khmum của Cam-pu-chia. Tỉnh Tây Ninh là cầu nối giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thủ đô Phnôm Pênh (vương quốc Cam-pu-chia), là một trong những tỉnh nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tỉnh có thành phố Tây Ninh nằm cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 99 km theo đường quốc lộ 22, cách biên giới Cam-pu-chia 40 km về phía tây bắc; có trục đường Xuyên Á đi qua và 240 km đường biên giới gần với 3 cửa khẩu quốc tế là Mộc Bài, Xa Mát, Tân Nam và nhiều cửa khẩu tiểu ngạch đã giúp tỉnh trở thành cửa ngõ giao lưu thương mại, hợp tác đầu tư phát triển kinh tế với Cam-pu-chia và khu vực ASEAN. Từ lợi thế về điều kiện kết nối giữa Đông Nam Bộ với nước bạn Cam-pu-chia và các nước trong khu vực ASEAN, có nhiều di tích và danh thắng, tỉnh có thể liên kết với các tỉnh, thành phố của nước bạn để xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng nhằm phát triển du lịch.

b. Nhân tố tự nhiên

• *Địa hình*

Tỉnh Tây Ninh nổi cao nguyên Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long, vừa mang đặc điểm của một cao nguyên, vừa có dáng dấp, sắc thái của vùng đồng bằng. Trên địa bàn vùng cao phía bắc có núi Bà Đen cao nhất Nam Bộ (986 m). Nhìn chung, địa hình tỉnh Tây Ninh tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển toàn diện nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng⁽¹⁾.

• *Khí hậu*

Khí hậu tỉnh Tây Ninh tương đối ôn hoà, chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô. Mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau và tương phản rất rõ với mùa mưa (từ tháng 5 – tháng 10). Chế độ bức xạ dồi dào, nhiệt độ cao và ổn định. Nhiệt độ trung bình năm của tỉnh Tây Ninh là 26,9°C, lượng ánh sáng quanh năm dồi dào, mỗi ngày trung bình có đến 6 giờ nắng.

Lượng mưa trung bình hằng năm từ 1 400 – 2 000 mm, độ ẩm trung bình trong năm vào khoảng 70 – 80%, tốc độ gió 1,7 m/s và thời điều hoà trong năm. Tỉnh Tây Ninh chịu ảnh hưởng của 2 loại gió chủ yếu là gió Tây – Tây Nam vào mùa mưa và gió Bắc – Đông Bắc vào mùa khô.

• *Tài nguyên thiên nhiên*

Tài nguyên đất

Tỉnh Tây Ninh có 5 nhóm đất chính với 15 loại đất khác nhau:

Nhóm đất xám (gồm 6 loại) có diện tích 339 833 ha, chiếm khoảng 84,4% diện tích tự nhiên và phân bố trên toàn tỉnh. Loại này có thành phần cơ giới nhẹ, dễ thoát nước, phù hợp với nhiều loại cây trồng.

Nhóm đất phèn (gồm 3 loại) với tổng diện tích 25 359 ha, chiếm 6,3% diện tích tự nhiên, chủ yếu phân bố ở huyện Châu Thành, Gò Dầu, thị xã Trảng Bàng.

Nhóm đất đỏ vàng (gồm 3 loại) chiếm tỉ trọng không lớn, khoảng 1,6% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở huyện Tân Biên, Tân Châu. Loại đất này có thể được sử dụng để phát triển lâm nghiệp.

Nhóm đất phù sa (gồm 2 loại) chiếm 0,4% diện tích tự nhiên, hình thành do bồi tích của các con sông nên thích hợp trồng các loại lúa nước và rau màu.

Nhóm đất than bùn chôn vùi có diện tích rất nhỏ, chỉ chiếm 0,3% diện tích tự nhiên của tỉnh. Chủ yếu phân bố tại huyện Bến Cầu, Châu Thành,... đây là loại đất rất chua, cả tầng mặt và tầng than bùn, độ pH từ 2 – 3. Hàm lượng chất hữu cơ rất cao, nhưng độ phân giải kém.

⁽¹⁾ Trích từ trang Cổng thông tin điện tử Bộ kế hoạch và Đầu tư.

Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt của tỉnh Tây Ninh chủ yếu dựa vào chế độ hoạt động của 2 con sông lớn là sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông.

Tài nguyên khoáng sản

Tỉnh Tây Ninh có tiềm năng về một số loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng, trong đó có khoáng sản làm xi măng, đất sét làm gạch ngói, đá, cát xây dựng. Trữ lượng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng khá lớn, chất lượng tốt⁽¹⁾.

c. Nhân tố kinh tế – xã hội

• Dân cư

Theo thống kê về dân số năm 2020, dân số tỉnh Tây Ninh ước đạt 1 178 329 người. Trong đó, khu vực thành thị là 381 106 người (chiếm 32,3%, tăng 82,96%), dân số nông thôn là 797 223 người (chiếm 67,7%, giảm 17,75% so với năm 2019).

Tỉnh Tây Ninh có 21 dân tộc anh em sinh sống. Mỗi dân tộc tuy có những phong tục, tập quán sinh hoạt khác nhau nhưng đều có truyền thống chung là sống đoàn kết với cộng đồng, lao động cần cù, dũng cảm chiến đấu chống giặc ngoại xâm, chống thiên tai,... Tất cả đã tạo nên cho tỉnh Tây Ninh một nền văn hoá đa dạng, phong phú và đầy bản sắc.

Về tôn giáo, ở tỉnh Tây Ninh có đạo Phật, đạo Cao Đài, đạo Công Giáo, đạo Tin Lành, đạo Hồi và một số tôn giáo khác.

• Khu công nghiệp

Tính đến năm 2022, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Khu Chế xuất Linh Trung III, Khu công nghiệp Chà Là cơ bản đã được lấp đầy; Khu Liên hợp Công nghiệp – Đô thị – Dịch vụ Phước Đông – Bời Lời, Khu công nghiệp Thành Thành Công thu hút nhiều dự án đầu tư quy mô lớn.



Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế tỉnh Tây Ninh.

II. TÌM HIỂU VỀ CƠ CẤU CÁC NGÀNH KINH TẾ Ở TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

1. Cơ cấu kinh tế tỉnh Tây Ninh

Tốc độ tăng trưởng GRDP (tổng sản phẩm trên địa bàn) của tỉnh đạt 7,2%, cao hơn mức bình quân chung cả nước. Quy mô nền kinh tế tăng gấp 1,68 lần so với giai đoạn trước. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 3 135 USD, cao gấp 1,51 lần so với năm 2015.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm 76,9% trong GRDP.

⁽¹⁾Theo Cổng thông tin điện tử tỉnh Tây Ninh

2. Các ngành kinh tế của tỉnh Tây Ninh

a. Công nghiệp

Ngành công nghiệp giữ vai trò trụ cột trong việc phát triển kinh tế của tỉnh Tây Ninh. Năm 2020, tỉ trọng ngành công nghiệp trong GRDP đạt 44,5% là bước tiến lớn so với mức 28% năm 2015; giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016 – 2020 tăng 16,7%/năm. Các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp có xu hướng gia tăng hàm lượng các yếu tố về công nghệ và tự động hoá, hướng đến tạo ra các sản phẩm mới, sản phẩm tinh chế, có giá trị gia tăng cao. Đặc biệt, với 9 nhà máy điện năng lượng mặt trời đi vào vận hành, có tổng công suất là 678 MWp, đưa tỉnh Tây Ninh vào nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về điện mặt trời. Sự phát triển mạnh của sản xuất công nghiệp là nhân tố quyết định đến sự gia tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 19 tỉ USD, tăng bình quân 8%/năm; trong đó, nhóm hàng hoá công nghiệp chiếm đến 81,8%.

b. Nông nghiệp

Ngành nông nghiệp cơ cấu lại theo hướng nâng cao giá trị. So với các địa phương khác trong khu vực, tỉnh Tây Ninh có nhiều lợi thế tự nhiên vượt trội để phát triển nông nghiệp, đó là: có đến 270 000 ha quỹ đất dành sản xuất nông nghiệp; địa hình khá bằng phẳng, thuận tiện sử dụng cơ giới hoá; đất đai phù hợp với nhiều loại nông sản nhiệt đới có giá trị cao; có hệ thống thuỷ lợi khá đồng bộ, với hệ thống thuỷ lợi Dầu Tiếng quy mô lớn nhất nước, có thể tưới tiêu chủ động cho 47 000 ha đất canh tác. Đến nay, tỉnh đã thu hút đầu tư được 24 dự án nông nghiệp, gắn với phát triển theo chuỗi giá trị nông nghiệp công nghệ cao, có tổng vốn đăng kí trên 1 652 tỉ đồng. Thị trường tiêu thụ được mở rộng, bên cạnh thị trường truyền thống như Trung Quốc, các nước ASEAN; nhiều sản phẩm nông nghiệp gồm hạt điều, cao su,... đã xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Mỹ, EU,... Cùng với phát triển kinh tế, diện mạo nông thôn, đời sống văn hoá và tinh thần của người dân cũng có nhiều thay đổi, khởi sắc qua phong trào xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2020, có 45/71 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 63,4%.

c. Dịch vụ

Ngành dịch vụ ưu tiên những ngành có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao như: Tài chính – ngân hàng, logistics – vận tải, khoa học công nghệ, y tế, du lịch,... Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ giai đoạn 2016 – 2020 đạt 6% trở lên; tỉ trọng khu vực dịch vụ trong GRDP đạt 32,4% vào năm 2020.

Trong đó, nhóm ngành dịch vụ chú trọng vào việc khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về du lịch. Kết nối các khu du lịch quốc gia thành chuỗi du lịch hấp dẫn; đa dạng hoá các loại hình, sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng của tỉnh, phát triển các loại hình dịch vụ du lịch về đêm, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp khám chữa bệnh,...

Bên cạnh đó, nhờ thực hiện đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp, tỉnh đã thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược như: Tập đoàn Sun Group đầu tư vào Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, xây dựng tuyến cáp treo lên đỉnh núi được Guinness World Records công nhận kỉ lục “Nhà ga cáp treo lớn nhất thế giới”; Tập đoàn Vingroup đầu tư Trung tâm thương mại

Shophouse và khách sạn 5 sao Vinpearl;... Dịch vụ du lịch ngày càng phát triển, lượng khách đến tham quan tại các khu, điểm du lịch ngày càng tăng.

Theo báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng Cơ quan Phát triển quốc tế Mỹ thực hiện và công bố ngày 15 – 4 – 2021, tỉnh Tây Ninh đạt 64,16 điểm, xếp hạng 24/63 tỉnh thành, thuộc nhóm khá. Trong giai đoạn này, đầu tư trong và ngoài nước tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 2010 – 2015. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 552 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng kí gần 78 nghìn tỉ đồng và 350 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng kí 7,77 tỉ USD.



- Vẽ biểu đồ thể hiện GRDP bình quân đầu người năm 2020 so với năm 2015 của tỉnh Tây Ninh.
- Trình bày cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2020.
- Nêu nhận xét về những ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2020.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

a. Định hướng phát triển kinh tế

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững dựa trên những động lực mới. Thực hiện hiệu quả các đột phá, trong đó tập trung phát triển hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, gắn với hình thành hành lang đô thị – công nghiệp. Tạo môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, hiệu quả; khuyến khích các doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ, góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập; nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Phấn đấu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế và GRDP bình quân đầu người cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước. Bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với đảm bảo vững chắc quốc phòng – an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường đối ngoại để giữ vững hoà bình, hợp tác và phát triển.

b. Chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế

- Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2025: công nghiệp – xây dựng từ 51 – 52%; dịch vụ từ 32 – 33%; nông – lâm – thuỷ sản từ 14 – 15%;
- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người từ 4 500 USD trở lên (chỉ tiêu sẽ được xem xét điều chỉnh khi cập nhật kết quả đánh giá lại quy mô nền kinh tế);
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu các ngành dịch vụ tăng bình quân từ 10% trở lên;

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân trên 8%;
- Phần đầu tỉ lệ đô thị hoá từ 50% trở lên⁽¹⁾.

c. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về kinh tế

Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của từng ngành, lĩnh vực.

• Cơ cấu lại ngành công nghiệp

Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường, ít rác thải, tiết kiệm năng lượng, đất đai và lao động.

Nâng cao hiệu quả hoạt động các khu, cụm công nghiệp hiện có; thành lập mới, mở rộng thêm một số khu, cụm công nghiệp ở những nơi có điều kiện. Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư lớn có công nghệ tiên tiến, thị trường ổn định và phát triển một số ngành, lĩnh vực như: chế biến tinh chế sản phẩm nông nghiệp theo định hướng sản xuất nông nghiệp mới, cơ khí chế tạo, chế tác, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị y tế, trang trí nội thất và lương thực, thực phẩm. Đa dạng hoá thu hút đầu tư nước ngoài, quan tâm lựa chọn nhà đầu tư uy tín, có khả năng liên kết và chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp trong nước, nhằm khai thác một cách hiệu quả các nguồn lực tại địa phương.

Xây dựng tiêu chí ưu tiên trong lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ, tập trung vào các khâu còn yếu của chuỗi giá trị hoặc công đoạn quyết định đến chất lượng, giá trị sản phẩm của ngành. Xây dựng và thực hiện chiến lược tiếp cận, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) của Việt Nam.

Tiếp tục khai thác tiềm năng điện mặt trời đi đôi với phát triển đồng bộ hạ tầng lưới điện; giám sát, đôn đốc việc xây dựng kết cấu hạ tầng điện theo quy hoạch, đảm bảo việc cung cấp điện cho sản xuất và tiêu dùng.

• Phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ

Nâng cao hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tập trung vào các hàng hoá có lợi thế xuất khẩu, các thị trường tiềm năng. Khuyến khích doanh nghiệp tăng cường xuất khẩu các mặt hàng, sản phẩm tinh chế. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước; thông tin, quảng bá thương hiệu, sản phẩm của tỉnh thông qua hoạt động cổng thương mại điện tử.

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021 – 2025.

Duy trì và mở rộng các hoạt động thương mại. Đầu tư xây dựng nâng cấp các bến bãi, quy hoạch hạ tầng kĩ thuật các cửa khẩu; nâng cấp mở rộng một số tuyến đường đến các cửa khẩu, đường tiểu ngạch nhằm thúc đẩy giao thương, trao đổi hàng hoá qua biên giới.

Nâng cao khả năng vận tải hàng hoá, kết hợp vận tải đa phương thức. Tăng cường công tác quản lí nhà nước về kiểm soát tải trọng phương tiện vận tải. Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách bằng xe buýt. Phấn đấu đến năm 2025, mạng lưới xe buýt của tỉnh mở rộng đến trung tâm các huyện, thị xã và một số khu vực đông dân cư trên địa bàn.

Nâng cấp hạ tầng viễn thông, phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số, hướng đến chuyển đổi số toàn diện; dịch vụ viễn thông tham gia vào mọi mặt của đời sống xã hội.

Tiếp tục xây dựng, phát triển nền tảng Chính quyền số gắn với xây dựng đô thị thông minh. Cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3,4; tỉ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 60%; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

• *Xác định du lịch là một trong những trọng tâm đột phá, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh*

Rà soát quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 để cập nhật vào quy hoạch tỉnh theo hướng tập trung nguồn lực xây dựng các khu vực làm động lực phát triển du lịch.

Chủ động mời gọi các nhà đầu tư có năng lực thực hiện đầu tư các khu, điểm du lịch theo quy hoạch. Khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các dịch vụ du lịch đủ tiêu chuẩn phục vụ du khách; nhất là các dịch vụ du lịch chất lượng cao, dịch vụ mua sắm, ăn uống gắn với sản phẩm đặc sản của tỉnh.

Phát triển và kết nối đồng bộ các sản phẩm du lịch ở Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, Tòa Thánh Cao Đài tỉnh Tây Ninh, Hồ Dầu Tiếng, Di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Vườn quốc gia Lò Gò Xa Mát trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn, mang đậm nét đặc trưng riêng có của địa phương. Xây dựng phát triển thành phố Tây Ninh thành đô thị du lịch xanh, là trung tâm vui chơi, giải trí, mua sắm quy mô, chất lượng đáp ứng các nhu cầu của du khách.

Xây dựng chương trình quảng bá, giới thiệu du lịch chuyên nghiệp, hiệu quả; khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch chung của tỉnh và riêng cho doanh nghiệp. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và dịch vụ du lịch.

- *Đẩy mạnh cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới*

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu và giống cây trồng, cơ cấu vùng sản xuất và diện tích sản xuất cây trồng, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng (đất đai, nguồn nước,...), đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển vùng nguyên liệu chế biến nông sản. Phát triển các hình thức sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hướng tới đáp ứng yêu cầu xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ).

Phát triển chăn nuôi theo phương thức bán công nghiệp và công nghiệp, áp dụng tiến bộ kĩ thuật tiên tiến, an toàn sinh học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xây dựng nhà máy chế biến tại địa phương nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Phát huy hiệu quả kinh tế đối với rừng sản xuất, kết hợp phát triển rừng với phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ môi trường rừng ở những nơi có điều kiện.

Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực có lợi thế như chế biến rau, quả, nhà máy giết mổ gia súc, chế biến thịt, sữa, thủy sản, gỗ. Sắp xếp quỹ đất của các công ty nông nghiệp, tạo quỹ đất sạch thu hút các dự án nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với liên kết sản xuất nông dân địa phương. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển hợp tác xã kiểu mới và chuỗi giá trị nông sản.

Thực hiện đồng bộ giữa đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu về kinh tế – xã hội nông thôn gắn với phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn (nhất là vùng sâu, vùng biên giới). Lựa chọn, triển khai, xây dựng xã nông thôn mới, kiểu mẫu; thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Kết nối hệ thống cấp nước sinh hoạt theo quy mô liên ấp, liên xã; nâng cao chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

**Bảng 1. Các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế của tỉnh Tây Ninh,
kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025**

STT	Chỉ tiêu về kinh tế	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021 – 2025
1	Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người	USD	4 500 trở lên
2	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2025 (<i>giá hiện hành</i>)		
	Công nghiệp – Xây dựng	%	51 – 52
	Dịch vụ (<i>chưa tính thuế sản phẩm khoảng 3 – 5%</i>)	%	32 – 33
	Nông – lâm – thủy sản	%	14 – 15
3	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu các ngành dịch vụ tăng bình quân	%	10% trở lên
4	Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân	%	trên 8%
5	Phần đầu tỉ lệ đô thị hoá	%	50% trở lên

**Bảng 2. Các chỉ tiêu về phát triển ngành kinh tế của tỉnh Tây Ninh,
kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025**

STT	Chỉ tiêu về phát triển ngành kinh tế	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021 – 2025
1	Diện tích gieo trồng cây hằng năm	ha	373 256
2	Diện tích cây lâu năm	ha	123 837
3	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	%	51 – 52
	Lúa	tạ/ha	58
	Mía	tạ/ha	792,5
	Mì	tạ/ha	332
	Bắp	tạ/ha	63
	Đậu phộng	tạ/ha	37,5
4	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	%	10% trở lên
	Lúa	tấn	753 929
	Mía	tấn	554 740
	Mì	tấn	2 058 922
	Bắp	tấn	32 422
	Đậu phộng	tấn	16 978
5	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu		
	Thịt heo	tấn	60 000
	Thịt trâu	tấn	1 700
	Thịt bò	tấn	8 500
	Thịt gia cầm các loại	tấn	53 500
6	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	1 000
7	Sản lượng thủy sản	tấn	13 910
8	Tổng vốn thu hút đầu tư trong và ngoài nước		
	Đầu tư trong nước	triệu USD	2 100
	Đầu tư nước ngoài	tỉ đồng	34 500
9	Số doanh nghiệp đăng kí thành lập mới	doanh nghiệp	2 750
	Vốn đăng kí	tỉ đồng	40 000



Trình bày nội dung cơ bản trong định hướng phát triển kinh tế tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2025.



Luyện tập

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các giải pháp chính để phát triển các ngành kinh tế trong kế hoạch phát triển kinh tế tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2025.



Vận dụng

- 1. Em nhận thức như thế nào về trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp của tỉnh nhà?*
- 2. Lập kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2025.*

BẢNG THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM	GIẢI THÍCH	TRANG
Biến đổi khí hậu	Sự thay đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình nhiều năm.	28
Cải lương	Một loại hình kịch hát có nguồn gốc từ miền Nam Việt Nam, hình thành trên cơ sở dòng nhạc Đờn ca tài tử và dân ca miền đồng bằng sông Cửu Long.	65
Chăm	Là khâu từng mũi qua nhiều lớp để làm cho chắc.	26
Đông	Là hiện tượng thời tiết xảy ra chủ yếu trong mùa hạ, liên quan với sự phát triển mạnh mẽ của đối lưu nhiệt và các nhiễu động trong khí quyển.	32
GlobalGAP	Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (viết tắt của Global Good Agricultural Practice). Đây là một bộ tiêu chuẩn (tập hợp các biện pháp kỹ thuật) về thực hành nông nghiệp tốt được xây dựng để áp dụng tự nguyện cho sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch cho các nông sản (bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) trên phạm vi toàn cầu.	94
Gò	Là làm biến dạng tấm kim loại, thường bằng phương pháp thủ công, để tạo thành vật gì đó.	26

GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn (viết tắt của Gross Regional Domestic Product). Đây là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh toàn bộ kết quả cuối cùng của các hoạt động sản xuất của tất cả các đơn vị thường trú trong nền kinh tế của tỉnh trong một thời kì nhất định (thường là một năm); phản ánh các mối quan hệ trong quá trình sản xuất, phân phối thu nhập, sử dụng cuối cùng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ trong nền kinh tế địa phương.	89
Hạn hán	Là dạng thiên tai mà tác động của nó thường tích lũy một cách chậm chạp trong một khoảng thời gian dài và có thể kéo dài trong nhiều năm sau khi đợt hạn kết thúc.	33
VietGAP	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam (viết tắt của Vietnamese Good Agricultural Practices). Tiêu chuẩn này do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành đối với từng sản phẩm, nhóm sản phẩm thủy sản, trồng trọt và chăn nuôi. Đây là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, xử lý sau thu hoạch nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng; đồng thời bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản xuất.	94
Vọng cổ	Điệu nhạc rất thịnh hành ở miền Tây Nam Bộ, Việt Nam. Bắt nguồn từ bài "Dạ cổ hoài lang" (nghe tiếng trống đêm, nhớ chồng) của cổ nhạc sĩ Cao Văn Lầu (tức Sáu Lầu). Vọng cổ là một trong những bài bản chính của sân khấu Cải lương.	61

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chịu trách nhiệm nội dung:

Biên tập nội dung:

Thiết kế sách:

Trình bày bìa:

Minh họa:

Sửa bản in:

Chế bản:

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH TÂY NINH – LỚP 10

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Sô ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: